

Nhìn Lại Chiến Thắng Xuân 1789 [Kỷ Dụ]

Vũ Ngyr Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ

*Quà Tết Ất Mùi, 19/2/2015
cho Thái Khiêm & Tường Vi*

Quang Trung Nguyễn Huệ (1752-1792) và nhà Tây Sơn (1778-1802) là một thí dụ tiêu biểu của lối viết sử một chiều trong khối sử văn cổ điển. Các tác giả thường chọn một phe để tái dựng giai đoạn lịch sử này, chẳng hạn, như “sử mệnh cách mạng của thợ thuyền đồng ruộng hay nông dân,” từng được Karl Marx thời trẻ gọi là “bị khoai của cách mạng vô sản [bag of potatoes].” Những người đứng về phe nhà Thanh (Qing, 1644-1912) thường “hiểu đại” coi đây là một trong 10 võ công của Hoàng Lịch (niên hiệu Càn Long [Qian long], 1735-1796, TTH 1796-1799), vì cuối cùng, “Nguyễn Quang Bình”—Quang Trung thực hay giả—cũng phải đích thân sang Nhiệt Hà [Johol] và Bắc Kinh [Beijing] làm lễ “bảo tât” [ôm đầu gối] Hoàng Lịch vào ngày thọ 80 tuổi—Một tiền lệ trong lịch sử bang giao hơn 7 thế kỷ giữa hai nước, mà chính Hoàng Lịch hai lần viết thành thơ, hay khắc vào mộ bia giả Quang Trung bên Hồ Tây Hà Nội năm 1792 (có lẽ đã mất tích, hay bị vua quan Nguyễn san bằng, theo luật được làm vua, thua làm giặc).

Nhà Tây Sơn (1778-1802)

Đầu năm 1771 [tháng Chạp Canh Dần [16/1-14/2/1771], anh em Nguyễn Văn Nhạc nổi lên ở Tây Sơn, Bình Khê, Qui Nhơn. Sử Nguyễn chép là mùa Thu Quý Tị (23/1/1773-10/2/1774), tức khi xảy ra biến cố Nguyễn Nhạc chiếm Kiên Thành, khởi đầu cuộc sụp đổ của chế độ vua Lê, chúa Trịnh và Nguyễn—cuộc nội chiến thứ hai trong lịch sử Việt Nam, kéo dài gần 150 năm giữa Đường Ngoài và Đường Trong, với sông Gianh hay Linh Giang (Nhật Lệ, Quảng Bình làm ranh giới). Mặc dù đầu năm 1775, chúa Trịnh Sâm (1741- 10/10/1782) thống nhất vương quốc An Nam cũ, nhưng trên thực tế lại khởi đầu cuộc nội chiến thứ ba, từ 1778 tới 1802, tức cuộc tranh hùng giữa Tây Sơn và Nguyễn Chủng (8/2/1762 -3/2/1820), một hậu duệ chúa Nguyễn, hay vua Gia Long (1/6/1802-3/2/1820), người khai nghiệp nhà Nguyễn (1/6/1802-25/8/1945 [8/3/1949-23/10/1955]). (1)

1. Những tài liệu chính sử dụng cho chương sách này gồm có Lê Quý Đôn, Phủ biên tạp lục [PBTL], bản dịch Lê Xuân Giáo, (Sài Gòn: 1972); Đại Nam Thực Lục Chính Biên [ĐNTLCB], 38 tập (Hà Nội : 1962-1978) ; Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện [ĐNCBLT], q. XXX: Ngụy Tây, 1-17a [Nguyễn Nhạc]; 17b-43b [Nguyễn Huệ]; 43b-56a [Quang Toàn], bản dịch Tạ Quang Phát (Sài Gòn: Văn Học, 1970); bản dịch (Hà Nội: 1993), 2: 491-540.

15/2/1771: Tết Tân Mão [3/2/1772]

Anh em Tây Sơn có ba người là Nhạc, Lữ và Huệ. Tổ tiên gốc huyện Hưng Nguyên, Nghệ An. Khoảng năm 1653-1657, ông tổ 4 đời bị chúa Nguyễn bắt vào Nam—nhân dịp vượt sông Gianh, đánh phá bắc Bô Chính—định cư ở ấp Nhất (tức thôn An Khê) vùng Tây Sơn, phủ Qui Ninh (sau đổi làm **An Tây**, Hoài Nhơn), phía tây huyện Tuy Viễn, gần nguồn sông Côn [sông Ba]. Trước là thủ sở nguồn Phương Kiêu, cách Tuy Viễn 63.75 km [150 lí TH]. Có trường giao dịch, bảy [7] đồn Trà Đình, Xuân Viên, Tam Giang, Hương Thủy, Trúc Lâm, Vụ Bản, Đài Tiên. Đất đai bằng phẳng và màu mỡ, ở phía trên sông Ba mấy dặm đã có sách man.” Cha là Phúc, dời nhà từ Ấp Nhứt về ấp Kiên Thành (thôn Phú Lạc, huyện Tuy Viễn. (2)

2. *Đại Nam Nhất Thống Chí [ĐNNTC]*, q. IX: Bình Định; (1997), 3:33-34, 39; *ĐNTLCB*, I, 4: 1809-1820, 1963:387 [**Tháng 8 Kỷ Mão, 19/9-18/10/1819**], **đổi tên ấp Tây Sơn thành. An Tây**]; *DNCBLT*, q. XXX: Ngụy Tây; (Sài Gòn: 1970), tr. 6-9. *Từ Tây Sơn [An Khê] đến thị xã/cảng Qui Nhơn khoảng hơn 60 cây số đường Quốc lộ 19. Căn cứ lúc đầu nằm ở vùng núi **Trụ Lĩnh, Mồ Ô**, nguồn **Phương Kiêu** tức thượng lưu sông Côn (Đà Rằng hay Ba). Đi về hướng tây nam khoảng 20 cây số tới **Bình Khê, tức ấp Tây Sơn, quê cũ anh em Nguyễn Nhạc**. Đi thêm khoảng 28 cây số tới ngã ba Quốc lộ 1 tức **Phú Phong**. Quẹo trái, theo hướng Bắc 4 cây số là thành Bình Định cũ. Quẹo mặt, theo hướng Nam 10 cây số tới Tuy Phước. Từ đây có đường rẽ vào Qui Nhơn. Tại Hưng Thạnh, có tháp đôi, nhưng tượng Civa đã mất, Hoàng Đạo Thúy, *Đi Thăm Đất Nước* (Hà Nội : 1978), tr. 378-79*

Khoảng năm 982, sau khi Indrapura bị tàn phá, vua Chăm dời đô về Vijaya tức thành Đồ Bàn, Phật Thệ, Chà Bàn hay chợ Chăm, cách Qui Nhơn 26 cây số về hướng tây bắc. Xem thêm Jean Yves Claeys, " Introduction à l'étude de l'Annam et Champa ; " *BAVH*, XXI, Nos 1-2 (1-6/1926), pp. 30-4 [1-144].

Qui Nhơn là trung tâm Phật Giáo quan trọng, chịu ảnh hưởng hai phái Lâm Tế và Tào Động thời mạt Minh. Các giáo sĩ Ki-tô cũng từng tới giảng đạo ở quê cũ của anh em Nguyễn Nhạc; và có tin đồn mẹ Nguyễn Nhạc đã " rửa tội." **Năm 1791, Quang Trung từng nghi ngờ một giáo sĩ đã đầu độc Bùi Hoàng hậu.**

Ba anh em đều là học trò **Giáo Hiến**, nguyên là môn khách của Ngoại hữu **Trương Văn Hạnh**. Sau khi Hạnh bị Trương Phúc Loan giết, Hiến chạy vào Qui Ninh, mở trường dạy học cả văn lẫn võ ở ấp An Thái. [Chợ An Thái ở huyện Tuy Viễn. An Khê cũng có chợ]. (ĐNNTC, q. IX: Bình Định; (1997), 3:44) Hiến rất quý trọng tài năng Nhạc.

Nhạc thoát tiên làm nghề **bán trầu** (đổi Thượng)—không phải nông dân thuần túy. Sau làm biện lại ở tuần Vân đồn. Có lần đi ngang núi An Dương, bắt được một cây kiếm cổ, cho là kiếm thần. Sau vì đánh bạc, thiếu tiền thuế, bị Đốc trung Đàng truy nã. Tháng 5-6/1771, Nhạc lên núi làm giặc. Nhân dịp Trương Phúc

Loan chuyên quyền, dân sự đói khổ, Nhạc phát cờ khởi nghĩa. **Lấy tiền người giàu chia cho người nghèo.** Có phú hộ **Huyền Khê** bỏ tiền giúp đỡ. Lại có thổ hào **Nguyễn Thung** tham gia. Thanh thế ngày một lớn.

Thời gian này, tại Phú Xuân đang có tranh chấp quyền lực. Hoàng tử thứ chín của Võ vương là Hiệu [hay Hạo, tức Phước Thăng, (hay Đức Mục) được lập làm Thế tử, nhưng chết sớm [năm 1760]. Con là Hoàng tôn Nguyễn Phước Dương còn nhỏ.

Một phe ủng hộ Phước Luân, tức Chương Vụ [Chương Vũ], con thứ hai Võ vương. Luân được di chúc lên ngôi, với sự phò tá của Ý Đức hầu. Mẹ Luân là ả hát. Theo tác giả *Sử Ký Đại Nam Việt [SKĐVN]* Chương Vụ tính rất giống cha, lấy nhiều vợ. Một trong những vợ của Chương Vụ là ả hát, . sinh ra Chủng và hai người con trai khác. (3)

3. *PBTL*, 1972, I:119 ; *SKĐVN*, 1974:3-4. Theo *Thực lục tiền biên*, Chủng sinh ngày 8/2/1762. Mẹ là nguyên phi, con gái cai cơ Nguyễn Phúc Trung; *ĐNTLTB*, XI: *Duệ Tông thượng*, 1962:227, 228

Một phe khác nữa ủng hộ Hoàng Thượng (Nguyễn Phước Thuần, 1754-1777). Thuần, còn có tên Hân, mẹ là Nguyễn thị Ngọc Châu, con Trương Phúc Phan. (Sau này Ngọc Châu đi tu, tức Tuệ Tĩnh). Vì rất yêu quý con thứ 16 Hoàng Thượng này, năm 1765, Võ Vương trời cho hai đại thần phò Hoàng Thượng lên ngôi chúa. Trương Phúc Loan (con Phúc Phan) cùng Thái giám Trừ Đức hầu và chương dinh Nguyễn Cửu Thông làm di chúc giả, lập Phước Thuần, lúc ấy mới 12 tuổi, tức Định Vương (1765-1777). (4)

4. *PBTL* (1972), I:119-20; *ĐNTLTB*, XI: *Duệ Tông thượng*, 1962:230) Có tin Võ vương còn lấy em làm vợ đẻ ra; *SKĐVN*, 1974:3-4.

Định Vương phong Loan làm Quốc phó. Hai con Loan đều lấy công chúa. Nắm hết quyền hành, thuế má nên vô cùng giàu có—một hiện tượng quen thuộc, tiêu biểu của bất cứ xã hội, chuyên chính nào, từ cổ chí kim, Đông qua Tây, quân chủ chuyên chế, hay “dân chủ tập trung, “định hướng xã hội chủ nghĩa.”Chiến dịch “đả hổ, đập ruồi” tại Trung Hoa từ cuối năm 2012 của Tập Cận Bình [Xin Ji-ping], hay “cải cách ruộng đất” trong thập niên 1950 của Mao Nhuận Chi, Đặng Tiểu Bình, Chu Ân Lai tại Trung Hoa, hay Linov Nguyễn Sinh Côn (1892-1969) và Đảng Cộng Sản Việt Nam [CSVN] từ 1952 tới 1956 là những thí dụ tiêu biểu và điển hình của truyền thống độc tài, những lạm quyền thế bất nhân. (*ĐNTLTB*, XI: *Duệ Tông thượng*, 1962, 1:232; *Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên [ĐNLTTB]*, q. VI: Nghịch thần, gian thần, (bản dịch Huế: 1993), 1:202-3; Cao Tự Thanh dịch và chú thích (Hà Nội: KHXH, 1995), tr 272).

Nguyễn Phước Luân [cha Chủng] bị Phúc Loan đẩy vào lãnh thất, tới tháng 10-11/1765 được phóng thích để chết ở phủ đệ, hưởng dương 33 tuổi. (*ĐNTLTB*, XI: *Duệ Tông thượng*, 1962, 1:230-31 [230-49]) Hai em ruột Luân là Chương Văn và Chương Hiền được nhiều người chống Phúc Loan ủng hộ. Nguyễn Văn Nhạc,

chẳng hạn, ủng hộ Chương Văn. Trong khi đó, Nguyễn Chung, con Luân, còn quá nhỏ (3 tuổi).

Tháng 7-8/1773, Loan giết Nguyễn Văn. Nguyên một số tôn thất ghét Loan sai Hàn lâm Ngô Đình Thứ và tri phủ Trần Giai làm giả ấn của Loan, và giả mạo thư Loan gửi Nguyễn Nhạc, rải ngoài đường. Tham mưu Tá bắt được, trình lên Chương cơ Văn. Văn yêu cầu chúa Thuần trừng phạt Loan. Loan cãi là bị vu cáo. Chúa Thuần bỏ qua. Loan nghi Tá là tác giả, bắt giết đi. Lại làm thư tố cáo Văn thông đồng với giặc làm phản. Nguyễn Văn sợ trốn đến một ngôi chùa. (SKĐNV, 1974:4-5) ; bị Nguyễn Hương bắt, đìm chết ở phá Tam Giang. Năm 1806, Gia Long cấp cho 50 mẫu ruộng để đáp ơn nuôi dưỡng hồi nhỏ. (ĐNTLTB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:242-43 [230-49]);

Tháng 8-9/1773, Nguyễn Nhạc dùng chiêu bài phò Hoàng tôn Dương làm Minh chủ, mang quân đi đánh khắp nơi. Người đương thời có câu: "**Binh triều, binh Quốc phó** [Loan]; **binh ó, binh Hoàng tôn.**" Binh "ó" tức "la ó." Tháng 11-12/1773, Nhạc chiếm Kiên thành. Tự xưng là Đệ nhất trại chủ, cai trị hai huyện Phù Ly và Bồng Sơn. Nguyễn Thung làm Đệ nhị trại chủ, cai quản huyện Tuy Viễn. Huyền Khê làm Đệ tam, trại chủ, coi việc binh lương. (5)

5. Phủ Hoài Nhơn thời Tự Đức gồm Bồng Sơn (từ Mộ Đức, Quảng Ngãi), tới Phù Ly (sau chia làm Phù Mỹ, Phù Cát). Huyện Tuy Viễn [và Tuy Phước] thuộc phủ An Nhơn] (ĐNNTC, q. IX: Bình Định, (1997), 3:9-11)

Nhạc còn mật ứng với **Nữ chúa Chiêm thành là Thị Hòa** ở Thanh Thành làm thế nương tựa nhau. [sau thuộc huyện Hòa Đa, Bình Thuận, 8 tổng thuộc phủ Hàm Thuận]. (ĐNNTC, q. IX: Bình Định, (1997), 3:127-28)

Nhưng Huy, Tứ Linh cùng Nguyễn Thung dẫn quân xuống chiếm phủ thành Qui Ninh [Chà Bàn, huyện Tuy Viễn]. Tuần phủ Nguyễn Khắc Tuyên bỏ chạy. [Có thuyết khác cho rằng Nhạc tự ngồi vào cũi, cho người giải tới thành giao nạp. Tuần phủ mở cửa thành, nhận lấy Nhạc, giam vào cũi. Đêm đó, trong khi quân Nhạc âm thầm tiến đến vây thành, Nhạc phá cũi, mở cửa thành cho quân tràn vào]. (ĐNCBLT, XXX: Ngụy Tây, 2B-3A (1970), tr. 12-5; CMCB, XLIV:22-23; (Hà Nội: 1998), 2:720.

Sau đó đánh chiếm Càn Dương và Đạm Thủy, đoạt lấy kho lương tạm thời. Giết chết Khâm sai Lượng và toàn gia Đốc trung Đàng. Mở rộng vùng kiểm soát tới ranh giới Quảng Nam. Giết chết hai tướng Nguyễn gửi tới cứu viện ở Thạch Tân (Bến Đá). [ranh giới hai huyện Hà Đông, Quảng Nam, và Bình Đơn, Quảng Ngãi; (CMCB XLIV:24; (Hà Nội: 1998), 2:731)

Có sự ủng hộ của bọn "Khách buôn" (người Hoa) là Tập Đình (Trung Nghĩa Quân) và Lý Tài (Hòa Nghĩa Quân). Quân Tây Sơn còn có người thiếu số. "Chúng người cao lớn, cạo trọc đầu, ở mình trần, khi lâm trận thì cho uống rượu, cổ đeo giấy vàng bạc [bùa chú] để tỏ ý quyết tử. Quan binh không địch nổi." (ĐNCBLT, XXX: Ngụy Tây, 4A (1970), tr 18-9). [KĐVSTGCM không nhắc đến quân thiếu số, cho đó là người Quảng Đông; CMCB, XLIV:23; (Hà Nội: 1998), 2:720-21)]

Tháng 1-2/1774, Tập Đình và Lý Tài giết chết Tiết chế Nguyễn Hương ở núi Bích Khê (phía bắc huyện Phù Mỹ). Nguyễn Nhạc nhân thế chiếm Quảng Ngãi, Bình Thuận. Rồi tiến đánh Quảng Nam. Tháng 2-3/1774, Tây Sơn lại phá tan quân Nguyễn Thăng ở Quảng Nam, nửa đêm Thăng phải chạy về. (ĐNTLTB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:244; ĐNCBLT, XXX: Ngụy Tây, 4A (1970), tr. 18-21; ĐNNTC, q. IX, Bình Định, (1997), 3:24-5)

Thời gian này, chúa Nguyễn đang giữ một lực lượng quân sự quan trọng ở miền nam để giúp Mạc Thiên Tứ chống cự lại sự xâm lấn Hà Tiên của vua Xiêm La Taksin [Trịnh Quốc Anh hay Trịnh Tân]. Tháng 11/1771, Taksin sai Trần Liên đưa 20,000 quân qua vây hãm Hà Tiên, đòi dẫn độ Phra Naret [Chiêu Thùy], con vua cũ Boromoraja [Phong Vương] đã bị Taksin cướp ngôi. Có giặc Tiêu Châu ở núi Bạch Mã là Trần Thái dẫn đường. Năm 1769 Thái đã âm mưu cùng bọn Mạc Sùng, Mạc Khoan làm nội ứng chiếm Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ khám phá ra, bắt bọn Sùng Khoan. Trần Thái chạy qua Xiêm La. Nay theo người Xiêm về. Thiên Tứ phải bỏ chạy. Quân họ Mạc ở Châu Đốc cũng phải rút về Kiên Giang, rồi Trần Giang. Lưu thủ dinh Long Hồ là Tống Phước Hợp [Hạp, Hiệp] mang binh thuyền tới cứu. Trần Liên rút về giữ Hà Tiên. Taksin cũng đích thân mang quân qua đánh Chân Lạp. Nặc Tôn bỏ chạy. Taksin lập Nặc Nộn làm vua. Xiêm có ý nhòm ngó Phiên Trấn. (ĐNTLTB, XI: Duệ Tông thượng, 1962:240)

4/2/1772: Tết Nhâm Thìn [22/1/1773]

Núi Thạch Bi (Đèo Cả, nơi sử sách Trung Hoa—kể cả từ điển Từ Hải, Zizhi tongjian [Tư Trị Thông Giám] của Tư Mã Quang [Sima Guang], Cự và Tân Đường thư của Lưu Hú và Âu Dương Tu—Tổng Kỳ **bịa đặt** ra việc Mã Viện [Ma Yuan] thời Lưu Tú (Hán Quang Vũ, 5/8/25-29/2/57) đã dựng **hai** hoặc **năm** trụ đồng ở đây—bị sét đánh đổi thành màu trắng. (ĐNTLTB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:241 [230-49]);

Tháng 7/1772, Nguyễn Cửu Đàm, Nguyễn Khoa Thiêm, Tống Phước Hợp mang quân ba [3] đạo phản công quân Xiêm. Nguyễn Khoa Thiêm tiến quân theo đường Tiền Giang, cai bạ dinh Long Hồ Nguyễn Khoa Thuyên lĩnh quân huyện Đông Khẩu tiến theo đường Tiền Giang, Lưu thủ Tống Phước Hợp tiến theo đường Hậu Giang, đến đóng ở Châu Đốc, định phản công quân Xiêm trên đất Chân Lạp..

Nguyễn Khoa Thiêm không tiến được, phải lùi giữ Kiên Giang, rồi sai người Khmer là Tốt làm tiên phong, tiến đến Nam Vang, phá được quân Xiêm. Taksin phải chạy qua Hà Tiên. Nặc Nộn chạy đến Cần Vọt. Quân Nguyễn chiếm được Nam Vang và La Bích. Nặc Tôn lại về làm vua Chân Lạp. (ĐNTLTB, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:241-42 [230-49]); ĐNLTB, (1995), tr 177)

Nhưng Taksin bắt được Chiêu Thúy [Phra Naret], con Boromoraja [Phong Vương] (vua Xiêm cũ) giết đi. Rồi bắt con Mạc Thiên Tứ mang theo về Xiêm. Giao cho Trần Liên giữ Hà Tiên.

Tháng 2-3/1773, Mạc Thiên Tứ cầu hòa với Xiêm. Taksin đồng ý triệt binh, trả tự do cho con Mạc Thiên Tứ. Từ Trấn Giang, Tứ sai con là Hoàng về lại Hà Tiên sửa sang lại. (*ĐNTLTB*, XI: Duệ Tông thượng, 1962, 1:242 [230-49]);

Mãi đến mùa Xuân 1774, Tống Phước Hiệp, lưu thủ Dinh Long Hồ, và cai bạ Nguyễn Khoa Thuyên mới thống lĩnh quân lính 5 dinh (Bình Khang, Bình Thuận, Trấn Biên, Phiên Trấn, Long Hồ) thủy lục Bắc phạt. Chiếm được Bình Thuận, Diên Khánh, Bình Khang, rồi đóng quân ở Hòn Khói (Khánh Hòa). (*ĐNTLTB*, XI: Duệ Tông thượng, 1962: 244-45 [230-49]);

Trong khi đó, tại Quảng Nam, Nguyễn Cửu Dật cầm cự với quân Tây Sơn, thắng nhiều trận. *DNCBLT*, XXX: Ngụy Tây, 5, (Sài Gòn: 1970), tr 22-25)

B. Lê-Trịnh Chiếm Đàng Trong (1774-1786)

Trịnh Sâm và quan tướng miền bắc khoan khoái theo dõi những khó khăn ở Đàng Trong.

Tháng 5 Giáp Ngọ [9/6-8/7/1774], từ Nghệ An, Hoàng Ngũ Phúc cùng Trấn thủ Nghệ An Bùi Thế Đạt mang quân Nam chinh. (6)

6. *PBTL* (1972), tr 122; *DNCBLT*, q. XXX:3a, (Sài Gòn: 1970), tr. 14-5; (1993), II:491-92; *CMCB*, XLIV: 10-11, 22-23; (Hà Nội: 1998), II:709-11,720.

Có thuyết nói Nguyễn Văn, con Nguyễn Dục, chạy ra Bắc báo cáo tình hình, xin trừng trị Loan. (*ĐNTLTB*, XI: Duệ Tông thượng, 1962:245)

Thái Giám Phúc đã về hưu nhưng được Trịnh Sâm gọi ra cầm quân. Thời gian này tinh thần binh sĩ của Trịnh Sâm lên cao nhờ hai chiến thắng dư đảng **Hoàng Công Chất** ở động Mãnh Thiên, Hưng Hóa vào tháng 2-3/năm 1769, và **Lê Duy Mật** ở Trấn Ninh tháng 1-2/năm 1770. Mật giữ thành Thịnh [Trinh] Quang trên gò cao. Bùi Thế Đạt và Nguyễn Phan mang quân Thanh Nghệ hai đạo tấn công. Phúc mua chuộc được mẹ của con rể Duy Mật là Lại Thế Thiệu, nên Thiệu nhận lời làm nội ứng, mở cửa thành cho quân Trịnh tiến vào. (*CMCB*, XLIII:27-29, (Hà Nội: 1998), II:691-92. *LTHCLC* của Phan Huy Chú ghi chết vào tháng 1/1770.

Tháng 8-9/1774, Phước Thuận giao cho **Nguyễn Vệ** coi việc nước, đích thân cầm quân chống Trịnh. Soái thuyền đóng ở cửa Tư Dung. Tháng 10/1774, quân Trịnh tới châu Bắc Bố Chính—nơi thế kỷ trước quân Trịnh và Nguyễn hơn mười lần giao tranh lớn nhỏ, nhưng bất phân thắng bại. Trấn thủ Trần Giai hàng Trịnh. Phước Thuận rút về Phú Xuân, giao binh quyền cho Nguyễn Cửu Dật kháng Trịnh. Tháng 11-12/1774, quân Trịnh vượt qua sông Gianh giữa lúc Thuận Hóa bị đói to, ngoài đường có xác người. (*ĐNTLTB*, XI: Duệ Tông thượng, 1962:246 [bỏ thành chạy]; *PBTL* (1972), tr. 126)

Phước Thuận sai sứ giả đến hành dinh Hoàng Ngũ Phúc, nói “giặc cỏ Tây Sơn” tự nhiên phải tiêu diệt, không cần khiến quân Trịnh nhọc mệt. Một sứ giả tâu riêng với Phúc, “Đường không đi không đến, chuông không gõ, không kêu.” Phúc hiểu ý, cho quân tiến vào Bố Chính. Nguyễn Tiệp giữ lũy Đồng Hới. Hoàng Đình

Thế tiến gần đến lũy Trấn Ninh, quân sĩ mở cửa đầu hàng. Quân Trịnh chiếm gọn dinh Quảng Bình. (*ĐNTLTB*, XI, Duệ Tông thượng, 1962:246-47)

Tháng 12/1774, Trịnh Sâm mang thủy quân vào dinh Hà Trung để yểm trợ Hoàng Ngũ Phúc. Phúc tiến đến đạo Lưu đồn [phủ Vĩnh Linh, Quảng Trị]. Truyền hịch chỉ muốn loại Trương Phúc Loan, không có ý xâm lấn. **Chương dinh Nguyễn Huống** (hay Cuồng, con Phước Khoát) và **Nguyễn Cửu Pháp** bắt Loan nộp bằng đường thủy. Dâng thêm 800 lạng vàng lên chúa Trịnh, và tặng Phúc 200 lạng. Đồng thời nộp sổ sách xin công hiến lên Lê Hiển Tông (1740-1786). Dân chúng cũng nổi lên đập phá nhà Loan, giết chết anh của Loan là Sinh Đức hầu. (*PBTL*, (1972), tr 122-27; *ĐNLTTB*, (1995), tr 271-72)

Sau đó, Ngũ Phúc đòi hợp quân ở Phú Xuân đánh Tây Sơn. Định Vương cử binh chống giữ, bị thua. Ngày 8/1/1775, quân Trịnh đã bại quân Nguyễn ở Độc Giang. Phước Thuần sai Tổng Phước Đạm giữ mặt bắc, tập trung thủy quân ở phía nam. Cho lệnh Phước Dương di tản trước vào Quảng Nam. (*PBTL* (1972), tr 122-26, 128; *ĐNTLTB*, XI, Duệ Tông thượng, 1962: 248-49)

Ngày 29/1/1775 [28/12 Giáp Ngọ], quân Trịnh tiến đến gần Phú Xuân [Huế]. Hôm sau, 30/1 [29/12 Giáp Ngọ], Phước Thuần **bỏ chạy vào cửa Tư Dung, cùng 100 tùy tùng**. Nguyễn Chung cũng rời Huế cùng nhiều người trong tôn thất. Ngày này quân Trịnh chiếm Huế. (*ĐNTLTB*, XII: Duệ Tông, 1962, 1:249)

Mồng ba Tết Ất Mùi [3/1 2/2/1775], đại quân Trịnh vào Phú Xuân. Hoàng Ngũ Phúc sai người truy kích Định vương Thuần. Thuần trèo gập qua núi Hải Vân, vào trú trong một ngôi chùa ba [3] ngày. Sau đó [5/2/1775] bỏ vào cửa biển Câu Đê, Quảng Nam. Quân Trịnh mãi cướp vàng bạc, không truy kích theo. (*PBTL* (1972), tr. 130) Liệt truyện ghi là Bến Giá [Giá Tôn]; *ĐNTLTB*, XII, 1962:250-51, *ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:28-9)

Trịnh Sâm phong Phúc làm Trấn thủ Thuận Hóa. Phúc cho lệnh san bằng các lũy Bồ chính và Khang lộc. Lấy người Thuận Hóa làm huyện lỵ.

Tại Quảng Nam, Phước Thuần ngừng chân ở Giá Tân [bến Giá]. Tả quân Nguyễn Cửu Dật xin lập **Phước Dương** làm Thế tử [Đông cung] hầu cùng Nguyễn Đĩnh, Chí và Đạm trấn giữ Quảng Nam. Dương, đẹp như tranh vẽ, là con độc nhất của con thứ 9 Võ Vương Khoát.

Vài ngày sau, quân Tây Sơn chia 2 đường thủy bộ tiến đánh. Cửu Dật chạy qua Trà Sơn, rồi Liên Chử thu thập chiến thuyền vào nam tìm viện binh. (*ĐNTLTB*, XII, 1962, 1:250-51). Ngày 13/3/1775 chạy khỏi Đà Nẵng. Bị bão to, bọn Nguyễn Kính và Nguyễn Cửu Dật đắm thuyền, mất tích. Chỉ có thuyền Định vương Thuần thoát nạn. Trên thuyền có Chung, 13 [14] tuổi, và anh em. Tới Bình Khang gặp bọn Tổng Phước Hạp, Nguyễn Khoa Thuyên từ Hòn Khói [Yên Cương] đón rước. Giao cho Hạp chỉ huy lực lượng Cần vương ở Bình Khang, rồi cùng Nguyễn Khoa Thuyên, Chương Cơ Trương Phúc Thân vào Gia Định. Chung được ở sát bên Phước Thuần, coi lính hầu cận. (7)

7. *ĐNTLTB*, XII, 1962:250-51; *ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:28-29; *PBTL* ghi Nguyễn Hữu Du cùng 16 chiến thuyền; (1972), tr. 131)

[Mẹ cùng chị Chủng chạy ra Quảng Trị; năm 1779 [tháng 3 Kỷ Hợi], mới vào tới Gia Định. (ĐNCBLT, q. I, III, (1993), 2:12, 65; ĐNTLCB, I, 2: 1878-1801, 1963:31)

Ngày 25/3/1775 thuyền Phước Thuận (Duệ Tông) tới Bến Nghé, Gia Định. Cha con Mạc Thiên Tứ tới lạy chào. Thuận phong Tứ làm đô đốc quận công; con Tứ là Hoàng làm Chương cơ, Thăng làm Cai cơ Thắng thủy, Diên làm tham tướng cai cơ; về giữ đạo Trấn Giang, hầu lo việc “Cần Vương.” (ĐNTLTB, XII, 1962:251-52)

Tháng 3/1775, Nguyễn Nhạc chiếm Quảng Nam. Trịnh Sâm cho lệnh Đại Trấn thủ Phúc đánh Quảng Nam. Rồi rút binh về Thăng Long. (CMCB, XLIV:22-24, (Hà Nội: 1998), II:719-21; ĐNNTC, VII: Quảng Nam, (1997), 2:335 [331-400])

Tháng 4/1775, Ngũ Phúc giao cho Bùi Thế Đạt giữ Huế, chia binh hai đạo đánh Quảng Nam. Phá được đồn Cầu Đê, bắt sống mẹ và vợ Thuận. (PBTL (1972), tr. 131) Rồi phá được đồn Trung Sơn.

Ngũ Phúc vượt núi Hải Vân, từ đồn Trung Sơn và xã Cầu Đê (huyện Hòa Vinh) tiến quân. Nhạc sai Lý Tài và Tập Đình chặn đánh ở Cẩm Sa (huyện Hòa Vinh). Theo Lê Quý Đôn, quân Tây Sơn đánh chém hỗn loạn; nhưng kị binh của Trịnh thể liên tục yểm trợ nhau, trận không vỡ. Tập Đình thua chạy. Nhạc và Lý Tài lui giữ Bến Ván (Bản Tân, ranh giới Hà Đông, Quảng Nam, và Bình Sơn, Quảng Ngãi). (CMCB XLIV:22-24, (Hà Nội: 1998), II:719-21. ĐNNTC, q. VII: Quảng Nam, (1997), 2:336, 341 (Hà Đông, nay là Tam Kỳ) [331-400], q. VIII: Quảng Ngãi, (1997), 2:403, 430).

Phúc vào đóng ở Quảng Nam. (ĐNTLTB, XII, 1962:253)

Tháng 5/1775, Tập Đình và Lý Tài bắt được Phước Dương, mang về Hội An. Tập Đình muốn giết, nhưng Lý Tài cản lại. Nhạc đưa Đông cung Dương vào Qui Nhơn, gả con gái là Thọ Hương cho Dương, muốn lập Dương làm chúa. Dương không đồng ý. (ĐNTLTB, XII, 1962:253-54) Nhạc cũng tìm cách giảng hòa với Tổng Phúc Hạp [Hiệp]. Nêu lên danh nghĩa "cần vương": phò Đông cung Dương chống Trịnh. (ĐNCBLT, q.XXX:Ngụy Tây, 7a-b; (1970), tr 32-33)

Tháng 6/1775, Nhạc xin hàng Ngũ Phúc để đổi phò với quân Nguyễn: Nộp đất ba phủ Quảng Nghĩa, Qui Ninh và Phú Yên, đồng thời tình nguyện làm tiên phong đi đánh Gia Định. Phúc đồng ý, sai Nguyễn Hữu Chinh đem sắc, cờ phong Nhạc làm **Tây sơn Hiệu trưởng Tráng tiết Tướng quân**. (ĐNCBLT, q.XXX: Ngụy Tây, 6b-7a; (1970), tr. 31; PBTL (1972), tr. 132)

Tháng sau, Hiệp rút về giữ Hòn Khói; Tổng Phước Hòa giữ đất Ô Cam. Nhưng quân Tây Sơn đánh bại Hiệp [Hạp]. Nguyễn Huệ giết cai đội Nguyễn Văn Hiền, bắt được cai cơ Nguyễn Khoa Kiên (con Nguyễn Khoa Thuyên). Cho Lý Tài trấn thủ Phú Yên. (ĐNTLTB, XII, 1962:254; ĐNLTB (1852), (1995), tr133, 134 [1777: Tổng Phước Hòa tự tử; (1995):135].

Uy danh viên tướng trẻ Tây Sơn vang dội. Hai ngọn đao và tài điều binh khiển tướng của Nguyễn Huệ khiến Hoàng Ngũ Phúc đã tiến đến Châu Ô, thuộc địa phận Bình Sơn [Quảng Ngãi], phong Nguyễn Văn Bình [Huệ] tước Tây sơn

hiệu Tiên phong Tướng quân. (PBTL (1972), tr. 132; ĐNCBLT, q.XXX, ghi rằng Nhạc được phong tước này]

Tháng 10 11/1775, vì binh lính bị bệnh, Ngũ Phúc rút về Phú Xuân. Trịnh Sâm cử Bùi Thế Đạt giữ Huế, Nguyễn Đình Đông giữ châu Ô. Nguyễn Nghiễm xin đừng bỏ Quảng Nam, triều đình không nghe, nên bỏ hai phủ Thăng Hoa và Điện Bàn, kéo về Phú Xuân. (PBTL (1972), tr. 133)

Tháng 11-12/1775. lực lượng phò Nguyễn nổi lên ở hai phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quảng Nam. Cầm đầu là Nguyễn Quyền (con thứ 14 Phước Khoát), Nguyễn Xuân (con thứ 17), với Trương Phúc Tá làm Mưu chủ. Có khách buôn là Tất bỏ tiền giúp đỡ. **Nhạc đánh gần hai tháng mới thắng.** Quyền chết ở Quảng Nam. Xuân chạy vào Gia Định, (ĐNCBLT, q. XXX:8b; (1970), tr. 36-7; ĐNLTTB, (1993), 62-3; (1995):115-16. PBTL không ghi chi tiết này)

Dân đói to. (ĐNTLCB, XII, 1962:254-55) [

Tại Phú Yên, Lý Tài phản Tây Sơn, ngả theo nhà Nguyễn. **Doãn Ngạnh** hay **Chu Văn Tiếp** cùng **Huỳnh Châu** [Nguyễn Huỳnh Đức] dẫn 1,000 quân từ núi Trà Lang về đầu phục. (ĐNLTTB, XII, 1962:255; ĐNCBLT, q. 6, (Huế: 1993), II:108-9 [107-12]

Tháng 12 1775-1/1776, Trịnh Sâm triệu Ngũ Phúc về bắc. Bùi Thế Đạt lên thay. Quảng Ngãi (Châu Ô bị dịch tả). Nhờ vậy, anh em Tây Sơn lại chiếm Quảng Nam. (CMCB, XLIV:28, (Hà Nội: 1998), II:725.

Tháng 3-4/1776, Trịnh Sâm phong Lê Quý Đôn làm tham thị Thuận Hóa. (8)

8. ĐNLTTB, XII, 1962:256; PBTL (1972); CMCB, XLIII:34-35, (Hà Nội: 1998), II:697. Tác giả *Văn Đài Luận Ngữ* [hay *Văn Đài Luận Ngữ [Classified Talk from the Study]* đang là Thị lang Lại bộ kiêm Quốc sử Tổng tài. Sau 6 tháng làm Hiệp trấn, tham tán quân cơ cho Bùi Thế Đạt ở Thuận Hóa. về kinh làm Cơ mật sự vụ, kiêm Chương tài phủ. Năm 1778 thăng Quyền phủ sự, Nghĩa Phái hầu. Năm 1780, theo lệnh Trịnh Sâm, làm án bọn độc trấn Sơn Tây là Nguyễn Khả tội mưu với Trịnh Khải làm loạn, theo lời vu cáo của Đặng Thị Huệ và Huy quận công Hoàng Tố Lý (HLNTC) Năm 1783, Thương thư bộ Công. 1784: Chết. Sự đóng góp cho sử học Việt Nam của Bảng Nhãn Đôn là điều quá hiển nhiên.

Tại Qui Nhơn, Nguyễn Nhạc tự xưng làm Tây sơn [Thiên] vương. Phong Lữ làm Thiếu phó, Huệ làm Phụ chính. Xây thêm thành Đồ Bàn. Đưa Đông cung Dương về Thập Tháp. Nhưng Dương tìm cách trốn được vào Gia Định. (ĐNCBLT, q. XXX:9A; (1970), tr. 39; ĐNLTTB, XII, 1962:256)

C. Tây Sơn Diệt Nguyễn:

Đêm 14 hay 15/11/1776, Nguyễn Phước Dương trốn vào tới Sài Gòn. Dự được Lý Tài trở lại. (TB, I, XII, Duệ Tông, hạ, 1962:258-59; ĐNLTTB, số 27, (1995):110 [108-14] Cao Tự Thanh ghi là 24/11/1776 [14/10 Bính Thân], tr. 113, n11]. Có lẽ không đúng. Ngày 24/11/1776 hay 14/10 Bính Thân là ngày Nhâm Tý]

Ngày **14/12/1776** Phước Thuần nhường ngôi cho tại chùa Kim Chương (ngoài thành Gia Định) để lên làm Thái Thượng vương. (ĐNTLTB, XII, hạ, 1962:259) Phước Dương còn phong Nguyễn Chí làm thiếu phó; Nguyễn Xuân làm Chưởng cơ, Lý Tài làm Bảo giá Đại tướng quân Phạm Công Lý làm Ngoại hữu. Sai Tổng Phước Hòa và Thiêm Lộc giữ Long Hồ. (ĐNTLTB, XII, 1962:263)

Nguyễn Chung (1672-1820) (còn có tên khác là **Noãn**, sau đổi thành Ánh) cũng không ưa Lý Tài, xin về Ba Giồng, chiêu tập binh mã Đông Sơn. Lý Tài bèn ép Phước Dương đi Dầu Mít. Nhưng hôm sau, 15/12/1776, Trương Phước Dĩnh đưa trở lại Sài Gòn. (ĐNTLCB, I, 2:1788-1801, 1962:29). (ĐNTLTB, XII, 1962:264)

[TS 3] Tháng Ba Đinh Dậu [8/4-6/5/1777], Nguyễn Huệ mang binh thuyền vào nam truy diệt quân Nguyễn. Tân chính vương Phước Dương cử Lý Tài giữ Sài Gòn, riêng mình tới giữ Trấn Biên. Bộ binh Tây Sơn dùng thượng đạo phá quân Phó tiết chế Nguyễn Cửu Tuấn, và chưởng trường đà Nguyễn Đại Lữ. Lý Tài chống lại thủy quân Tây Sơn ở Sài Gòn cũng bị bắt lợi. Phước Dương từ Trấn Biên trở lại Sài Gòn.

Vài ngày sau, Tây Sơn đến đánh. Lý Tài dùng Nghĩa Hòa quân, thắng vài trận ở Hóc Môn. Sau rút về Sài Gòn vì tướng làm viện quân là quân Đông Sơn. Tây Sơn đuổi theo. Lý Tài thua chạy về Ba Giồng, bị quân Đông Sơn giết. Tân chính vương chạy về giữ Tranh Giang (sông Chanh, Gia Định). Tháng 9/1777, Tân Chính Vương Dương về hàng tại Ba Việt [Vát], thôn Phúc Hạnh, lỵ sở huyện Tân Minh. Tổng Phước Hòa bị giết [tự tử] ở đây. Ngày **19/9/1777** [Tân Hợi, 18/8 Đinh Dậu], hay **18/9/1777** [Canh Tuất, 17/8 Đinh Dậu]. Tân Chính Vương Dương bị xử tử. Năm 1806, Gia Long chỉ truy phong làm **Mục Vương**..(9)

9. ĐNNTC, q. XXIX: Vĩnh Long, (1997), 5:145; ĐNTLTB, XII, 1962:263 [259-63]; ĐNLTTB, Cao Tự Thanh dịch và chú thích (Hà Nội: KHXH, 1995), tr 112, 114n26)

Phước Thuần được Nguyễn Chung mang binh tới cứu, đưa qua Cần Thơ (An Giang), rồi Long Xuyên (Hà Tiên). Quân Tây Sơn truy kích đến Long Xuyên. Tháng 10/1777, Phước Thuần bị bắt đưa về Gia Định rồi xử tử **ngày 17/10/1777** [17/9 Đinh Dậu]. Hưởng dương 24 tuổi. Năm 1806, Gia Long truy phong Duệ tông tước Hiếu định Hoàng đế. (10)

10. ĐNTLTB, XII, 1962:263; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:28)

Nguyễn Huệ kéo quân về Qui Nhơn. Nguyễn Lữ ở lại Gia Định. (*Liệt Truyện chép cả Lữ lẫn Huệ kéo về Qui Nhơn. Để bọn Tổng đốc Chu, hõ tướng Hãn, tư khấu Uy, điều khiển Hoà, cai cơ Chấn giữ Gia Định*; (ĐNCBLT, q. XXX (Huế: 1993), 2:497; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:28).

D. “Chín đời báo thù mới là đại nghĩa.”

1. Thời gian này, thế lực anh em Tây Sơn ngày một thăng tiến. Hải lòng với việc giết được hai chúa Nguyễn cuối cùng tại xứ Đồng Nai, Tháng 1-2/1778,

Nguyễn Nhạc xưng đế, hiệu là Thái Đức. Gọi thành Đồ Bàn [Vijaya] là Hoàng đế thành. Phong Lữ làm Thiếu phó [Tiết chế]; Huệ làm Phụ chính [Long tướng Tướng quân]. (*ĐNLTCB*, q.XXX: Ngụy Tây, 9B-10A (Sài Gòn: 1970), tr. 40-3)

2. Vào thời điểm này, chúa Nguyễn đã trở thành một thế lực đáng kể ở Đông Nam Á. Cửa sổ mở ra cho việc toàn cầu hoá của Đại Việt là những cuộc nam tiến không ngừng từ thế kỷ XVII. Chiêm Thành [tức Champa] bị xoá tên trên bản đồ khu vực. Rồi đến Thủy Chân Lạp [Shui Chenla]—vùng đất rừng hoang bạt ngàn và sinh lầy nước đọng mà vua Angkor tự nhận chủ quyền từ năm 1623, tương đương với phần lãnh thổ Nam bộ hiện nay. Ngoài ra, từ năm 1708, chúa Nguyễn còn thừa nhận trấn Hà Tiên tự trị của Mạc Cửu và con cháu, điểm “nóng” thứ hai trong liên hệ với Xiêm La.

Một thế kỷ ngưng bắn giữa nam và bắc từ khoảng 1674 tới 1774 giúp Đường Trong trở thành “Quảng Nam quốc,” biệt lập dần với Đường Ngoài của Chúa Trịnh, gọi là “An Nam quốc,” dưới quyền cai trị nặng phần nghi thức của các vua Lê “Trung Hưng” (1543-1789). Từ năm 1646-1647, trong khi trôi giạt theo những cuộc truy sát của quân Thanh, triều đình mặt Minh (1644-1664) ở Lâm An/Phúc Kiến trả lại Đại Việt vị thế chư hầu [guo, hay vassal state]. Sứ Minh sang tận Hà Nội phong Lê Thần Tông làm An Nam Quốc Vương, dù Thần Tông đã nhường ngôi cho cháu vua Chân Tông, đang giữ chức Thái Thượng Hoàng. Năm 1651, Quế Vương (1647-1662) nhà mặt Minh còn phong **Trịnh Tráng làm Phó Quốc vương**, để trao đổi lấy tiếp vận và quân lương. (*ĐVSK*, BKT, XVIII:41b-42b, Lâu et Long (2009), 3:284)

Sau khi diệt nhà Minh, năm 1667, Huyền Hoa (niên hiệu Kangxi [**Khang Hy**], 1662-1722) cũng thừa nhận vai trò hầu quốc và chế độ vua Lê-chúa Trịnh của An Nam—phong **Huyền Tông** tức **An Nam Quốc Vương**. Nhà Thanh còn **bổ tục công người vàng [kimren] mà Chu Hậu Tông [Minh Thế Tông] đã áp đặt năm 1427, với “sinh lễ” nặng nề, lên tới khoảng 5,000-10,000 lượng vàng/bạc mỗi năm**. Không kém quan trọng, năm 1677, Huyền Hoa quay mặt làm ngơ cho chúa Trịnh diệt khu tự trị của họ Mạc ở Thái Nguyên (Cao Bằng hiện nay), vì họ Mạc đã hàng phục Ngô Tam Quế [Wu Sangui] khi Tam Quế phản phúc nhà Thanh. Năm 1705, Huyền Hoa từ chối yêu cầu phong vương của Nguyễn Phúc Chu ở Đàng Trong—dù con buôn Thanh tấp nập tới buôn bán ở Quảng Nam, Hà Tiên và Đông Phố.

Năm 1728, Dẫn Chân (Ung Chính, 1723-1736) còn cho định lại biên giới tây bắc của An Nam, lấy sông Đổ Chú làm ranh giới. Phải tới đời Hoàng Lịch (Càn Long [Qianlong] (1736-1796, TTH, 1796-1799)—vua Mãn Châu được Hán hóa đầu tiên—tham vọng mở rộng biên cương và ảo vọng thôn tính thiên hạ mới tái sinh, dẫn giết Hán tộc vào “một thế kỷ nhục nhã” [a century of humiliation] trong văn sử TH và thế giới. (11)

11. Ngụy Nguyên (Wei Yuan, 1794-1854), *Sheng Wuji [Thành Vũ Ký] (1842)*, [*“Càn Long Chinh vũ An Nam ký;”* trong pp 187-88]; Trương Bưu Lam, “Intervention versus Tribute in Sino-Vietnam Relations, 1788-1790;” in John King Fairbank, (ed) *The Chinese World Order: Traditional Chinese Foreign Relations* (Cambridge, Mass: Harvard Univ Press, 1968), pp 165-179,

321-26 [notes] [sử dụng *Đại Thanh Lịch Triều Thực Lục* (Tokyo: 1937-1938), 1315:7ab [có lẽ là ngày lịch ta, 21/10 Mậu Thân, tức **16/11/1788**].

3. Tuy nhiên, họ Nguyễn từng mở mang và cai trị Đường Trong hơn hai trăm năm. Chiến thắng của Tây Sơn năm 1777 chưa là chiến thắng cuối cùng. Thành viên họ Nguyễn rất đông, rải rác từ Thuận Hóa ra Thanh Hóa (Nguyễn Hựu), và còn ngược lên Cao Bằng (Nguyễn Hựu và Bế). Trong số dòng dõi họ Nguyễn, hàng chục người tiếp tục cuộc tranh hùng. Tiêu biểu nhất là **Nguyễn Chung (8/2/1762-3/2/1820)**, [Chung: bên trái chữ **Nhật [Thái]**, bên phải chữ **Trọng [ThC 706]**; có nghĩa là **mặt trời khi giữa trưa**], tức Noãn, [**Noãn**: bên trái chữ **Nhật**, bên phải chữ **Viện**], hay Ánh [bên trái chữ **Nhật**, bên phải chữ **Anh**]. Dù mới hơn 15 tuổi [16 tuổi ta], Chung từng nắm cầm quân bảo vệ Phước Thuận từ ngày lưu lạc vào Sài Gòn. (12)

12. *ĐNTLCB*, I, 2:1778-1801, 1963:27. Ngày 1/6/1802 (2/5 Nhâm Tuất), lên ngôi vua. Đặt niên hiệu Gia Long. Ngày 28/6/1806 [12/5 Bính Dần], tự xưng Hoàng đế. (*ĐNTLCB*, I, 3:1802-1808, 1963:23, 27. 262, 283) Ở ngôi 17 năm, mất ngày 3/2/1820 ([Đinh Mùi] 19/12 Kỷ Mão), thọ 57 tuổi. (*ĐNTLCB*, I, 4:1809-1820, 1963:398) [Chaigneau ghi là ngày 2/2/1820] Giữ chức chúa 22 năm (1780-1802); cai trị lâu nhất, 39 năm. Cao Xuân Dục, *Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu [QTCBTY]* (Sài Gòn: NCLS, 1971), tr 7 [tóm lược từ Gia Long tới Đồng Khánh, 14/9/1885-28/1/1889. Dục là tế tửu Quốc tử Giám, có chân trong ban biên soạn *ĐNTLCB*, Kỷ V: Kiến Phước].

Theo tài liệu Ki-tô—chưa hẳn trung thực và khả tín—từ cuối năm 1777 giáo mục Paul Hồ Văn Nghị đã phát hiện ra tông tích Nguyễn Chung trên đường đào tẩu tại Cà Mau bùn lầy, nước đọng như Chà Là, Giá Ngựa [hay Ngự], (13) cùng các hoang đảo, giang sơn của hải tặc đủ chủng tộc.

13. Mùa Hè 1964, sau khi tốt nghiệp khóa 16 Pháo Binh Dục Mỹ, chúng tôi có cơ hội nhận mặt chiến chinh và khởi đầu “Nghiep Đê Lô” tại vùng Thới Bình, Chà Là, Giá Ngựa này. Nổi danh với bùn lầy, nước đọng, muỗi mòng, đĩa trâu, những cánh đồng năng ngập nước ngút ngàn, và rừng tràm, cỏ lác bị khai quang. Những người lính Sư Đoàn 21 Bộ Binh trong giai đoạn 1963-1964 mới đáng hưởng trợ cấp chất “da cam.” Khoảng năm 1999-2000, chúng tôi có dịp gặp lại Tâm, cựu Đại úy quận trưởng Chà Là, tại Houston, Texas.

Đồng thời các quan tướng nhà Nguyễn cũng mòn trán, lỏng gót mưu cầu danh vọng mới. Họ đã dùng đám tang chú cháu Nguyễn Phước Thuận, Nguyễn Phước Dương để làm lễ thề phục thù, tôn Nguyễn Chung làm đại nguyên súy. Hai nhân vật được nhắc nhiều nhất là Đỗ Thanh Nhân, thủ lĩnh 3,000 quân Đông Sơn, và Tổng Phước Khuông, người sẽ trở thành cha vợ Chung. Ngoài ra còn một số người họ Nguyễn qui tụ và tìm về Sài Gòn (Phiên Trấn), theo tinh thần “**chín đời báo thù mới là đại nghĩa.**” Một số đã ký vào giấy ủy quyền năm 1782, như Hội đồng Hoàng tộc, phó thác cho Nguyễn Chung toàn quyền đi cầu ngoại viện—tức

Xiêm La và Đại Tây (Pháp). Văn khố Bộ Ngoại Giao Pháp còn lưu trữ các tư liệu như giấy ủy quyền của Hoàng tộc, thư “Nguyễn Ánh” gửi triều đình Pháp do đặc sứ toàn quyền **Pierre Joseph Georges Pigneau**, Giám mục d’Adran [sách cũ thường ghi là Pigneau “de” Behaine, với hàm ý xuất thân quý tộc; nhưng thực tế cha Georges Pigneau chỉ là quản gia của một quý tộc đất Aisne] dịch qua tiếng Pháp, cùng vật và nhân chứng làm tin như ấn tín, và nhất là Hoàng trưởng tử Nguyễn Cảnh (**6/4/1780-20/3/1801**), (14)

14. ĐNCBLT, I, q 2 (1993), 2:44-54; sinh ngày 6/4/1780 (Tân tị, tháng 3 Canh Tí), phong Đông Cung Thái tử, nguyên súy ngày 1/5/1793; chết bệnh đậu mùa ngày 20/3/1801 (Quý Sửu, tháng 2 Tân Dậu); ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:33-34, 165, 386).

4. Cuối năm 1777, Nguyễn Chủng được Đỗ Thanh Nhân, thủ lĩnh quân Đông Sơn, và cha vợ là Tổng Phước Khuông tôn làm Đại Nguyên súy. Ngày 28/2/1780, Chủng “lên ngôi” lần thứ hai, xưng Chúa (An Nam Quốc Vương?) ở Gia Định thành (Sài Gòn). Dùng ấn “Đại Việt quốc, Nguyễn Chúa, Vĩnh trấn chi bảo” do Nguyễn Phước Chu (1692-1725) chế ra, làm vật báu truyền ngôi. Phong Đỗ Thanh Nhân làm Ngoại Hữu Phụ Chánh Thượng tướng công. (15)

15. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:33; ĐNCBLT, q. 27 (Huế: 1993), 2:468-69 [467-70]; 452-57 [Lê Văn Quân], [458-60 [Nguyễn Văn Thụy], 461-62 [Luu Phước Tường],

Theo một thông tin Ki-tô, lúc này Chủng còn yếu nên sợ Nhân vô cùng. Thanh Nhân quả thực nắm trọn quyền hành, không chỉ chống Tây Sơn mà còn mang quân qua Chân Lạp, hay đánh dẹp lực lượng Khmer ở Trà Vinh..

ĐNCBLT, q. 27 (Huế: 1993), 2:463-67 [Đặng Trần Thường, Nguyễn Gia Cát, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Gia Phan bị đánh roi trước văn miếu, Nhậm về nhà thì chết]

Ngày 14/4/1781 [23/3 Tân Sửu], do sự xúi bẩy của **Chưởng cơ Tổng Phước Thiêm**. Chủng vờ đau bụng, cho gọi Ngoại hữu Phụ chính Thượng tước công Nhân vào gặp. Rồi dùng vệ sĩ giết đi. Chủng giết. **Tội: "Ý công mà sanh kiêu từ."** (16)

16. (ĐNTLCB, I: 2: 1778-1801, 1963:35-6; QSCBTY:10; ĐNCBLT, q. XIII, (Huế: 1993), 2:208-9 [**Tổng Phước Thiêm**]; q. 27, (Huế: 1993), 2:469-70. [**Năm Nhâm Dần [1782], khi Chủng chạy đi Ba Giồng, Thiêm bị quân Đông Sơn giết**].

Riêng **Huỳnh Châu** tức **Nguyễn Huỳnh Đức**, quê Kiến Hưng, Định Tường, tướng giỏi của Đỗ Thanh Nhân, được trọng dụng, cho quốc tính. Nhiều quân Đông Sơn bỏ đi, làm giặc cướp. Chủng bèn chia quân Đông Sơn vào 4 quân: Lê Văn Quân giữ Tiền quân; Vũ Doãn Chiêm, giữ Hữu quân; Tổng Phước Lương giữ Tả quân; Trương Văn Bắc, Hữu quân. Tháng 5 -6/1781, định đưa quân ra đánh

Qui Nhơn. Binh sĩ Đông Sơn bỏ trốn. Chúng sai Nguyễn Đình Thuyên và Tổng Phúc Lương tới đánh giết những tướng kiệt liệt nhất. (17)

17. ĐNCBLT, q. VII, (Huế: 1993), 2:123-28, 209-10 [*Nguyễn Đình Thuyên*] và *Tổng Phúc Lương*; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:36;

Năm 1835, Minh Mạng tuyên bố với Phan Huy Thực, người soạn Thực Lục, rằng Đỗ Thanh Nhân phạm những lỗi sau: đốt sống người, bắn chết đàn bà có thai; tiền lương giữ cả; thậm chí ngày giỗ cha Nguyễn Chung cũng không cho tiền, khiến Chung phải cầm áo lấy tiền cúng lễ; hay ở trong núi, có ý làm phản, móc nối với Tây Sơn. Chung diệt đi, bằng không biết đâu không thành Trịnh Kiểm thứ hai. (18)

18. ĐNTLCB, II, 16: 1835, 1966:74.

Vì Minh Mạng chỉ chào đời 10 năm sau vụ ám sát này (sinh năm 1791), thật khó cả tin vào thông tin trên.

[C 1]. Tháng 5 Tân Sửu [23/5-21/6/1781]: Khánh Hòa: Nguyễn Vương phái quân ra đánh Tây Sơn. Thời gian này, Chung có tới hơn 30,000 quân, 80 thuyền đi biển, ba [3] tàu lớn, hai [2] tàu Tây. Tây Sơn dùng voi trận, lại vì vụ giết Đỗ Thanh Nhân, quân Đông Sơn bỏ đi, phải rút về. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:37)

Tháng 5 nhuận Tân Sửu [22/6-20/7/1781] Võ Nhân và Đỗ Bảng thuộc quân Đông Sơn nổi dậy. Giữ đất Ba Giồng [hay Tam Phụ ở hai tổng Kiến Hưng và Kiến Đăng, huyện Định Tường]; gồm giồng Cái Én, giồng Kỳ Lân và giồng Qua Qua; tiếp giáp Đồng Tháp Mười. Đánh tan quân Nguyễn của Nguyễn Đình Thuyên và Tổng Phước Lương. Nhưng sau bị quân Chung giết chết. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:37)

Tháng 10 Tân Sửu [16/11-14/12/1781]: Chân Lạp: Vua Xiêm Taksin (Trịnh Quốc Anh, hay Phi nhã Tân) sai hai anh em Chakri [Chắt Tri] và Mahakasatsuk (Sô Si) đánh Chân Lạp. Ang Eng (Nặc Ân) cầu cứu Chung. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:37)

5. **Pierre J G Pigneau** (1741-1799), [sách cũ thường ghi là Pigneau “de” Behaine] một thời được cung vãn thành vua thực sự Đàng Trong hay “Ô Nam.” Tháng 12/1771-1/1772, **Pigneau** rời Pondichéry qua Xiêm La thành lập chủng viện ở Virampatuam. Rồi thay Piguel làm Giám mục Đàng Trong. Ngày 27/2/1774 được chính thức thụ phong. Năm 1775, vì chiến tranh Xiêm-Miên Điện, rời chủng viện vào Cochinchine.(?) **12/3/1775**, đến Hà Tiên, thành lập chủng viện Cầu Quay. Tháp tùng có 4 giáo sĩ, 8 chủng sinh và 4 giáo mục Việt. **Morvan Jacques Nicolas** điều khiển trường này cho tới khi chết ngày 15/1/1776. **Le Clerc Tite** lên thay. (BAVH, 16)

Liên hệ với Nguyễn Chung từ cuối năm 1777, sau khi Nguyễn Huệ giết hai chúa Nguyễn cuối cùng, Phước Dương và Phước Thuận. Mọi giới là Trùm Nam.

Tháng 5-6/1780, **Pigneau** [Bá Đa Lộc] trở thành một cố vấn người Pháp đầu tiên của Nguyễn Chung. (19)

19. ĐNCBLT, q. XXVIII, (1993), 2:476-77 [chép chung với bảy đệ tử]

6. Tháng 7/1780, Nguyễn Chung sai sứ qua Xiêm La (cai cơ Sâm và Tĩnh). Sứ đang ở Xiêm, có tàu Xiêm từ Quảng Đông về báo tin bị Lưu thủ Hà Tiên là Thăng đánh cướp, giết người. Taksin (Phi Nhã Tân) tức giận tổng giam cả sứ đoàn Nguyễn. [Kế ly gián của Tây Sơn?] Sau đó, Đồ [Bò] Ông Giao của Chân Lạp mật tâu với vua Xiêm là Nguyễn Xuân và Mạc Thiên Tứ mưu làm nội ứng đánh thành Bangkok.

(ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:34-35; Lịch triều tạp ký, II, 1975:199-200; Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên [ĐNLTTB], q. 6, bản dịch Cao Tự Thanh (Hà Nội: NXB KHXHNV, 1995), VI:247-48 [242-51, Mạc Cửu, Mạc Thiên Tứ, v.. v..])

17. 1/11/1780 [5/10 Canh Tý], Taksin đánh chết con Mạc Thiên Tứ là Mạc Tử Duyên. Tứ tự tử. Nguyễn Xuân, cùng Sâm, Tĩnh và gia đình họ Mạc 55 người bị giết. Người Việt ở Bangkok bị đẩy đi xa. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:34-5 [ghi là tháng 6]; ĐNLT, TB, q. 2, 1995:116 (con thứ 17 Thế Tông), q. 6, 1995:247-48 (Mạc Cửu); Lịch triều tạp ký, II, 1975:200) [Kế ly gián của Tây Sơn]

Tháng 2-3/1782, Chung sai Giám quân trung dinh Chương cơ Nguyễn Hữu Thụy [Văn Thoại] cùng Hồ Văn Lân đem binh thuyền đi cứu viện Chân Lạp. Vì đang có biến loạn ở Xiêm (Phi nhã Oan Sản làm đảo chính, bắt giữ Taksin, rồi cho người mời Chakri về nước. Thoại và Chaophraya Mahakasatsuk [Sô-si], emg Chất Tri giải hòa. Anh em Chakri mang binh về Thonburi, bí mật giết Taksin rồi đổ tội cho Oan Sản. Tháng 4/1782:: Chakri lên làm vua, tức Rama I (1782-1809) Em là Chaophraya Mahakasatsuk (Sô Si) làm Phó vương, cháu là Ma Lặc làm Thủ tướng (Phó vương thứ hai). Rama I phóng thích những Việt kiều bị lưu đày; nhưng lại sai That-si-đa chiếm Hà Tiên. (20)

20. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:38-39, 41; ĐNCBLT, q. XIII, (1993), 2:211-12 [Nguyễn Hữu Thụy, Quý huyện, Thanh Hóa]; ĐNCBLT, q. 13, (Huế: 1993), II:212 [211-212]; khác với Ibid., q.27, (Huế: 1993), 2:458-459 [Nguyễn Hữu Thoại])

7. [TS 5]: Tháng 4-5/1782, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ mang quân vào đánh cửa Cần Giờ. Phá tan thủy binh Chung tại sông Thất Kỳ. Giết chết Emmanuel (Mạn Hoè), người Pháp, một thủy thủ ở Macao, sau qua Xiêm theo Pigneau, được Pigneau dâng lên Chung. Chung cho làm quan, lo việc đóng chiến thuyền. Lúc lâm trận, tàu bị mắc cạn. Lính Việt bỏ chạy. Chung mang quân đến cứu, bị thua trên sông Tam Kỳ. Rút chạy về Ba Giồng. Quân Tây Sơn giết chết Emmanuel. (SKĐNV:23-4; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:39) Thừa thắng, kéo thẳng lên chiếm lại Sài Gòn. (21)

21. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:40. Bá Đa Lộc đưa vợ con Chung chạy qua Chân Lạp. Khi quân Khmer định bắt giao cho Tây Sơn, bày mưu cho Pigneau, đưa đến vùng Tam Phụ đoàn tụ. SKĐNV, 1974:26.

Tháng 5-6/1782], được bọn Trần Công Chương và Hoà Nghĩa quân (gốc Hoa) tăng viện. Giết Phạm Ngạn ở cầu Tham Lương. Nhạc cho lệnh giết hơn 10,000 người Hoa ở Gia Định để báo thù, xác quăng xuống sông. Trọn một tháng sau, không ai dám uống nước sông hay ăn tôm cá. Chúng phải tẩu thoát xuống Định Tường. Bị Nguyễn Huệ đánh đuổi sang Hà Tiên, rồi đi thuyền nhỏ ra Phú Quốc. (22)

22. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:40-2)

8. [TS 6]. Tháng 3-4/1783, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ lại vào đánh Gia Định. Chúng chạy xuống Định Tường. Tùynùng chỉ có bọn Nguyễn Kim Phẩm 5, 6 người. Phải cưỡi trâu mà vượt sông qua Mỹ Tho. Đưa mẹ và gia quyến chạy ra Phú Quốc. (23)

23. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:46-47; QTCBTY:12).

Pigneau theo Chúng ra Phú Quốc. Sai hai cô đạo Espania là Giacôbê và Maneo qua Philippines để cầu viện. Bị Tây Sơn bắt giữ mang về Qui Nhơn tra khảo. Sau Chúng lại thuyết phục Pigneau qua Xiêm xin cầu viện. Pigneau thoát tiên không chịu, nhưng cuối cùng đồng ý. Riêng Doãn Ngạnh [Chu Văn Tiếp] an toàn chạy qua Xiêm, được Raam đồng ý cứu giúp. (24)

24. ĐNCBLT, 28 (Huế: 1993), 2:476-77. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:53.

9. Tháng 7-8/1783, Nguyễn Huệ sai binh thuyền ra vây đánh Côn Lôn. Bị bão lớn, thiệt hại nhiều. Chúng bỏ chạy về Cù lao Cỏ-cốt. Sau chạy về Phú Quốc. Trốn tránh trên các hoang đảo. Chúng cho người qua Chantabun (Chantabunri, Chân bôn), mời **Pigneau** tới gặp. Nhờ Pigneau qua Xiêm cầu viện. (25)

25. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:48-49; ĐNCBLT, I, 28 (Huế: 1993), 2:476 ; QTCBTY:12).

Thực Lục ghi là Chúng sai người sang Chantabun mời Pigneau. Ủy thác Pigneau qua Đại Tây xin viện trợ. Gửi Hoàng tử Cảnh làm tin. Sai Phạm Văn Nhân (1735-1815) và cai cơ thị vệ Nguyễn Văn Liêm hộ tống Hoàng tử Cảnh. (26)

26. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:49-50; ĐNCBLT, (1993), 2:129 [129-133, truyện Phạm Văn Nhân], q. 28 (Huế: 1993), 2:476 ghi là nhờ qua Xiêm)

Theo SKĐNV, Pigneau và Chúng lạc nhau khi định ghé cửa Gò Công, bị quân cướp Chà-và đuổi. Pigneau qua lại Chantabun [Chân-bôn], cách Bangkok 150 dặm. Sau đó lên Bangkok, được vua Xiêm tiếp. Mặt khác, cử người đi tìm Chúng. Một giáo dân ở Chantabun là Trùm Nam nhân đi tìm lim trầm bán, khám phá ra Chúng ở đảo Hòn Dừa. Phụ tá của Pigneau là Li-ô [Jacques Liot (1751-1811)] bèn đưa thuyền tiếp tế cho Chúng. Sau đó, Pigneau cũng rời Bangkok về Chantabun, và tới đoàn tụ với Chúng. (SKĐNV:28-29).

Pigneau ở lại khu này hai tháng. Chúng yêu cầu Pigneau về Pháp cầu viện. Thoạt tiên, Pigneau từ chối. Sau vì thương tình Chúng, và hy vọng Chúng sẽ đối xử tốt với Ki-tô giáo nên nhận lời (SKĐNV:30).

Ngày 25/11/1784, Pigneau, mang Đông Cung Thái tử Cảnh (6/4/1780-20/3/1801), lúc ấy mới 4 [5] tuổi, giấy ủy quyền của Hội đồng Hoàng tộc đề ngày 18/8/1782 và ấn tín họ Nguyễn, đi cầu viện Pháp. Phạm Văn Nhân (1735-1815), Nguyễn Văn Khiêm [Liêm ?] tháp tùng. Trước khi Pigneau lên đường, luôn nhắc nhủ Chúng đừng nên tin hay cầu viện Xiêm. (27)

27. Liberation du Conseil Royal de la Cochinchine, accordant pleins pouvoirs à Monseigneur Pigneau de Béhaine pour demander secours à la France (**10/7 [Cảnh] Hưng thứ 43;** AMAE [Paris], *Asie*, vol. 19, tờ 101 ; **[18/8/1782 [10/7 Nhâm Dân]: Hội đồng Hoàng tộc cho phép Nguyễn Chúng nhờ Pigneau, cầu viện với Pháp.** Xin Pháp viện trợ 1500 người, số tàu cần thiết để chuyên chở, cùng súng ống (điều VI) ; Giao ấn tín và Thái tử cho Pigneau làm con tin (VII); Hứa sẽ cắt cảng Touron và vùng cửa sông Hội An [Cù lao Chàm], cùng đảo Poulo Condore cho Pháp.(VIII) ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:58 ghi là tháng 1-2/1785) Ngày 19/12/1784, tới Malacca. (ĐNCBLT, I, q 2 (1993), 2:44-54; SKĐNV:32.

[7/1786] Pigneau đưa Hoàng tử Cảnh rời Pondichéry qua Pháp. Bọn Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Văn Liêm cho Hồ Văn Nghị tới Vọng Các gặp Chúng. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:63) [*Nguyễn Chúng cho rằng vào tháng 10 Bính Ngọ*]

Vì Bri-tên chiếm Pondichéry tới 1785, và rồi sự chống đối của các thống đốc Pondichéry, mãi tới tháng 9/1786, Pigneau và Cảnh mới xuống tàu qua Pháp. Ngày 5/5/1787, được Louis XVI tiếp kiến tại Versailles. Hơn 6 tháng sau, ngày 21 và 28/11/1787, Pigneau ký với Ngoại trưởng Armand-Marc de Montmorin-St-Hérem (2/1787-7/1789) một Hoà ước, cắt cho Pháp bán đảo Tourane và Poulo Condore [Côn Sơn]; cho Pháp thiết lập trạm buôn và căn cứ Hải quân dài theo bờ biển; đổi lại, Pháp sẽ giúp 1,650 quân [1200 bộ binh, 200 pháo thủ, 250 da đen], chiến hạm, đại bác, khí giới đánh nhau với Tây Sơn.

10. Pigneau đi rồi, Nguyễn Chúng bị hơn 20 thuyền Tây Sơn truy đuổi, lệnh đênh ngoài bể Đông suốt 7 ngày, 7 đêm. Chúng phải trôi giạt tới cửa Ma Ly (Bình Thuận?). Sau thoát về Phú Quốc. Về đến cửa Đốc Công (sông Ông Đốc), giết được Tướng Tây Sơn là Quản Nguyệt. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:50-51)

Tháng 8 9/1783, Chúng ra đảo hòn Chung, rồi hòn Dừa [Thổ Châu, Pulau Panjang] Long Xuyên. Theo ĐNNTC, hòn Thổ Châu thuộc huyện Hà Tiên, cách bờ biển 2 ngày rưỡi đường. Trên cù lao có dân cư; ĐNNTC (1997), 5:19.

Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ kéo quân về Qui Nhơn. Để phò mã Trương Văn Đa giữ Sài Gòn.

11. **Đi Xiêm Cầu viện:**

Một trong những việc làm bí mật chưa được nghiên cứu kỹ là chuyến chạy sang Xiêm La cầu viện vào tháng Hai Giáp Thìn [21/3-19/4/1784], sau khi Nguyễn Huệ hai lần nam chinh, đánh đuổi Nguyễn Chung khỏi Gia Định thành, lang thang trên các hoang đảo, dưới sự che chở của các cộng đồng Ki-tô dưới quyền Pigneau. Vì việc Chung bội phản quân Đông Sơn, quanh Chung chỉ còn lại vài chục thủ hạ của nhóm Nguyễn Kim Phẩm. Giữa thời gian này, Chung nhận được thư Doãn Ngạnh [Chu Văn Tiếp], đã qua Xiêm cầu viện ít năm trước. Phật vương [Rama] I sai Ngạnh đi đường bộ về nước, và Tướng Thát-si-đa mang chiến thuyền qua Hà Tiên thăm thú tình hình. Ngạnh yêu cầu Chung tới gặp quân Xiêm để cùng qua Krung-thêp cầu viện. Chung chẳng còn lựa chọn nào khác hơn là cho gia quyến tới ở đảo Thổ Châu, rồi sang Xiêm. Trong đoàn tùy tùng có Nguyễn Văn Tồn, người Khmer gốc Trà Vinh. Được phong chức Cai Đội. (28)

28. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:53-4.

Nguyễn Chung lại sai bọn Phúc Điền sang Xiêm cầu viện. (29)

29. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:42-3; ĐNCBLT, q. 6, (Huế: 1993), 2:108-9 [107-12,

12. Tháng 4-5/1784, “Chiêu Nam cốc” Chung tới Vọng Các. Gặp lại bọn Doãn Ngạnh và con cháu Mạc Thiên Tứ là Mạc Tử Sinh, v.. v... Rama I đồng ý giúp đỡ. “Chiêu Nam cốc” phong Sanh làm Chánh cơ. (30)

30. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:54-55.

Nguyễn Ánh thư cho Jacques Liot, xin tiếp tế thực phẩm.

[Léonard Cadière, “Les Français aux service de Gia Long: XI. Nguyen Anh et La Mission, Documents inédits;” *[Bulletin des Amis de Vieux Hue [BAVH]*, XXVI, no. 1 (1-3/1926), tr. 15-19 [1-49].

Theo SKĐNV, Chung bị Tướng Xiêm lừa bắt mang về Xiêm (1974:32).

Ba tháng sau, Chung dẫn quân Xiêm về nước, Tướng Xiêm là Chiêu Tăng và Chiêu Sương cầm đầu 20,000 thủy binh và 300 chiến thuyền. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:55-6) Bọn Doãn Ngạnh, và con cháu Mạc Thiên Tứ hang hái tiếp tay. Quân Xiêm rất tàn bạo, đến đâu là cướp bóc đầy, dân chúng ta thán, phần hận. Chung tâm sự với các cận thần: “Nếu được Gia Định mà mất lòng dân thì ta cũng không nở làm. Thà hãy lui quân để đừng làm khổ bách tính.” (31)

31. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:57)

Tháng 8-9/1784, giặc Xiêm lấy được đạo Kiến Giang, phá quân Tây Sơn của Nguyễn Hoá tại Trấn Giang, kéo thẳng đến Ba Thắc, Trà Ôn, Mân Thít [thiết], Sa Đéc. Chung phong Mạc Tử Sinh làm Tham tướng trấn Hà Tiên.

Ngày 18/10 Giáp Thìn [30/11/1784, theo lịch VN, hoặc 28/11/1784, theo Cadière], thủy chiến ở sông Mân Thít An Giang, Doãn Ngạnh tử trận. Trương Văn Đa phải chạy về Long Hồ. (32)

32. *ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:56-7; *Lịch triều tạp kỷ*, II, 1975:288)

Tháng 12/1784-1/1785, cho Lê Văn Quân làm Khâm sai tổng nhung chưởng cơ, chỉ huy mặt trận Ba Lai, Trà Tân. Chưởng cơ Đặng Văn Lượng tử trận. Thái giám Lê Văn Duyệt cùng bọn đội trưởng Nguyễn Văn Khiêm đến bái yết ở hành tại. Duyệt và Khiêm bị Tây Sơn bắt ở Đồng Tuyên. Nay trốn về. (33)

33. *ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:56;

[TS 7]. Tháng 1/1785, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ mang quân vào đánh Xiêm. Nhạc phục binh ở Mỹ Tho. Huệ mang binh thuyền đánh Sài Gòn. Có hàng tướng Lê Xuân Giác giúp sức, Rồi Nguyễn Huệ phục binh ở Rạch Gầm và sông Xoài Mút (Định Tường), dụ thuyền Xiêm lại đánh. Chiêu Tăng và Chiêu Sương ý thể thắng được vài trận nhỏ, kéo binh thuyền tới Trà Suốt (Mỹ Tho). Ngày 18/1/1785 [8/12 Giáp Thìn], Nguyễn Huệ đánh tan chiến thuyền Xiêm do Nguyễn Chung rước về ở Trà Suốt. Chiêu Tăng và Chiêu Sương thua to, gom góp được vài ngàn quân theo đường Chân Lạp mà về nước. Quân Nguyễn cũng tan vỡ. Tướng của Chung là "ông Thê(?)" (Nguyễn Văn Oai) tử trận. (34)

34. *ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:57.

19/12/1784: Pigneau tới Malacca. Tới Pondichéry khoảng cuối tháng 2/1785. [không thể gặp Nguyễn Chung ở Phú Quốc sau khi quân Xiêm bị đẩy lui]—trận đánh quyết định xảy ra ngày 18/1/1785 [8/12 Giáp Thìn]:

Về trận đánh quân Xiêm năm 1785 và hậu quả của nó sử quan Nguyễn không đầu được sự nể phục Nguyễn Huệ và anh em Tây Sơn. Tháng 7 năm Đinh Mùi (1787), họ ghi:

“Người Xiêm từ sau cuộc bại trận năm Giáp Thìn [1785], miệng tuy nói khoác mà lòng thì sợ Tây Sơn như cạp, cho nên đối với vua [Nguyễn Chung] dẫu tình lễ có trung hậu hơn, nhưng sự thực giữ lại đó [nước Xiêm] mà thôi.”

(35)

35. *ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:65.

Chung lại chạy về Trấn Giang. Chỉ có ít người theo hầu, kể cả Lê Văn Duyệt. Hết lương. Viết thư xin Linh mục Jacques Liot cầu viện. Trong khi đó, Mạc Tử Sinh mang thuyền tới. Sai Tử Sinh và cai cơ Trung qua Xiêm báo tin. Sau Chung ra hòn Dừa [Thổ Châu, Poulo Panjang]. (36)

36. *ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:57-58. Thư ngày 25/1/1875 [15/12 Giáp Thìn], Nguyễn Ánh gửi Jacques Liot, trong L. Cadière, “Les Francais aux service de Gia Long: XI. Nguyen Anh et La Mission, Documents inédits;” BAVH, XIII, no. 1 (1-3/1926), tr. 20-1)

Ngày 9/4/1785, Chúng lại chạy sang Xiêm cầu viện lần thứ hai. Hành động này có vẻ trái ngược với những gì Chúng—hoặc sử quan Nguyễn ghi chép—là Chúng đã tâm sự với các cận thần, kể cả Pigneau: “Nếu được Gia Định mà mất lòng dân thì ta cũng không nở làm. Thà hãy lui quân để đừng làm khổ bách tính.” (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:57) Cũng có thể bị dồn đẩy vào đường cùng, Chúng chợt nhận thức được rằng mục đích báo thù mới là trọng, viễn ảnh quân Xiêm tàn bạo, đến đâu là cướp bóc, giết chóc chỉ là cái giá phải trả—một trong những **thiệt hại bên lề [collateral damages] khó tránh.**

Nguyễn Chúng tới kinh đô Xiêm [vào cuối tháng 5/1785]. Rama I cũng chẳng còn hùng tâm giúp đỡ “Chiêu Nam Cốc.” Không những sợ oai Nguyễn Huệ như sợ cọp, Xiêm La lại đang hiềm khích với Miến Điện [Myanmar]. [Tháng 2 Bính Ngọ [1786], Miến Điện tung ba [3] đạo quân sang đánh Xiêm. Rama I phải nhờ Nguyễn Chúng mang thủ hạ đi chống cự. Tuy tướng có bọn Lê Văn Quân, Nguyễn Văn Thành, v.. v... Tháng sau, Rama I còn sai Lê Văn Quân đi đánh giặc Chà Và. (37)

37. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:57-58, 61; Thư ngày 25/1/1875, Nguyễn Ánh gửi Jacques Liot, trong Cadière, “XI. Nguyen Anh et la Mission;” BAVH, XIII, no. 1 (1-3/1926), tr. 20-21.

Mãi tới năm 1787—sau khi anh em Tây Sơn bắt hòa, Nguyễn Huệ đưa quân vây hãm Hoàng đế thành, rồi phù Lê diệt Trịnh—ngày 13/8/1787, Chúng mới trốn khỏi Xiêm về nước.

A. THANH [QING, 1644-1912]:

[Một bộ phận của dân tộc Nữ Chân, ở Đông Bắc TH, không theo Kim đánh Tống. 1616: Đặt tên nước là Đại Kim.

Thái tổ (1616-1626) đặt kinh đô ở Thẩm Dương);

1636: Thái Tông (1627-1643) đổi tên nước là Thanh [Qing].

1. Thuận Trị (Thế Tổ, 1644-1661) chiếm được Yên kinh. Đặt niên hiệu là Thuận Trị.

2. Huyền Hoa (Thánh Tổ, 1662-1722) [niên hiệu Khang Hy [Kangxi]

3. Dân Chân (Thế Tông, 1723-1735) [Ung Chính]

4. Hoàng Lịch (Cao Tông, 1736-1796 [Càn Long], TTH, 1796-1799)

5. Ngung Diễm (Nhân Tông, 1796-1820 [Gia Khánh])

1799: Giết Hòa Khôn

6. Mán Ninh (Tuyên Tông, 1821-1850 [Đạo Quang])

7. Dịch Trữ (Văn Tông, 1851-1861 [Hàm Phong])

8. Tái Thuần (Mục Tông, 1862-1872) [Đồng Trị]

9. Tái Diễm (Đức Tông, 1874-1908 [Quang Tự]; Từ Hy Thái Hậu cầm quyền) Cung thân vương nhiếp chính. 1908: Thuần Thân vương nhiếp chính.

10. Phổ Nghi (Tuyên Tông, 1908-1911) (Tuyên Thống đế, 1908-1911 [Tuyên Thống], Thuần Thân Vương Tài Thuần nhiếp chính)

10/10/1911: Khởi nghĩa ở Vũ Xương. Chính phủ lâm thời ở Nam Kinh.

Truong Bui Lam, “Intervention versus Tribute in Sino-Vietnam Relations, 1788-1790,” in John King Fairbank, (ed) *The Chinese World Order: Traditional Chinese Foreign Relations* (Cambridge, Mass: Harvard Univ Press, 1968), pp 165-179, 321-26 [notes] [sử dụng Đại Thanh Lịch Triều Thực Lục (Tokyo: 1937-1938), 1315:7ab [có lẽ là ngày lịch ta, 21/10 Mậu Thân, tức **16/11/1788**].

LÊ DUY KỲ HAY (CHIÊU THỐNG, 8/1786-2/2/1789)

Tháng 8 Bính Ngọ [24/8-21/9/1786] [thiếu]

Tháng 7 nhuận Bính Ngọ, lịch Thanh [thiếu] [24/8-21/9/1786]

Nguyễn Huệ lập Lê Tư Khiêm (1765-1793, sau đổi thành Duy Kỳ) lên ngôi, niên hiệu là Chiêu Thống (1786-1789). (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:63) Sinh năm Ất Dậu (1765). Con trưởng của thái tử Lê Duy Vỹ, tức là cháu đích tôn của Lê Hiển Tông (1740-1986). Thái tử Lê Duy Vỹ vì trước đó phạm tội, bị phế làm thứ dân nên không được truyền ngôi. Thân mẫu của Lê Chiêu Thống không rõ tên—dù từng qua Nam Ninh khóc lóc van xin vua quan Thanh xuất binh hung Lê,

Ngày 28/11/1782 loạn kiêu binh tại Hà Nội. Lính Tam phủ giết chết anh em Huy Quận công Hoàng Đình Bảo; phế Trịnh Cán, lập Trịnh Đổng (Khải) (28/11/1782-1786). Cán sau đó chết bệnh. Tháng 2/1783, quân Tam Phủ ép Thái tử Lê Duy Cận nhường chức cho Duy Khiêm, cháu nội Hiển Tông, con thái tử Duy Vĩ đã chết CMCB, XLVI:34-35; (Hà Nội: 1998), 2:767-68; Lịch triều tạp kỷ, II, 1975:25?-).

Ngày 10/8/1786 [17/7 Bính Ngọ], Lê Hiển Tông mất. Thọ 70 tuổi. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:63) Nguyễn Huệ đồng ý cho Kỳ lên ngôi vào tháng 8/1786 [tháng 8 năm Bính Ngọ, 24/8-21/9/1786]. [Phải xảy ra trước ngày **30/8/1786** [7/8 Bính Ngọ], khi Nguyễn Nhạc bắt thân ra Hà Nội, rồi **nửa đêm 9/9/1786** [17/8 Bính Ngọ] **dẫn Nguyễn Huệ về Nam**. (CMCB, XLVII : 27-29, (Hà Nội: 1998), 2:794 [792-95]. Thực Lục nhà Nguyễn ghi vào tháng 6 Bính Ngọ (26/6-24/7/1786), trước ngày Hiển Tông chết; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:62-3: Có lẽ không **không đúng**)

Ở ngôi 2 năm, sau chết khi đang sống lưu vong tại Trung Hoa vào tháng 10 năm Quý Sửu (1793), thọ 28 tuổi. Trong thời gian ở ngôi, đặt niên hiệu là Chiêu Thống (1786-1789).

1. Lê Duy Kỳ muốn đòi lại đất Nghệ An.

2. Lê Duy Kỳ muốn lợi dụng Nguyễn Hữu “Cống” Chinh chống dư đảng họ Trịnh.

3. 29/10/1787: Tôn Sĩ Nghị [Sun Shi-yi], Tổng đốc Lương Quảng, báo cáo tự tôn [vua mới, Lê Duy Kỳ, **8/1786-2/2/1789**] xin ấn mới vì vua cũ đánh mất và đã chết.

4. Tháng 1 Mậu Thân [/1788] Lê Duy Kỳ lưu lạc tới Gia Định (Gia Bình, Bắc Ninh) khi Võ Văn Nhậm [Sĩ] ra bắc diệt Nguyễn Hữu Chinh. (CMCB, XLVII:22-23, (Hà Nội: 1998), II:827.

5. Tháng 4 Mậu Thân [/1788] Nguyễn Huệ ra Hà Nội lần thứ hai, giết Võ Văn Nhậm [Sĩ] Lê Duy Kỳ sợ hãi, đã chạy khỏi kinh đô từ ngày con rể Nguyễn Nhạc ra Hà Nội, giết Nguyễn Hữu Chinh, (CMCB, XLVII:28-29, (Hà Nội: 1998), II:833-834.

Tháng 5 Mậu Thân [/1788] Nguyễn Huệ muốn làm vua, các quan Lê không đồng ý. Đặt Lê Duy Cận làm Giám quốc. Dùng Ngô Thì Nhiệm và Bùi Huy Bích phụ tá. Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân coi binh quyền. (CMCB, XLVII:28-29, (Hà Nội: 1998), II:835-836.

Ngày 12/6/1788 [9/5 Mậu Thân] Nguyễn Huy Túc, Lê Quýnh, Nguyễn Quốc Đống tổng số 62 người chạy tới biên giới, xin cầu viện nhà Thanh.(38)

38. **Đông Hoa Lục [Donghua records, Càn Long] [ĐHL], 107:37b; Hoa Bàng.**

[Chẳng hiểu có ai tự hào mình tài giỏi xin được Trung Hoa giúp đỡ và sẽ dạy dỗ con cháu đời đời nhớ ơn ban cơm, cho áo, cung cấp vũ khí để trung hiếu với Trung Hoa tới người Việt cuối cùng ?]

6. Tháng 7 Mậu Thân [2-30/8/1788] [31/7-28/8/1788 Thanh] Mẹ Duy Kỳ qua Long Châu cầu viện nhà Thanh.

Tài liệu Nguyễn ghi năm 1787, Hoàng Tích Hiệu, người Thượng Lang (tỉnh Cao Bằng từ đời Minh Mạng, 1820-1841) tổ chức được một đội quân 500 người, đón mẹ và con Lê Duy Kỳ từ Bắc Ninh về Cao Bằng, bị quân Tây Sơn truy sát, nên chạy qua Long Châu, nước Thanh. (ĐNNTC, q XXV: Cao Bằng (1997), 4:427.

Kéo nhau đến Nam Ninh, khóc lóc thảm thiết trước Tôn Sĩ Nghị [Sun Shi-yi], Tổng đốc Lương Quảng, và Tôn Vĩnh Thanh [Sun Yongqing], tuần phủ Quảng Tây. (CMCB, XLVII:32-33, (Hà Nội: 1998), II:836-837..

7. Tài liệu Thanh ghi Tri huyện [châu] Thái Bình báo cáo hơn 100 người chạy qua Long Châu tị nạn. Càn Long cho lệnh Tôn Sĩ Nghị và Tôn Vĩnh Thanh tới ngay Long Châu để xem xét tình hình.

8. Ngày 7/8/1788 [8/7 Càn Long 33, Mậu Thân Thanh, hoặc 9/8/1788 [8/7 Mậu Thân Việt], Sĩ Nghị dâng biểu, đại khái nói: “Tự tôn công thần họ Lê đáng lẽ được lên ngôi, chẳng may nước bị phá tan, mẹ và vợ y đến kêu xin ở cửa quan ải, tình thế thật đáng thương.” Và đề nghị vua Càn Long cho quân “phò Lê,” một hòn đá ném hai chim, vừa bảo vệ nhà Lê, vừa chiếm An Nam].

(ĐNLTCB, 30:30A, 1970:122-23; CMCB, XLVII:31, (Hà Nội: 1998), II:835.

9. Càn Long nói với Đại học sĩ Hòa Khôn [Ho Shen]: [30A] Lê Duy Kỳ đất An Nam, tuy chưa được phong, nhưng là người đáng lên ngôi, nay còn ở trong nước lo việc phục hưng. Người trong nước còn nhớ ơn triều cũ, thì cũng có lẽ xong được việc. Nguyễn Huệ ý mạnh chiếm nước, pháp luật khó dung thứ. Trẫm đã sai binh Quảng Tây chuẩn bị để sai phái. Nếu [Huệ] còn tự cường, lập tức cho đại binh bốn bề hợp đánh, làm rõ ràng việc trừng phạt tội hấn. Trẫm đã cho lệnh Sĩ Nghị thoát tiên làm tờ hịch đưa qua An Nam cho mọi người đều biết [“An Nam Lê

Duy Kỳ tuy vị thụ [30B] phong, nhiên thị ung kế chi nhân, tự thượng tại quốc trung tự đồ hưng phục. Quốc nhân thượng hoài đại cựu, diệc hữu khả liễu chi lý. Nguyễn Huệ thị cường đoạt quốc, pháp sở bất dung. Dĩ phái Quảng Tây binh dĩ bị điều khiển. Nhược nhưng tiền xương quyết tức xuất đại binh từ diện hội tiểu. Minh chinh kỳ tội. Trứ trưởng dụ Sĩ Nghị tiên hành hịch tông An Nam tí hàm tri chi.”]. (39)

39. ĐNCBLT, XXX:30b, (Sài Gòn: 1970), tr 124-25; CMCB, XLVII:33, (Hà Nội: 1998), II:837

10. Sau đó, Tôn Sĩ Nghị [Sun Shi-yi] lại tâu:

“An Nam là đất cũ của Trung Quốc. Sau khi khôi phục họ Lê, cho binh đến đôn thú, như thế vừa bảo tồn được họ Lê vừa chiếm được An Nam, đôi bề đều thắng [có lợi]. (40)

40. ĐNCBLT, XXX:30B, (Sài Gòn: 1970), tr 124-25

Tuần phủ Tôn Vĩnh Thanh dâng sớ chống lại, nói: Không gì bằng cứ án binh bất động, chờ cho hai họ Lê và Nguyễn đánh nhau đến suy kiệt, lúc ấy thừa dịp mà lấy [nước], chưa muộn gì.

11. Hoàng Lịch chấp thuận đề nghị của Tôn Sĩ Nghị. Trong chỉ thị cho Nghị, Hoàng Lịch nói rõ mục tiêu của cuộc hành quân là giúp Lê Duy Kỳ tái chiếm lãnh thổ đã mất nhưng quân Thanh sẽ không tham dự vào việc bình định. Hứa Thế Hanh được biệt phái tới chỉ huy lực lượng ky-mã, với cương vị tổng binh Quảng Tây, nhưng sẽ không trực tiếp tham chiến. Phần Sĩ Nghị sẽ ở lại biên giới điều động:

“Viện quân nên từ từ, không nên hấp tấp. Hãy nên đưa hịch truyền thanh thế đi trước, và cho các quan nhà Lê về nước cử họp nghĩa binh tìm tự quân nhà Lê đem ra đứng đầu để đối địch với [Nguyễn Huệ] thử xem sự thể thế nào. Nếu lòng người nước Nam còn nhớ nhà Lê, có quân ta đến, ai chẳng giúp sức. [Nguyễn Huệ?] tất phải tháo lui.

Nếu lòng dân nửa theo Lê, nửa theo Nguyễn, cho thủy binh tới, đánh trước vào Thuận Hóa, Quảng Nam, rồi cho bộ binh tiến tới. Huệ sẽ phải xin hàng. Ta sẽ bảo tồn cả hai. Từ Thuận Hóa-Quảng Nam vào, cho Nguyễn Huệ. Châu Hoan, châu Ái [Nghệ An-Thanh Hóa] trở ra bắc, phong cho Lê tự tôn. Nhân đó đóng quân ở An Nam để kèm chế họ. Chờ về sau có cách xử trí khác.

III. Đạo Quân “Hưng Lê” của Nhà Thanh:

1. Ngày 15/11/1788 [20/10 Mậu Thân Thanh], Tôn Sĩ Nghị [Sun Shi-yi] đưa quân ra ải Trấn Nam. Mang quân thuộc bốn tỉnh Hoa Nam, chia làm 2 cánh tiến vào đất Bắc.

Cánh quân phía Đông, chia làm ba [3] mũi:

a. Mũi chủ lực do Tôn Sĩ Nghị và Hứa Thế Hanh [Xu Shi-heng] chỉ huy, ra cửa Trấn Nam Quan, tiến vào Lạng Sơn, xuống Kinh Bắc, rồi Thăng Long.

b. Mũi thứ hai do Sâm Nghi Đống, tri chi phủ Điền Châu tiến vào Cao Bằng, đến Thái Nguyên.

c. Mũi thứ ba, tiến từ Khâm Châu vào Quảng Ninh, Hải Dương.

Cánh quân Vân Nam phía Tây, dưới quyền Đề đốc Ô Đại Kinh [Wu Dajing], từ Mông Tự tiến vào Tuyên Quang, Việt Trì trên bờ sông Thao.

Trương Bửu Lâm ghi ngày 21/10/1788 [có lẽ là ngày 21/10 Mậu Thân Thanh, tức 16/11/1788] Tôn Sĩ Nghị mang quân thuộc bốn tỉnh Hoa Nam, chia làm hai [2] cánh tiến vào đất Bắc. Ra hịch ai có thể bắt được Nhạc và Huệ giải nộp là được công đầu. Quan Tây Sơn ở Lạng Sơn là Phan Khải Đức xin hàng. Nguyễn Văn Nhiệm nương đêm tối trốn chạy. (41)

41. Dẫn *Đại Thanh Liệt triều Thực Lục, Cao Tông* [ĐTLTTL] (Tokyo: 1937-1938) [p 1315:7ab]; “Intervention versus Tribute in Sino-Vietnam Relations, 1788-1790;” in John King Fairbank, (ed) *The Chinese World Order: Traditional Chinese Foreign Relations* (Cambridge, Mass: Harvard Univ Press, 1968), p 169n18 [165-179, 321-326]

Đông Hoa Lục [Donghua records, Càn Long] [ĐHL], 108: 21b-22, 30, 31b; [Dụ ngày 24/9/1788 và 18/10/1788 [*Edict of 18/10/1788: Sĩ Nghị phải ở lại biên giới, điều động*]; ĐNCBLT, XXX:Ngụy Tây, 35B, (Sài Gòn: 1970), tr 144-45)

2. Ngô Văn Sở sai Nguyễn Nha mang ba đạo dụ của Giám quốc Sùng Nhượng Công *Lê Duy Cận* và đại diện dân chúng đến quân thứ, yêu cầu Sĩ Nghị bãi binh, nhưng Sĩ Nghị khước đi. (ĐNCBLT, q. XXX, Ngụy Tây, 31a, (Sài Gòn: 1970), tr 126-27; (Huê: 1993), II:516 [Huê];

Theo sử quan Nguyễn, 200,000 quân lính bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam và Quý Châu, chia làm hai đạo tiến quân. Hướng Lạng Sơn, Nghị chỉ huy. Hướng Tuyên Quang do Tổng binh Quý Châu. (ĐNCBLT, q. XXX: Ngụy Tây, 30B, (Sài Gòn: 1970), tr 124-25).

3. Theo Trương Bửu Lâm ngày 21/10/1788 [?] Tôn Sĩ Nghị cầm đầu 10,000 kỵ binh Thanh ra khỏi Trấn Nam Quan, có Hứa Thế Hanh, tổng binh Quảng Tây phụ tá. 5,000 lính Vân Nam dưới quyền Ô Đại Kinh [Wu Dajing], từ Mông Tự và Khai Hóa hướng về Hà Nội. (42)

42. *Đại Thanh Lịch Triều Thực Lục* (Tokyo: 1937-1938), 1315:7ab [có lẽ là ngày lịch ta, 21/10 Mậu Thân, tức 16/11/1788]. Trương Bửu Lâm, 1968:169, ĐTLTTL (Tokyo: 1937-1938), 108: 21b-22. Edict of 24/9/1788, Lâm, 1968:169;

ĐTLTTL (Tokyo: 1937-1938),, 108: 31b. Edict of 18/10/1788, Lâm, 1968:169;

4. Theo sử Nguyễn, tổng số quân Thanh khoảng 200,000 người. Hướng Lạng Sơn, hai tướng chỉ huy 3,000 quân Tây Sơn ở Lạng Sơn hoặc đầu hàng, hoặc nhân

bóng đêm tâu thoát về phía nam. Sứ giả của Lê Duy Kỳ cũng tới lạy chào Sĩ Nghị và Ô Đại Kinh. (43)

43. CMCB, XLVII:33-35; (Hà Nội: 1998), II:838-39)] (Theo CM, sứ giả của Duy Kỳ là Lê Duy Đản và Trần Danh Án tới lạy chào. Tổng đốc Vân Quý họ Ô.

a. Những chi tiết về số quân Thanh xâm lăng (hay, chinh phạt, theo quan điểm nhà Thanh) cũng sai biệt nhau khá lớn: từ vài vạn người trong một số tư liệu nhà Thanh (Nguy Nguyên), tới hơn “20 vạn” trong sử Nguyễn, 280,000 (28 vạn) trong tư liệu các giáo sĩ, và lên tới “29 vạn” theo một tư liệu Tây Sơn.

b. Người ta tự hỏi những con số này lấy ở đâu ra?

(1). *Chính sử nhà Nguyễn*, tức Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục và Đại Nam Thực Lục *đều không ghi rõ số quân Thanh tiến vào Đại Việt, chỉ nói mù mờ* [theo Thanh sử và Đại Thanh Thực Lục] *rằng Tôn Sĩ Nghị điều động quân bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam và Quý Châu; và, quân Thanh bị chết, bị thương đến quá nửa dưới tay “giặc” [Tây Sơn].* (CMCB, XLVII:41; (Hà Nội: 1998), II:847; ĐNTLCB, q. 1, [Việt ngữ, (Hà Nội, 1963) 2: 1778-1801, 1963:81])

(2). Sử quan Nguyễn phụ trách soạn bộ *Đại Nam Liệt Truyện* ghi tổng số quân Thanh lên tới “20 vạn” [200,000]. [*“Nghị độc phụng chiếu xuất Lương Quảng Vân Quý lượng lộ binh nhị thập vạn, phân vi lương đạo;”*] (ĐNCBLT, q. XXX, Nguy Tây, 30B, (Sài Gòn: 1970), tr 124-25; (Huế: 1993), II, tr. 515 [Huế];

(3). Theo một tư liệu *Ngô gia văn phái*, *Hàn Các Anh Hoa*—gom góp bản thảo của Ngô Thì Nhiệm [hay Nhậm], văn thân của Quang Trung tại miền Bắc, sau này tham dự vào công tác thiết lập liên hệ ngoại giao với nhà Thanh—*quân Thanh lên tới 290,000 [29 vạn].* *Tờ chiếu về việc phân phối tù binh Thanh, đưa ra chi tiết Tôn Sĩ Nghị vốn “tài đong đáu rá, nghề mọn thêu may, chẳng biết những điều sơ yếu của việc dụng binh”—dẫn 29 vạn quân Thanh vào sâu chốn nguy hiểm, đương đầu với người anh hùng “áo vải Tây Sơn, dựa vào binh lực để đại định thiên hạ.”*

(44)

44. “*Chiếu phát phối hàng binh người nội địa [Thanh];”* Hàn Các Anh Hoa, Tuyển Tập thơ văn Ngô Thì Nhậm, bản dịch Mai Quốc Liên et al, 2 tập (Hà Nội: KHXH, 1978), 2:114 Hán [114-15], 116 Việt]. [Viên Tổng đốc Tôn Sĩ Nghị các người, tài đong đáu rá, nghề mọn thêu may, không biết những điều chủ yếu trong việc dụng binh, vô cớ đem 29 vạn quân ra khỏi cửa quan]

Ai đó có thể hoài nghi con số “29 vạn” hay “20 vạn” vì sử quan Việt hay phóng đại sự thực. [Giống như số phi cơ Mỹ bị CSVN bắn hạ (xem Phùng Thế Tài, 2001) hay “600,000” quân Trung Cộng tràn vào Bắc Việt trong Bài học 30 ngày (17/2-19/3/1979)! (chỉ có 320,000, theo một tư liệu Trung Cộng)]

Có thể sử quan Nguyễn đã dựa theo tài liệu tuyên truyền của cả nhà Tây Sơn lẫn nhà Thanh. Tây Sơn có thể nâng số quân Thanh lên 29 vạn để tự quảng cáo

chiến thắng vĩ đại của mình. Nhà Thanh tuyên truyền rằng mang 20 hay 50 vạn quân xâm phạm Đại Việt để kinh động nhân tâm, hầu “thanh oai.” Theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí, trong tờ hịch của Tôn Sĩ Nghị phát ra trước khi xâm phạm Đại Việt, quân Thanh rêu rao có tới “50 vạn” [500,000]. (II, tr. 153) Con số này khó tin, vì nhà Thanh chủ trương “**thanh viện**” [đánh tiếng giúp] vua Lê hơn thực sự giao chiến với Tây Sơn—dù phía sau chủ trương “thanh viện” ấy là âm mưu chia nước ta làm hai vương quốc nhỏ, một giao cho họ Lê, một cho anh em Tây Sơn, rồi đồn trú quân ở chỗ hiểm yếu hầu thực sự chiếm đóng Đại Việt. (HLNTC, II, tr. 147 ; ĐNCBLT, XXX:35B) (ĐNCBLT, q. XXX, Ngụy Tây, 35B, (Sài Gòn: 1970),

(4). Theo **tài liệu truyền giáo** Pháp, tổng số quân Thanh ước lượng **280,000**. Một nửa đóng quanh Hà Nội. Một nửa ở bên kia sông. Các làng mạc đánh trống ăn mừng.

Một quan sát viên đương thời là giáo sĩ La Mothe ghi nhận:

“Ngày 17 [tháng 1/1789 [tức 22/12 Mậu Thân Việt, 24/12 Mậu Thân Thanh], một phần quân đội Trung Hoa vào thủ đô cùng với Vua Chiêu Thống....” (Đặng Phương Nghi, Một vài sử liệu về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ, tr. 198)

Con số “280,000” quân Thanh, do nguồn tin tình báo đại chúng của La Mothe, còn vượt trên ước lượng của sử quan Nguyễn. Chắc chắn không chính xác vì cả La Mothe lẫn hậu thế chẳng có cách nào kiểm chứng. Nhưng báo cáo của La Mothe hay Giám mục Jean la Bartette ở Ái Tử, Quảng Trị, khi về tới Paris, Macao hay Pondichéry hẳn có phần đóng góp vào quyết định không tôn trọng hòa ước 1787 giữa Pháp và đại diện Nguyễn Anh là Pigneau “de” Béhaine.

(5). Ngụy Nguyên (Wei Yuan, 1794-1854), một tác giả Thanh, ghi là riêng cánh quân Tôn Sĩ Nghị từ Lạng Sơn kéo xuống Hà Nội có 10,000 người, dùng 2,000 ở lại Lạng Sơn, lấy 8,000 làm tiên phong kéo thẳng xuống Hà Nội. Đề đốc Vân Nam **Ô Đại Kinh** [Wu Dajing] đem 8,000 [5,000] quân theo đường qua cửa Mã Bạch, vượt sông Chúc, vào cõi Giao Chỉ (Tuyên Quang), theo đường cũ [năm 1406] của Mộc Thạnh nhà Minh. Ngoài ra, còn hai cánh quân Lương Quảng khác, và một đạo thủy binh từ Quảng Đông đáp thuyền vào đất Hải Đông [Quảng Yên]. Tổng đốc Vân Quý là Phú Cương xin đi, nhưng vua Thanh chỉ cho coi việc vận tải quân lương trong nội địa để tránh cảnh tranh chấp tướng lệnh với Tôn Sĩ Nghị.

Ngoài ra, còn hơn 2,000 lính Nùng của thái thú Sầm Nghi Đống [từ chi phủ Diên Châu, tiến vào Cao Bằng, rồi Thái Nguyên], và hơn 10,000 quân lính nhà Lê. Nhưng “Tiếng rằng đại binh có vài chục vạn.” (Ngụy Nguyên (Wei Yuan, 1794-1854), “Càn Long Chinh vũ An Nam ký;” trong *Sheng Wuji [Thành Vũ Ký]* (1842), pp 187-88; Trương Bửu Lâm, 1968, n18; Hãn, Toàn Thư, II:1341-342)

(6). Năm 1960, một tác giả Đài Loan, ghi Sĩ Nghị chỉ đưa 6000 kị mã vào Hà Nội.

Con số này quá thấp, do một dụng ý nào đó.

Trong cuộc phản công Tết Kỷ Dậu (1789), quân Tây Sơn phá tan quân Thanh ở Hà Hồi, Ngọc Hồi và Đống Đa. Hứa Thế Hanh [Xu Shi-heng], Tổng binh Trương Sĩ Long và Thượng Duy Thăng chết; Thái thú Điền Châu Sâm Nghi Đống treo cổ tự tử. Tôn Sĩ Nghị phải tất tả chạy về hướng Bắc.

Chỉ riêng ở Thăng Long quân Thanh đã chết hơn 7,000 tại trận. Cầu nổi bắc ngang sông Hồng [do quân sĩ Lê Duy Kỳ xây dựng] bị sập, khiến khoảng 3,000 người chết đuối, nước sông bị nghẽn. (q. XXX [Ngụy Tây], tr. 34B) Các chi tiết trên cũng thấy trong Lê triều dã sử, hay Hoàng Lê Nhất Thống Chí.

Cách nào đi nữa, vâng lệnh Hoàng Lịch điều động quân bốn tỉnh Hoa Nam để xâm phạm Đại Việt, Tôn Sĩ Nghị không thể chỉ mang theo “6,000 kị mã,” tức tinh binh của nhà Thanh, như có người đã hoang tưởng. Chỉ cần chút kiến thức quân sự sơ đẳng cũng hiểu rằng khi xâm phạm một nước láng giềng, phải có lực lượng khả dĩ bảo đảm sẽ chiến thắng hoặc rút lui an toàn. Ví thử chỉ dùng “8,000” (hay “6,000 kị binh”, “600 kị binh,” nếu muốn) cần mang theo số biên binh hoặc chính qui gấp 5, hoặc gấp 10, gấp 20 lần con số kẻ trên hầu trấn giữ các vị trí chiếm đóng được.

[Kế hoạch đánh cướp Việt Nam đã được đích thân Hoàng Lịch duyệt xét và phê chuẩn, nên từ việc tiếp vận quân lương tới điều động lực lượng, và ngay cả tuyên truyền đều được hoạch định kỹ càng. Cánh quân chủ lực của Tôn Sĩ Nghị và Hứa Thế Hanh được bảo vệ khá kỹ: Quân Vân Nam từ Tuyên Quang xuống tới Việt Trì. Sâm Nghi Đống và đạo quân Nùng Quảng Tây tới Thái Nguyên. Thủy quân từ Khâm châu kéo vào Quảng Yên, Hải Dương]

Đó là chưa kể chi tiết Tôn Sĩ Nghị mang theo cả đại pháo, một loại vũ khí tương đối mới mẻ với chiến trường Á châu.

Như thế, tổng số quân Thanh có lẽ đâu đó trong khoảng 20,000 tới 50,000 người, hoặc nhiều hơn. Sử quan Nguyễn có thể đã dựa theo tư liệu dã sử nhà Lê hay truyền khẩu sử, và sửa lại đôi chút. [Riêng học giả Trần Trọng Kim chỉ lập lại con số 200,000 (20 vạn) của sử quan Nguyễn một cách máy móc, khiến dễ gây ngộ nhận rằng 200,000 quân Thanh chỉ đóng ở kinh đô Thăng Long và vùng phụ cận].

Những khiếm khuyết nêu trên về nhà Tây Sơn, các vua Nguyễn chịu trách nhiệm không nhỏ. Chỉ vì lòng hận thù—nói theo vua Gia Long, “**chín đời báo thù mới là đại nghĩa**”—họ đã hủy diệt hầu hết di tích của nhà Tây Sơn, khiến những chiến công như đại phá quân Xiêm (1785) và quân Thanh (1789) bị mai một. Ngay đến Tự Đức, người tự hào là sử gia chân chính theo khuôn khổ Khổng giáo, cũng không cho các sử quan nghiên cứu rõ ràng hơn về nhà Tây Sơn. Thật đáng tiếc!

Nhưng các vua nhà Nguyễn không phải là những người đầu tiên hoặc cuối cùng đã có hành động mà thế giới lên án là “*cultural barbarism*” [sự mọi rợ văn hóa].”

Trước, Lê Duy Kỳ sai bọn Trần Danh Ân và Lê Duy Đản mang thư sang Nam Kinh xin cầu viện nhà Thanh, nhưng không thành công. Sau Hoàng Thái Hậu chạy lên Cao Bằng, sai đốc đồng Nguyễn Huy Tú đem thư sang Long Bằng [Long Châu

và Bằng Tường] xin cầu viện. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:81 [không ghi ngày])

Tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị đồng ý, xin Qian Long phê chuẩn. Qian Long giao cho Tôn Sĩ Nghị đem quân Lương Quảng, Văn Nam và Quý Châu 4 đạo kéo sang. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:81 [không ghi ngày]) [Xem 15/1/1788]

Truong Buu Lam, “Intervention versus Tribute in Sino-Vietnam Relations, 1788-1790,” in John King Fairbank, (ed) *The Chinese World Order: Traditional Chinese Foreign Relations* (Cambridge, Mass: Harvard Univ Press, 1968), pp 165-179, 321-26 [notes]

5. Dài theo trục tiến quân, Sĩ Nghị không gặp sức chống cự đáng kể nào. Ngày 10/12/1788 [15/11 Mậu Thân Thanh], tiền quân Thanh tới sông Thị Cầu. Lê Duy Kỳ tổ chức tiếp đón linh đình. Khoảng 10,000 quân Lê được giao nhiệm vụ bắc cầu phao tại đoạn có cồn cát bồi cho quân Thanh lưu thông. Đêm 11-12/12/1788 [16-17/11 Mậu Thân Thanh], Phan Văn Lân mang quân vượt sông Nguyệt Đức (Cà Lò) tấn công quân Thanh. Thua to. 423 tù binh bị tàn sát. Dọc đường tiến quân về Hà Nội, 115 người khác bị giết. (Trần Nguyên Nhiếp [Lý Hoàn], “Quân Doanh Kỉ Lược;” bản dịch Nguyễn Duy Chính; Hợp Lưu, [không đáng tin]) (CMCB, XLVII:34; (Hà Nội: 1998), II:839; ĐNCBLT, XXX:31B; (Sài Gòn: 1970), tr 128-29)

Lân chỉ thoát được về Hà Nội với một số ít thuộc hạ. Ngay trong đêm, Ngô Văn Sở quyết định cùng Giám quốc Cận di tản vào Thanh Hóa, lập tuyến phòng thủ ở đèo Ba Dội, và phái Đề đốc Nguyễn hay Đinh Văn Tuyết vào Phú Xuân xin lệnh. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:81 [không ghi ngày]; ĐNCBLT, XXX:31A; (Sài Gòn: 1970), tr 126-27)

ĐTLTTL (Tokyo: 1937-1938), 108: 21b-22. Edict of 24/9/1788, Lâm, 1968:169;

ĐTLTTL (Tokyo: 1937-1938),, 108: 31b. Edict of 18/10/1788, Lâm, 1968:169;

6. Ngày 15/12/1788 [20/11 Mậu Thân Thanh], Tôn Sĩ Nghị và Lê Duy Kỳ vào tới Hà Nội. Quân Thanh một nửa đóng quanh Hà Nội; một nửa ở bên kia sông. Các làng mạc đánh trống ăn mừng. Trại quân đóng đồn dài xuống phía nam (Đống Đa), Ngọc Hồi, Hà Hồi, Gián Khẩu (Ninh Bình), Sơn Tây, và phía đông (Hải Dương).

ĐNCBLT, XXX:31A; (Sài Gòn: 1970), tr 126-27; ĐNTLCB, I, 2:81 [không ghi ngày])

7. Hôm sau, ngày 16/12/1788 [21/11 Mậu Thân Thanh], Tôn Sĩ Nghị niêm yết sắc phong Lê Chiêu Thống làm An Nam Quốc Vương.. Trong chiếu của Càn Long có đoạn: **“với việc mở bờ cõi làm 11 đạo, không vì ta muốn chiếm đất đai;**

suốt từ 150 năm trở lại đây, lúc nào cũng giữ chức phận, làm lễ tuế cống, thì sao không nghĩ tới tổ tông của tự quân được?”

CMCB, XLVII:35-36; (Hà Nội: 1998), II:840-841; ĐTLTTL (Tokyo: 1937-1938), 1315:27-28; Lâm, 1968:169 [Chiếu phong chức cho Lê Duy Kỳ]. Nhờ thành tích này, Hoàng Lịch phong Sĩ Nghị tước công [duke], trong khi Hứa Thế Hanh tước tử [viscount]; dẫn *Thanh Sử Khảo*, Table 1, 3:2201;

Trương Bửu Lâm và Hoa Bằng ghi ngày 22/11 Mậu Thân Thanh [19/12/1788] theo *Đông Hoa Thực Lục* (q 109, tờ 38b-39a; ĐTLTTL, 1315:27-28)

8. Sĩ nghị được phong tước công. Hứa Thế Hanh tước tử [viscount], vì cho tới thời điểm này, chiến dịch “hung Lê” có vẻ thành công tốt đẹp. (CSK [*Thanh sử khảo*], Bảng 1, 3:2201; Lâm, 1968, p 69,n20). Càn Long cũng ra chiếu cấp phát cho Sĩ Nghị số chiến phí sơ khởi lên tới 500,000 lượng bạc, và Sĩ Nghị cùng Hòa Khôn được toàn quyền chi dụng.

Phần Lê Duy Kỳ mặc sức đền ơn, báo oán sau hai năm lưu lạc từ tay quyền thần này tới sứ quân khác. Mồ bụng đàn bà có thai với quan tướng Tây Sơn. Chặt chân ba chú vua. (ĐNCBLT, XXX:32A; (Sài Gòn: 1970), tr 129-30) Hoàng thái hậu cũng từ Nam Ninh về thủ đô. Thấy hành động của Duy Kỳ, phải than lên: “Thôi diệt vong đến nơi rồi.” (CMCB, XLVII:35-39; (Hà Nội: 1998), II:840-45)

9. Lê Duy Kỳ cũng đôi lần yêu cầu Sĩ Nghị sớm nam tiến, giải quyết cho xong bọn “Ngụy Tây.” Nhưng Sĩ Nghị chẳng có gì vội vã. Hơn nữa, Viện Cơ Mật và chính Hoàng Lịch bắt đầu cảm thấy thiên mệnh nhà Lê đã hết. Đối thủ nhà Lê không chỉ có Nguyễn Huệ, mà còn họ Nguyễn ở phương nam, đồng minh của Xiêm La Hộc, và có sự trợ giúp của “Tây Di.” Ngày 9/8/1788, Nguyễn Chung đã tái chiếm được Phiên Trấn (Gia Định thành).

IV. Tây Sơn: Nổi Da Xáo Thịt :

1. Sau phân tư thế kỷ khởi nghiệp, dòng họ Tây Sơn cũng bắt đầu có rạn nứt. Chiến dịch “hung Lê, diệt Trịnh” năm 1786 khiến anh em Tây Sơn bắt đầu bất hòa, đưa đến việc nổi da xáo thịt.

Việc này xảy ra vào cuối năm 1786, sau khi Nguyễn Nhạc đã xưng đế, phong đất cho hai em, trước khi Nguyễn Chung từ Xiêm về nước lần thứ hai [tháng 7 Đinh Mùi]. (ĐNCBLT, q. XXX, tờ 13B-14A; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:63-5)

Nguyên có chính là Nguyễn Nhạc ngày thêm đắc chí, dâm dật, hung bạo, giết Nguyễn Thung, thông dâm vợ Nguyễn Huệ, đòi chia chiến lợi phẩm lấy của họ Trịnh ngoài Bắc, từ chối không cho Nguyễn Huệ đất Quảng Nam. Trước khi xuất quân, Nguyễn Huệ xuống hịch, chê trách Nguyễn Nhạc không bằng loài heo, chó, v.. v...

[“Nhạc ký đặc chí, nhật tứ dân bạo, sát Nguyễn Thung, hựu dân Huệ thể. . . . Bắc xâm chi địch, Trịnh phủ hóa bảo nhất qui vu Huệ, Nhạc sách chi bất dữ. Huệ dục tính Quảng Nam chi địa, Nhạc diệc bất dữ, toại thành cự khích. Huệ nãi truyền hịch số Nhạc chi ác, chí dĩ sài lang cầu trệ mục chi. Hịch văn hữu viết: “Tội mạc đại ư thi quân, ô khả nhất triều khinh suất? Gián bất thính tắc địch vị, thực quan vạn thế an nguy.” (ĐNCBLT, q. XXX; 13B-14A, (1970), [tr. 56-9])]

Nguyễn Huệ đích thân mang quân đánh Qui Nhơn. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:63) Anh em Tây Sơn giao chiến từ khoảng tháng 8 năm Bính Ngọ VN [24/8-21/9/1786] hoặc tháng tháng 7 nhuận Thanh—ngay sau khi Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ từ Bắc trở về. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:63, 65)

Các nhà truyền giáo ghi vào đầu năm Đinh Mùi (khoảng ngày 21/2/1787). (Thư ngày 6/6/1787, Doussain gửi Le Blandin; BEFEO, 1912, tr. 19; Hoàng Xuân Hãn, Toàn Thư, II:1297).

Theo các giáo sĩ, Nguyễn Huệ mang theo 60,000 quân, trai tráng từ 15 tới 60 tuổi vào đánh Bình Định. (Thư ngày 6/6/1787, Doussain gửi Le Blandin; BEFEO, 1912, tr. 19; Thư ngày 3/5/1787, Longer gửi Boiret; RI, XIV, 1910, tr. 46; Thư ngày 21/5/1787, GM Jean de Labartette gửi Letondal; A. Launay, III:129; Tạ Chí Đại Trường, Lịch sử nội chiến ở Việt Nam, 1771-1802 (Los Angeles: An Tiêm, 1991), tr. 148.

Giám Mục Jacques Benjamin Longer (1752-1831), ở Quảng Trị, sẽ thành Giám mục Tây Đàng Ngoài, cho rằng quân Nguyễn Huệ lên tới 100,000 người. (Thư ngày 3/5/1787, Longer gửi Boiret; RI, XIV, 1910, tr. 46; Thư ngày 21/5/1787, GM Jean Labartette (1722-1823), Phụ tá của Pigneau de Béhaine, gửi Letondal; A. Launay, III:129; TCĐT 148)

Nhà thờ dùng làm trại lính; chuồng chùa dùng đúc súng, đúc nôi.

Quân Nguyễn Huệ vây thành, bắn đại bác vào thành Hoàng đế (Qui Nhơn). Giao tranh nhiều lần, quân Nguyễn Huệ thiệt hại nặng. Phải lấy lính xuống tới 15 tuổi. Nguyễn Nhạc gọi Đặng Văn Châu [tức Trần] mang binh ra cứu; nhưng Trần bị thua ở Phú Yên, về hàng Nguyễn Huệ. (ĐNCBLT, q. XXX, tờ 14-B, (1970), 60-1)

Tháng 4 Đinh Mùi [17/5-15/6/1787] [15/5[?]-14/6/1787], Nguyễn Nhạc phải lên thành kêu gọi, trách em sao nở nôi da, xáo thịt, Nguyễn Huệ mới chịu giảng hòa. [*Nhạc nãi ư thành thượng hô Huệ ngữ chi viết: **Bì qua chữ nhục**, đệ tâm hà nhân?*”]

Rồi, hai người đạt được hòa ước phân chia vùng lãnh thổ kiểm soát: Nguyễn Huệ từ đèo Thăng Hoa, Điện Bàn ra Bắc, Nguyễn Nhạc từ Quảng Nam vào đến Bình Thuận. Lấy Bến Ván làm ranh giới. Nguyễn Nhạc xưng đế, phong vương cho hai em. Nguyễn Lữ là Đông Định Vương. Nguyễn Huệ là Bắc Bình Vương. Nguyễn Huệ cai quản từ phủ Thăng, phủ Điện ra Phú Xuân. (ĐNCBLT, q. XXX; 14B (1970), tr 60-1; ĐNTLCB; 2: 1778-1801, 1963:63)

Một trong những hậu quả tai hại nhất là binh lực một thời vô địch của Tây Sơn bị chia ba. Bởi thế, Đông Định Vương Nguyễn Lữ bị chiến thuyền của các đạo Lê dương của Nguyễn Chung đả bại dễ dàng ở Gia Định thành trong non một năm. Nguyễn Lữ phải chạy về Qui Nhơn, ít lâu sau chết. Nguyễn Nhạc thì an phận thủ thường, chỉ muốn, nói theo Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ, “làm vua một phủ Qui Nhơn.” Riêng Nguyễn Huệ, nhờ thiên tài điều binh khiển tướng, muốn mở rộng ảnh hưởng, nhưng bị trói buộc vào những vấn nạn chính trị và xã hội triền miên của hạt nhân vương quốc và dân tộc Việt tại châu thổ sông Hồng, Mã và Cả—những giỏ cua quyền lực lôm chôm những chiếc còng sứ quân. Bởi thế, mỗi lần Nguyễn Huệ muốn thên thang áo gấm cầu an, lại xảy ra những biến cố vượt ngoài mức dự tưởng. Nào là sứ đoàn xin hoàn lại phủ Nghệ An của Lê Duy Kỳ, đến âm mưu phản loạn của Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Văn Duệ, Võ Văn Nhậm (hay Sĩ), cùng hàng trăm cựu thần tham vọng của vua Lê hay chúa Trịnh—và thói quen chạy sang Nam Kinh, Quảng Đông, hay Bắc Kinh thưa kiện, biện bạch, cầu xin thiên binh, thiên tướng giúp đòi lại thiên mệnh như Trần Thiêm Bình (năm 1406), Bùi Bá Kỳ, Trịnh Văn Liêu (năm 1537), Trịnh Viên (năm 1538), (Minh sử, q 321; ĐVSK, BKTT, VIII:50a-51a, Lâu (2009), 2:265-266; BKTĐ, XVI:1b-2a, Long & Lâu (2009), 3:147; CMCB, XXVII:27 (Hà Nội: 1998), II:

Một trong những hậu quả trực tiếp của cuộc nổi loạn, xáo trộn giữa an hem Tây Sơn là Nguyễn Chung nhân cơ hội băng vàng này trốn về nước ngày 13/8/1787.. Mang theo gia quyến, tới Hòn Tre tạm trú. Sau dời sang đảo Cổ Cốt. Có trùm hải tặc Hà Hỷ Văn, thuộc Bạch Liên Giáo, nhưng tự xưng Thiên Địa Hội, xin theo. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:65)

Phong Lê Văn Quân làm Khâm sai Bình Tây đô đốc, chưởng tiền quân dinh quận công, quản lĩnh chiến sĩ dinh Trấn Biên. Tả quân phó tướng Phạm Văn Sĩ làm Khâm sai cai cơ. (ĐNTLCB, I, 2:1778-1801, 1963:76-8);

Cai đội Nguyễn Văn Thành làm Khâm sai tổng nhung, cai cơ hiệu úy tiền chi dinh Trung quân. Khi Gia Long từ Xiêm về Thành mới ra phục vụ. Sau đó chạy theo Chung qua Xiêm lần thứ hai. (ĐNTLCB, I, 2:1778-1801, 1963:78)

Nguyễn Lữ phải rút về tử thủ Sài Gòn, rồi bỏ chạy về Qui Nhơn. Phạm Văn Sâm [Tham] rút về giữ Ba Thắc. (ĐNTLCB, I, 2:1778-1801, 1963:75-80)

Trong khi đó, việc cầu viện “Đại Tây” cũng có tiến triển. Sau hai năm bị cầm chân ở Pondichéry, tháng 7/1786, **Pierre J G Pigneau** được về Pháp. Do ảnh hưởng của Hội truyền giáo, ngày 5/5/1787, Louis XVI tiếp kiến **Pigneau** và Hoàng tử Cảnh tại Versailles.

Ngày 21/11/1787, Ngoại trưởng Armand-Marc de Montmorin-St-Hérem (14/2/1787 tới 11/7/1789) và **Pierre Joseph Georges Pigneau**, Giám mục d’Adran, ký Hiệp ước “Liên Minh phòng thủ và tấn công,” gồm 10 điều:

Vua Phú Lãng Sa [France] rất sùng đạo Ki-tô hứa cung cấp cho Nguyễn Ánh, vua Đường Trong [Cochin-Chine] một nước, bốn [4] chiến hạm, 1200 lính, 200 pháo thủ, 250 lính da đen [điều 2], Nguyễn Ánh cắt cho Vua rất sùng đạo Ki-tô bán đảo Touron [điều 3], đảo Côn Lôn [Pulau Condore], [điều 5], tất cả những cửa

biên Vua rất sùng đạo Ki-tô muốn, [điều 6], thần dân Vua rất sùng đạo Ki-tô được tự do di chuyển, [điều 7], hai bên có một năm để phê chuẩn [điều 10].

Phụ ước số 1 ghi rõ bốn [4] tàu hạng trung [frégates], hai [2] tàu vận tải; mười [10] đại bác 1-4 livres, hai [2] khẩu đại bác 8 livres, bốn [4] khẩu obus [cối], quân nhu đạn dược cần thiết, một lều vải, 1000 súng để thay thế, lương ăn cho 2000 người trong vòng một năm.

Phụ ước số 2 ghi Nguyễn Ánh phải bồi hoàn số chiến phí sơ khởi.

Ngày 28/11/1787: Versailles: Thêm Phụ khoản riêng [thứ 11]: Vua rất sùng đạo Ki-tô có toàn quyền trên những vùng đất cắt nhượng, và hứa không chứa chấp phần tử tội phạm của họ Nguyễn [giống như quyền tài phán của Bri-tên sau này]

[Thuật ngữ **Pháp** chỉ được Tự Đức dùng từ năm 1882]

5/10/1789: Conway rời Pondichéry. Đại tá de Fresne thay. Trong hồ sơ Conway có 12 thư, 3 billets của Pigneau. Gaudart, “Les archives de Pondichéry et les entreprises de la Compagnie Francaise des Indes en Indochine, au XVIIIè siècle;” BAVH, XXV, no. 4 (10-12/1937), pp. 353-380.

10/1789: Paris: Hội Đồng Cố Vấn (Conseil d'Etat) Pháp bác bỏ việc yểm trợ Nguyễn Vương. Kế hoạch này do David Charpentier de Cossigny đệ trình.

31/1/1790 : Sài Gòn: Nguyễn Ánh viết thư gửi vua Pháp, hủy bỏ Hiệp ước 1887, và trách cứ Thomas de Conway.

Bản dịch của Pigneau; Service historique de la Marine [SHM], (Vincennes), GG2-44, carton 3, d.1. 48; và Archives du Ministère des Affaires Etrangères [AMAE] (Paris), *Mémoires et Documents, Asie*, vol 64, tờ 21. Về Hoà ước 1787, xem CAOM (Aix), GGI [Amiraux], 11704.

Năm 1857, Giám mục de Biblios (Pellerin) tin rằng hiệp ước 1787 qui định cho nước Pháp có thực, và “truyền thống ở đó vĩnh viễn với dân chúng và khi ông Montigny tới nơi người ta nói rằng ông ta đến để đòi thực hiện quyền trên cũng như đòi món nợ 270,000 đồng mà chính phủ Pháp cho Nguyễn Ánh vay” [la tradition en est perpétuée parmi le peuple et qu'au moment de l'arrivés de Mgr de Montigny on disait qu'il venait réclamer ces droits et demander le remboursement des 270,000 piastres prêtées par la France à Nguyen Anh].

Jaurès đọc một số tài liệu văn khố của Bộ Hải quân chứng minh những hoạt động hăng say và hữu hiệu của nước Pháp, kể cả lá thư của de Cotigny gửi vua Việt khuyên ông này chỉ nên nhận sự trợ giúp của Pháp, và từ chối đề nghị viện trợ của Portugal ở đảo Goa.

Linh mục Chamaison cho rằng số tiền cho mượn, chiến hạm và các sĩ quan Pháp giúp giải vây cho Nguyễn Ánh ở Sài Gòn, tất cả những việc làm của Giám mục d'Adran bao hàm sự thi hành hiệp ước của nước Pháp.

Năm 1827, Tổng trấn Lê Văn Duyệt còn nhận chuyển về Huế hàng chục bản sao thư từ của “Chiêu Nam Cốc” Nguyễn Chung gửi các giáo sĩ trong thời gian hoạn nạn—xin tiếp tế lương thực, kể lể về các trận đánh quan trọng trong hai năm 1787-1788, hay dò hỏi dấu tích Hoàng tử Cảnh cùng Pigneau—tạo

nên những tin đồn về việc Tả quân Duyệt chống đối việc lập Minh Mạng (1820-1841), ít nhiều gây nên những bản án bi thảm giáng xuống gia đình họ Lê, kể cả việc xử tử Phò mã Lê Văn Yên, v.. v... “con nuôi” Lê Văn Duyệt. Hay, việc đổi tên Nguyễn Hựu Khôi thành “Lê Văn” Khôi, để trừng trị một cựu công thần “đuôi to khó vẫy.”

Cần nhấn mạnh là sự đóng góp của Pigneau cho chiến thắng của Gia Long chỉ rất giới hạn.

Xem thêm Cao Xuân Dục, *Quốc triều chính biên toát yếu* (Sài Gòn: Sử Địa, 1971), tr.12-13; *Annales annamites [Sử Ký Đại Nam Việt]* (Sài-gòn: Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, 1974); H. Cosserat, “Notes biographiques sur les francais au service de Gia Long;” *Bulletin des Amis de Vieux Hué [BAVH]*, IV, no. 3 (7-9/1917), tr.165-206; Léonard Cadière, “Les Francais aux service de Gia Long: XI. Nguyen Anh et La Mission, Documents inédits;” Ibid. [*Bulletin des Amis de Vieux Hue [BAVH]*,] XIII, no. 1 (1-3/1926), tr.1-49. Cosserat sử dụng tài liệu văn khố Hội truyền giáo, và Cadière so sánh tài liệu truyền giáo với tư liệu Việt Nam.

Ngày 7/9/1788, Nguyễn Chung chiếm lại thành Gia Định. Nhờ lực lượng hải thuyền và khí giới mua của Bri-tên, Portugal [Bồ Đào Nha], và rồi nhóm lính đánh thuê Pháp vài ba chục người do Pigneau mang tới từ năm 1789, quân Nguyễn bắt đầu lớn mạnh dần.

18/5/1788-6/1789: Pigneau ở Pondichéry. [15/6/1789: Về Gia Định].

27/9/1788 [28/8 Mậu Thân]: *Thư Nguyễn Chung gửi Jacques Liot. Báo tin: Ngày 28/7/1788 [25/6 Mậu Thân] đánh chiếm Ba Giồng, Sài Gòn, Bến Nghé, Đồng Nai, Bà Rịa. Đang tuyển mộ hải quân. Yêu cầu thông báo nếu tàu Đại Tây đã tới, để dàn xếp đưa tới Vũng Tàu bao vây và đánh phá quân địch.* [L. Cadière, “Nguyễn Ánh et la Mission;” *BAVH*, XXVI, 1, 1926:46-47] Thư này được chép lại ngày 19/6/1827 (25/5 MM VIII).

* *An Giang: Võ Tánh mang quân theo phò Chung. Tánh người Bình Dương, thuộc Phiên Trấn. Tụ họp được khoảng 10,000 quân ở Gò Công [Không tước nguyện, Tân Hòa, Kiến Hòa] đánh Tây Sơn.*

Chung mừng lắm, đem gả con gái thứ hai của Hiếu tổ là Ngọc Du cho Tánh. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:72)

Phong Tánh làm Tiên phong dinh, Khâm sai Tổng nhung Chương Cơ. Còn phong chức Cai cơ cho các thuộc hạ như Võ Văn Lược, Nguyễn Văn Hiếu, Mạc Văn Tô. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:73)

* *Vĩnh Long: Nguyễn Huy và Lê Văn Duyệt lấy được đồn Trấn Định. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:73)*

16/7/1820: Lê Văn Duyệt tới Sài Gòn, lĩnh ấn Tổng trấn; CBMM, CB 147, 7/6 MM I [16/7/1820], tờ 188, tập II. *Mục Lục Châu Bản triều Nguyễn, Minh Mệnh I [1820]-MM V [1824]* (Hà Nội: 2003), tr. 135; TTLTQG I (Hà Nội)]. *Tấu ngày 20/7 MMI [1820], Duyệt Quận Công, chương Tả Quân Bình Tây tướng quân,*

kiêm giám Thần Sách Quân, v/v đã tới Gia Định, **châu phê: Khanh đi đường được bình an, rất hay;** tập I:56]; *Mục Lục Châu Bản triều Nguyễn, tập II, Minh Mệnh I [1820]-MM V [1824]* (Huế: 1962), tr. 12. [bản dịch Anh ngữ: Vice-roi of Gia Định]

24/3/1822: Calcutta: Phái đoàn John Crawford (1783-1868) dùng tàu *John Adams* qua Xiêm và Việt Nam.

John Crawford, *Journal of An Embassy from the Governor General of India to the Courts of Siam and Cochinchina* (London: 1830) [Phụ bản có sứ đoàn Burma do Gibson cầm đầu]; George Finlayson, *Mission to Siam and Hue, the Capital of Cochinchina, in the Years 1821-1822* (London: 1826).

Tả về Phú Quốc

28/8/1822: Crawford [Cả-la-khoa-thắc] được Lê Văn Duyệt tiếp kiến. [Xem 13/9/1822] **5/9/1822 [20/7 Nhâm Ngọ]:** Lê Văn Duyệt báo cáo về tàu Hồng Mao ghé cửa Cần Giờ. (CBMM, CMMM, CB 1:211-212; MLCBMM, II, 1962:48)

13/9/1822: Tàu John Adams hạ neo ở Đà Nẵng.

20/9/1822 [6/8 Nhâm Ngọ]: Tỉnh thần Quảng Nam báo cáo đã cung cấp thực phẩm cho tàu Hồng Mao. Vua cho lệnh quan kinh ra thám sát. (CBMM, CMMM, CB 1:214-215; MLCBMM, II, 1962:49)

25/9/1822: Crawford tới "Hui" bằng đường bộ. **29/9/1822:** Crawford [Cả-la-khoa-thắc] được một thượng thư tiếp.

Có mặt Chaigneau và Vannier. Minh Mạng từ chối tiếp kiến vì không có thư của Quốc vương Bri-tên.

Tổng đốc Manh-nha-hồ [Calcutta] (tên đất) nước Anh cát lợi là Hà Sĩ Định [Hastings] sai Cả-la-khoa-thắc mang thư đến dâng phương vật (500 khẩu súng tay, một đôi đèn pha-lê lớn). Thuyền đến Đà Nẵng. Đình thần Quảng Nam dịch thư dâng lên. Trong thư chỉ xin thông thương, không dám xin lập phố để ở. Sai đưa đến kinh. Cả-la-khoa-thắc thành khẩn xin yết kiến.

Vua nói: “*Hắn là người của Tổng đốc phái đi, không phải do mệnh của quốc vương.*” Không cho. Những phẩm vật dâng hiến cũng không nhận. Sai *Thương bạc thư cho biết điều lệ buôn bán ở kinh đô, Quảng Nam và Gia Định. Không thuận thông thương ở miền Bắc. Cấm xuất cảng vàng bạc, đồng tiền, thóc gạo, muối, kỳ nam, trầm hương, hay nam nữ. Thuế hàng hóa bình thường, 5%. Thuế gổ lim làm cột buồm, bánh lái, lát thuyền, 10%.* (ĐNTLCB, II, 6: 1822-1823:85-86; BAVH, Xè, no. 1, 1923:89) [Xem 17/10/1822]

19/11/1823: Gia Định: Lê Văn Duyệt lên đường về Huế.

Tiền hô, hậu ủng. (Báo cáo của George Gibson, người cầm đầu Sứ đoàn Miến Điện [Ava]; trong phụ bản của Crawford, *Journal of An Embassy*; Cadière, “La Mission;” BAVH, XIII, no. 1 (Jan-Mars 1926), tr. 9n13.

Chuyến đi này của Duyệt liên hệ đến vụ án Mỹ Đường thông gian với Tổng Thị Quyên. Duyệt trấn nước Tổng Thị Quyên đến chết. (ĐNTLCB, II, 7: 1824-1825, 1964:104; ĐNCBLT, I, q. 20 (truyện Anh Duệ Hoàng thái tử) & 23 (truyện Lê Văn Duyệt), [1993] 2:52, 396) [Xem Tháng 12 Giáp Thân (1825)]

2-31/12/1823 [Tháng Một Quý Mùi]: Lê Văn Duyệt về tới kinh.

Trình việc sứ đoàn Miến Điện tới Gia Định. Trước đây, Lê Văn Duyệt sai Nguyễn Văn Độ đi thuyền buôn ra nước ngoài mua đồ binh dụng; thuyền đắm, bị dạt vào tỉnh Đào Quai của Miến Điện. Giải về thành An Hoa [Ava]. Bị nghi làm gián điệp cho Xiêm, tra hỏi kỹ càng. Biết là người Việt, hậu đãi đưa về. Lại sai sứ thần mang lễ vật tới Gia Định. Duyệt cho dịch thư ra, trong nói trước đây đã hai lần gửi sứ, nhưng không đến nơi được; nay nghe tin có vua mới, xin thông hiếu và yêu cầu tuyệt giao với Xiêm.

[Sứ đoàn Miến Điện do George Gibson cầm đầu. Rời Ava ngày 21/7/1822. Bị tàu Xiêm đánh đắm, ngày 8/6/1823 mới tới Gia Định].

Đình thần thảo luận. Người muốn khước từ, vì nếu thông hiếu với Miến Điện, Xiêm sẽ méch lòng. Phe nghĩ cứ nhận, vì có từ chối, Xiêm cũng chẳng biết ơn. Minh Mạng nói, Xiêm đã cho quân giúp Gia Long một lần, nhưng thất bại. Từ đó về sau sợ oai giặc, không dám hé răng nói đến chuyện xuất binh nữa. Tuy nhiên vua muốn giữ tình láng giềng tốt với Xiêm. Cho tàu đưa sứ Miến Điện về nước. (ĐNTLCB, II, 6: 1822-1823, 1963:237-38)

Theo tài liệu Pháp, ngày 28/2/1824, Pierre Médard Diard, một nhà sinh vật học Pháp, tháp tùng phái đoàn Miến Điện trở lại Sài Gòn. Được ban 116 quan + 141 bao gạo. (J.H. Peysonnaux, "Vie, voyage et travaux de Pierre Médard Diard;" BAVH, XXII, no.1 (1-3/1935), tr. 52-5 [1-120])

27/6-25/7/1824 [Tháng 6 Giáp Thân]: - Cho Lê Văn Duyệt về lại Gia Định thành. (ĐNTLCB, II, 7: 1824-1825, 1964:63)

25/5/1791 [23 Tháng Tư Tân Hợi]: Trần thị sinh Hoàng tử thứ tư là Đam ở xóm Tân Lộc. (ĐNTLCB, I,2: 1778-1801, 1963:138)

[Sau này, Minh Mạng xây chùa Khai Tường, tức Barbet thời Pháp]

Ngày 24[8?]/7/1789, Pigneau và Hoàng tử Cảnh về tới cửa Lấp, Gia Định. Vương mừng lắm. Sai Tôn Thất Hội mang thuyền ra cửa Cần Giờ đón về. Phong Pigneau làm Đat Mệnh Điều Chế Tàn Thủy Bộ Viện Binh, Giám mục thượng sư. (ĐNCBLT, q.28, (1993) 2:476) (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:98; BAVH, 16; Kim, tr. 152). (ĐNTLCB, [nho] I, q. 4, tr. 14-5; [viet] I, 2:98; ĐNCBLT, q.28, (1993) II:476; Thư ngày 17/8/1789, Pigneau (Sàigòn) gửi [Claude Francois] Létondal (Macao); ASME [Paris], vol. 801, tr. 283; Cadière, BAVH, 1926.

Philippe Vannier (Va Nê E [Nguyễn Văn Chấn], hạm trưởng tàu Phụng phi), (ĐNCBLT, q.28, (1993) 2:477)

1794, J. B. Chaigneau [Nguyễn Văn Thắng], hạm trưởng tàu Long phi. (ĐNCBLT, q.28, (1993) 2:477)

Godefroy de Forcanz (Lê Văn Lăng, coi tàu Bằng Phi), làm đến chưởng cơ. (ĐNCBLT, q.28, (1993) 2:477)

Victor Oliver de Puymanel (Nguyễn Văn Tín) Vệ úy Vệ ban trực hậu quân thần sách. (ĐNCBLT, q.28, (1993) 2:477)

Jean Marie d'Ayot (Đa Dật) hay Trí lược hầu Nguyễn Văn Trí, chỉ huy tàu Đồng Nai và tàu Prince de Cochindrine, đặc trách vận tải và mua tàu)

Victor Oliver de Puymanel (Nguyễn Văn Tín) đã cùng Paul Hồ Văn Nghị đến đầu quân từ sau ngày Nguyễn Vương chiếm lại Sài Gòn. Nhóm lính đánh thuê Pháp lục tục tới sau. **Godefroy de Forcanz** (Lê Văn Lãng, coi tàu Bằng Phi), **Jean Marie d'Ayot** (Đa Dật hay Trí lược hầu Nguyễn Văn Trí, chỉ huy tàu Đồng Nai và tàu Prince de Cochindrine, đặc trách vận tải và mua tàu), **Julien Girard de l'Isle Sellé** (hạm trưởng Prince de Cochindrine), **Guillaume Gouilloux**, v..v... Năm 1793 có **Laurent Barizy** (Nguyễn Văn Mân). Năm 1794, J. B. Chaigneau (Nguyễn Văn Thắng, chỉ huy tàu Long phi). Năm 1795, có thêm **Charles Stanislas Lefèbre** (cháu Pigneau), từ Pondichéry qua nhập bọn. Năm 1795, có hai y sĩ là **Jean Marie Despiou** và **Desperles**. Despiou ở Huế tới năm 1824, và chết vì dịch tả (cholera).

Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện chỉ ghi bảy [7] người: Lính đánh thuê Pháp lục tục tới sau. Trong bọn này có Mạn Hòe, Đa Dật, Va Nê E, Ô Ly Vi (tức Tín), Lê Văn Lãng (người Phú Lãng Sa), Gia Đố Bi, Ma Nộ En người Y Pha Nho.

17/8/1789: Sài Gòn: Pigneau viết thư cho Claude Francois Létondal ở Macao. Thuật lại chuyện Hoàng tử Cảnh không chịu bái lạy tổ tiên. Pigneau cho rằng lễ thờ cúng tổ tiên là theo Ấn Độ, mê tín, dị đoan và sai lầm, không chấp nhận được. (ASME [Paris], vol. 801, tr. 283)

Tháng 9/1788, sai nội viên Trịnh Tấn Tài, Chu Văn Quan đi Hạ châu mua súng đạn. (*ĐNTLCB*, I, 2:1778-1801, 1963:78) Ngày 27/6/1790, Philippe Vannier [Nguyễn Văn Chấn] được cử làm hạm trưởng tàu Đồng nai, dưới quyền Jean-Marie d'Ayot [Dayot]. Vợ là Nguyễn Thị Sen. [ngày 23/10/1863, đến thăm Phan Thanh Giản]. Tháng 12/1793, sai cai đội Quang-nói-ve [Vannier], đội trưởng Pa-đơ-chê [Barizy], đều là người Tây, đi mua vũ khí ở thành Cô á [Goa, India] và xứ Mã La Kha [Malacca]. (*Ibid.*, 2:1778-1801, 1963:183; Cadière, "III. Leurs noms;" *BAVH*, VII, no.1 (1-3/1920): ngày 17/12/1793, Barizy đi Malacca và Penang)

Ngày 15/11/1824, Chương cơ Vannier (Chấn) và Chaigneau (Thắng) xin từ chức. Minh Mạng sai người hỏi lý do, vì vua đãi cũng không bạc. Đáp nay đã già xin về nước. Vua đồng ý. Thưởng cho phẩm phục và 6,000 quan tiền. (*ĐNTLCB*, II, 7: 1824-1825, 1964:79)

Ngày 15/9/1788, Tướng De Conway ở Pondichéry phái Victor Olivier de Puymanel cùng linh mục Paul [Bảo Lộc] Hồ Văn Nghị mang tàu *Dryade* thám thính miền Nam. Olivier de Puymanel cùng Paul Nghị mang theo 1000 khẩu súng cung cấp cho quân Nguyễn. Mặc dù Olivier [Ô Li Vi] mới 20 tuổi, được [Pigneau] phong làm Đại tá Tham mưu trưởng Lục quân. Chủng thì cho "quốc tính" là Nguyễn Văn Tín. Olivier còn được ghi công đã xây các thành Gia Định theo kiểu Vauban, và các thành Diên Khánh, Châu Đốc, Hà Tiên, Biên Hòa, Bà Rịa, v.. v...

Thực ra thành Gia Định xây theo kiểu Bát Quái, và sử Nguyễn không nhắc đến sự đóng góp của Olivier. Tháng 4-5/1790, Nguyễn Chủng xây thành, nằm trên gò cao thôn Tân Khai, huyện Bình Dương, bờ phải sông Sài Gòn, từ Rạch Bến Nghé [Arryoro Chinois] tới Rạch Thị Nghè [Arryoro de l'Avalanche].

Theo sử Nguyễn, “thành Bát Quái” qui chế như hình hoa sen, xây bằng đá ong, hình vuông, mỗi cạnh dài 131 trượng, 2 thước. Mở ra 8 cửa, xây bằng đá ong. Tường cao 1 trượng 3 thước (13 thước [ta]), chân dày 7 trượng 5 thước. Phía ngoài thành là hào, hào rộng 10 trượng 5 thước, sâu 14 thước, có cầu treo bắc ngang. Chu vi ngoài thành là 794 trượng.

Thành mở ra 8 cửa: Nam, Càn Nguyên & Ly Minh ; Bắc, Khôn hậu & Khâm hiêm ; Đông, Chân hanh & Cấn chỉ ; Tây, Tôn thuận & Đoàn duyệt.

Ở ngoài là đường phố, chợ búa, dọc ngang đều có thứ tự. Hai bên đường quan trồng cây gọi là đường thiên lý.

Giữa sân thành có một kỳ đài ba [3] tầng, cao 12 trượng 5 thước. Trên làm tòa vọng đầu bát giác; ban ngày kéo cờ, ban đêm kéo đèn làm hiệu lệnh cho các quân.

Trong thành có nhà Thái Miếu, kho chứa, cục chế tạo ; chung quanh có nhà tranh cho quân túc vệ ở. Năm Ất Dậu [1811], tổng trấn Nguyễn Văn Nhân [cha vợ Thiệu Trị] và Hiệp tổng trấn Trịnh Hoài Đức sửa chữa lại làm dinh Tổng trấn, lấy nhà Thái miếu cũ làm hành cung, lợp ngói chõ ở của binh sĩ. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:112-113 ; ĐNNTC, (1997), 5:221-222) [Không nhắc gì đến Ô Li Vi].

Thành này bị phá hủy năm 1835-1836, sau cuộc nổi loạn của Phó Vệ úy Nguyễn Hữu Khôi—bị Minh Mạng đổi tên thành “Lê Văn Khôi” để có dịp trút hờn giận lên hồn ma một đại công thần “đuôi to, khó vẩy,” cùng các đội lính thú hồi lương và giáo dân Ki-tô, với sự tham dự của giáo sĩ Marchand, con trai Nguyễn Văn Thành, và Phó tế người Việt ở Chợ Lớn.

Ba trong số nhân chứng Tây phương được tham quan thành này là Hải Quân Thiếu tá John White, hạm trưởng *Franklin của Mỹ* (1819-1820), và hai thương gia Bri-tên, John Crawford (25/9/1822-17/10/1822.) và George Gibson (1823). (45)

45. John White, *History of a Voyage to the China Sea* (Boston: Wells & Lilly, 1823); điểm sách trong *The North American Review*, vol. 18, no. 42 (Jan 1824), pp. 140-57; in lại dưới tựa *A Voyage to Cochinchina* (London: A & B. Spottiswood, 1824, 1972); bản dịch Pháp ngữ của P. Midan, “Les Européans qui ont vu le vieux Hué: John White;” *BAVH* (Ha Noi), 24^e année, nos. 2-3 (Avril-Sept. 1937), tr. 93-322; Miller, 1990:6-14; John Crawford, *Journal of An Embassy from the Governor General of India to the Courts of Siam and Cochinchina* (London: 1830) [Phụ bản có sứ đoàn Burma do Gibson cầm đầu]; George Finlayson, *Mission to Siam and Hue, the Capital of Cochinchina, in the Years 1821-1822* (London: 1826). Cadière, “La Mission;” *BAVH*, XIII, no. 1 (Jan-Mars 1926), tr. 9n13.

Ngày 5/6/1819, Thiếu tá John White (1782-1840), hạm trưởng tàu *Franklin của Mỹ*, thấy Pulau Obi [mũi Cà Mau]. (John White, *History of a Voyage to the China Sea* (Boston: Wells & Lilly, 1823); điểm sách trong *The North American Review*, vol. 18, no. 42 (Jan 1824), pp. 140-57; in lại dưới tựa *A Voyage to Cochinchina* (London: A & B. Spottiswood, 1824, 1972); bản dịch Pháp ngữ của P. Midan, “Les Européans qui ont vu le vieux Hué: John

White;” *BAVH* (Ha Noi), 24^e année, nos. 2-3 (Avril-Sept. 1937), tr. 93-322; Miller, 1990:6-14.

Được khen ngợi như “the most complete and authentic account which has been published, at least in our language, of the kingdom of Cochin China. That country, sometimes called Onam, was first discovered by Ptolemy [an astrologer and geographer in Alexandria, in the second century, who based his theories on the belief that all heavenly bodies revolve around the earth], by whom it is barely noticed under the name of “Sina,” and is placed by d’Anville as the eastern extremity of the ancient habitable world.” *North American Review* (Boston), vol. 18, no. 42 (Jan 1824) [New Series, no. 17], p. 140.

White đã rời Salem ngày Thứ Bảy, 2/1/1819. Tới Batavia, rồi Sumatra, trước khi đến Cochin China, một thứ “Elrado” tân thời trong các tác phẩm như *Voyage à Madagascar et aux Indes orientales* của Abbé Rochon (1791); *Oeuvres complètes của Pierre Poivre* (Paris : Fuchs, 1797), và John Barrow, *A Voyage to Cochinchina in the years 1792 and 1793* (London : Strahan & Rastow, 1806).

Theo *Encyclopedia Britanica*, Poivre giới thiệu người Cochin Chinese như “nhã nhặn, tiết kiệm, bao dung và chăm chỉ. Trong xứ không có một tên ăn mày và chưa bao giờ có chuyện sát nhân. Một khách lạ có thể lang thang từ đầu đến cuối vương quốc, ngoại trừ kinh đô, mà không bị một lời sỉ nhục nào. Bất kỳ nơi đâu, khách được tiếp đón bằng sự tò mò vui vẻ, nhưng cũng đồng thời, là sự độ lượng bao la” [gentle, frugal, hospitable, and industrious. There is not a beggar in the country, and robbery and murder are absolutely unknown. A stranger may wander through the Kingdom from one end to the other, the capital excepted, without meeting the slightest insult. He will be received everywhere with the most eager curiosity, but at the same time, with the greatest benevolence].” *North American Review* (Boston), vol. 18, no. 42 (Jan 1824) [New Series, no. 17], p. 141.

V. Quang Trung Lên Ngôi Đế:

Trong khối văn chương cổ điển định hướng Khổng Giáo, mỗi cuộc đổi thay triều đại cai trị thường được giải thích là do “số Trời,” hay “cách mệnh”—theo tinh thần quẻ **Trạch Hỏa Cách** [Đoài/Tui [chằm, hồ] trên, **Ly/Li** [lửa] dưới] của *Dịch [Yi-jing]*. (46)

46. *Chu Dịch*; số 49 : **Trạch Hỏa Cách**, tập IX, *Phan Bội Châu Toàn Tập* (Hà Nội : 2000), tr 551-565 ; *The I Ching or Book of Changes*, Richard Wilhelm/Cary F. Baynes, No 49 : **Ko: Revolution (Molting)**, (Princeton, NJ : Princeton Univ Press, 1950, 1973), Bk I, pp 190, 192 [189-192], Bk III, pp 637-638 [635-640]

Một nữ sử gia Mỹ, Frances Fitzgerald, đã mượn tượng [image] quẻ Cách, “Fire in the Lake” [Lửa Trong Hồ] làm tựa cho tập best-seller năm 1971 về chiến tranh

Việt Nam. *Fire in the Lake* đã trở thành cổ điển sau khi các văn khố QTCS Nga, Bắc Kinh và Việt Nam hé mở ra cho các nhà nghiên cứu từ thập niên 1970 và 1980. Điều tôi thường tự hỏi liệu dịch “Trạch” thành “Lake” [hồ] có chính xác? Trạch thường có nghĩa chằm, chuông, ao [swamp, marsh, pond, pool], và trên thực tế nó chỉ là tượng [hình ảnh biểu trưng] của hành [xing] “nước” hay “thủy,” trên hành “lửa” hay “hỏa”—hành nào thịnh sẽ diệt hành kia—trong chu trình “Cách,” tức biến đổi.

Câu nói cửa miệng của mỗi vua chúa định hướng Khổng giáo mới lên ngôi là “ứng mệnh Trời, thuận lòng người, thừa thời vận” để hành động như “hung sư” [dấy binh], cứu khổ cho trăm họ—Trong biểu gửi Cần Long năm 1789, Nguyễn Huệ viết: “Thần bốn Tây Sơn bổ y thừa thời cử sự. Bính Ngọ hung sư diệt Trịnh. . . .;” [Thần là người áo vải đất Tây Sơn theo thời mà hành động, năm Bính Ngọ [1786] dấy binh diệt Trịnh, v.. v..]. (47)

47. *DNCBLT*, XXX: 36A, (Sài Gòn: 1970), tr. 146-47. Xem thêm (Chiếu lên ngôi [Tức vị chiếu] của Nguyễn Huệ, do Ngô Thì Nhiệm soạn; Hàn Các Anh Hoa, *Tuyển Tập thơ văn Ngô Thì Nhiệm*, bản dịch Mai Quốc Liên, 2 tập (Hà Nội: KHXH, 1978), II:105 [103-6] Hán, 108 [107-9] Việt.: Tài liệu Ki-tô giáo ghi Quang Trung lên ngôi ngày 6/11/1788 [11/10 Mậu Thân Thanh] [họ thường dùng lịch Thanh]; CARAN (Paris), F5 A-22. Nếu lịch Việt là ngày 8/11/1788. [không đúng]

3. Ngày 21/12/1788, Đô đốc Tuyết mới vào tới Huế. Nghe xong báo cáo của Tuyết, Bắc Bình Vương cực kỳ phấn nộ cao giọng thóa mạ bọn “chó Ngô,” rồi quyết định xưng đế để có chính nghĩa đánh ngoại xâm, và “thuận ý trời, thừa thời vận,” làm một cuộc cách mệnh—**thay đổi mệnh trời**.

Hôm sau, 22/12/1788 [25/11 Mậu Thân], Nguyễn Huệ lập bàn thờ ở phía nam Huế, tế cáo trời đất, tự xưng là Quang Trung [Sáng sủa, rạng rỡ như buổi trưa], rồi kiểm điểm binh sĩ, kéo ra Bắc. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:83; không ghi ngày)

4. Tài liệu Ngô Gia Văn Phái ghi Quang Trung lên ngôi ngày 22/11 “năm nay” [có thể là Mậu Thân, tức 17 hay 19/12/1788, tùy theo lịch Thanh hay Việt].

5. Ngày 26/12/1878 [29/11 Mậu Thân] hay 27/12/1788 [1/12 Mậu Thân], Quang Trung tới Nghệ An. Cho lệnh dừng quân ở đây hơn 10 ngày. Chọn thêm dân Nghệ An, cứ 3 đình lấy 1 lính. Lấy thêm 80,000 quân Nghệ An và Thanh Hoa. Quân Thuận-Quảng chia làm 4 doanh, tiền hậu, tả hữu. Tân binh Thanh Nghệ làm trung quân. Gồm hơn 100,000 quân, voi chiến vài trăm thớt. Duyệt đại binh trước trấn dinh, rồi kéo ra Bắc. (CMCB, XLVII:39-40, (Hà Nội: 1998), II:845; ĐNCBLT, XXX:32B; (Sài Gòn: 1970), tr 132-33; (1993), II: [491-503] (Nhạc), II: 517 [503-30] (Huệ), [530-49] (Toản).

Ngày 14/1/1789 [19/12 Mậu Thân Việt] Quang Trung tới Tam Điệp. Ngô Văn Sở đến xin tạ tội đã lui quân. [Ngày 15/1/1789 [20/12 Mậu Thân Việt], theo

Liệt Truyện ĐNCBLT, XXX:32B; (Sài Gòn: 1970), tr 132-33; 1993, II: [491-503](Nhạc), II:517 [503-30] (Huệ), [530-549] (Toản)].

Ngày 15/1/1789, Tây Sơn đốt phá một làng lớn gần Kẻ Vinh, Nam Định. Lý do là không nạp đủ số lính. [Đây là trụ sở giáo phận Đàng Ngoài Tây của Giám mục Jacques Benjamin Longer (1752-1831). Tới Đại Việt năm 1776, Longer từng thành lập tiểu chủng viện An Ninh ở cửa Tùng (Quảng Trị), và được phong chức Giám mục ngày 3/4/1787. Chính thức thụ phong ở Macao ngày 4/12/1792. Chết ở Kẻ Vinh ngày 2/2/1831].

Quang Trung cho quân ăn Tết trước. Hẹn ngày 7/1 Kỷ Dậu vào thành Hà Nội. (ĐNCBLT, XXX:33A; (Sài Gòn: 1970), tr 134-35; Cử Đại Tư Mã Sở làm tiên phong; Hồ Hồ Hầu coi Hậu quân. Đại đô đốc Lộc, Đô Đốc Tuyết coi Tả quân. Thủy quân liên thuộc vào, tiến tới sông Lục Đầu. Đô đốc Tuyết giữ Hải Dương để hỗ trợ đạo quân phía Đông. Đại đô đốc Lộc tiến nhanh tới Lạng Giang, Phượng Nhãn, Thái Nguyên chặn đường rút của địch. Đại đô đốc Bảo, Đô đốc Muru lãnh hữu quân, voi và ngựa liên thuộc vào. Tiến lên Thanh trì, Hà Đông. Cục kỳ bí mật là cánh quân xung kích voi trận theo đường đỉnh tiến ra kinh đô, gồm các đơn vị sắc tộc. (ĐNCBLT, XXX:33B; (Sài Gòn: 1970), tr 136-37;

Ngày 16/1/1789 [tức 23/12 Mậu Thân Thanh], quân Thanh được tin Nguyễn Huệ ra tới Thanh Hóa. Cho lệnh chuẩn bị chiến đấu. Nhưng lực lượng thổ quân Lê hoang mang bất định. Từ năm 1786, ba tiếng “quân Tây Sơn” hay “giặc Nam Hà” đã trở thành đồng nghĩa với thần kỳ, vô địch. Ngay đến Lê Duy Kỳ cũng biến mất khỏi kinh thành, khiến Tôn Sĩ Nghị--vốn coi chiến dịch “hung Lê” như một cơ hội làm giàu và kiếm chức tước, đánh giá thấp Nguyễn Huệ cùng khả năng chống lại mệnh trời của hậu quốc—cũng bỏ rồi, lo ngại, chuẩn bị phương cách triệt thoái an toàn.

Tháng Giêng Kỷ Dậu [26/1-24/2/1789], Tây Sơn, dù:
[24/1-22/2/1789, Thanh]:

6. Trong khi đó, mặc dù Càn Long phong cho Tôn Sĩ Nghị, tước công; Hứa Thế Hanh tước tử [viscount, dưới bá trên nam]. Viện Cơ Mật cũng bắt đầu thay đổi ý kiến về chiến dịch hung Lê, linh cảm được tai họa của việc Sĩ Nghị tiến xuống Hà Nội thay vì ở lại Trấn Nam Quan để điều động tổng quát. (Lâm, 1968, p 168, notes 14, 15, 16, 17. Quan điểm của Sĩ Nghị cũng khác với Viện Cơ Mật. Sĩ Nghị muốn tiến sâu hơn vào nam, trong khi Các thần Hòa Khôn [Ho Shen] và Viện Cơ Mật muốn triệt thoái càng sớm càng tốt. Vào tháng 12/1788, nhà Thanh đã phải tổ chức 40 trạm tiếp vận từ Vân Nam tới Hà Nội. Tiến sâu về hướng nam 2,000 lý [khoảng hơn 800 cây số] nữa, sẽ cần đặt thêm 53 trạm tiếp vận mới, và 100,000 viện quân. Thêm nữa, mùa mưa sắp tới, khí hậu độc hại hơn với các chứng bệnh nhiệt đới như sốt rét, thổ tả. Đó là chưa kể dân Việt sẽ hoài nghi mục đích của quân viễn chinh Thanh. Đáng lo hơn là **thiên mệnh nhà Lê có vẻ đã tuyệt**. Tôn Sĩ Nghị cố bảo vệ quan điểm của mình, nói cánh quân Vân Nam của Ô Đại Kinh sắp bắt tay cánh quân Quảng Tây ở Hà Nội. (Lâm, 1968, tr 170).. (Lâm, 1968:169; dẫn *Thanh Sử Khảo*, Table 1, 3:2201),

Giữa lúc đó, tin Nguyễn Huệ đã xưng đế, kéo quân ra bắc, rồi Lê Duy Kỳ âm thầm biệt dạng khiến Tôn Sĩ Nghị muốn triệt thoái. Ngày 14/1/1789 [21/12 Mậu Thân Thanh], Hoàng Lịch cũng sai chạy ngựa trạm, cho lệnh Sĩ Nghị rút quân, nhưng sứ giả chưa tới nơi, tai họa đã xảy đến. Mặc dù Sĩ Nghị và một số tùy tùng vượt sông Hồng kịp thời, quá nửa quân Thanh bị kẹt lại ở bờ nam vì cầu nổi ở Thị Cầu do quân Lê bắc bị đứt. (NCLS, No. 170 (9-10/1976), tr. 81. Dẫn Takashi Inoguchi, Thử bàn về trật tự thế giới Đông Á truyền thống) Hứa Thế Hanh và nhiều tướng bị bỏ lại, trở thành nạn nhân tội nghiệp của đạo quân bách chiến bách thắng từ Quảng Nam tới Sài Gòn-Mỹ Tho, từ Huế ra Thăng Long.

7. Phần Quang Trung cho quân sĩ ăn Tết trước. Hẹn ngày 7/1 Kỷ Dậu [1/2/1789] vào thành Hà Nội. Cử Đại Tư Mã Sở làm tiên phong; Hồ Hổ Hài coi Hậu quân. Đại đô đốc Lộc, Đô Đốc Tuyết coi Tả quân. Thủy quân liên thuộc vào, tiến tới sông Lục Đầu. Đô đốc Tuyết giữ Hải Dương để hỗ trợ đạo quân phía Đông. Đại đô đốc Lộc tiến nhanh tới Lạng Giang, Phượng Nhãn, Thái Nguyên chặn đường rút của địch. Đại đô đốc Bảo, Đô đốc Muru lãnh hữu quân, voi và ngựa liên thuộc vào. Tiến lên Thanh Trì, Hà Đông. (ĐNCBLT, XXX:33AB; (Sài Gòn: 1970), tr 136-37;

VI. Trận Đánh Sáu Ngày Tết Kỷ Dậu:

1. Ngày 25/1/1789 [30/12 Mậu Thân], khi vừa thấy bóng dáng quân Tây Sơn, quân Lê ở Giản Khẩu (Sơn Nam)—phía nam Phủ Lý—tự động tan vỡ.

Nguyễn Huệ cho quân vượt sông Giản Thủy trong đêm Giao Thừa. Ngày Tết **Kỷ Dậu**, vua ra tới Hà Hồi, thuộc huyện Thường Phúc, phủ Thường Tín, Hà Đông, phía nam Hà Nội. Quân Tây Sơn tấn công. Một số đơn vị từ núi kéo xuống. (ĐNCBLT, XXX:33B; (Sài Gòn: 1970), tr 136-37; (1993), II: [491-503](Nhạc), II:518 [503-530] (Huệ), [530-549] (Toản).

Thủy quân do đô đốc Tuyết chỉ huy tiến tới Lục Đầu.

Đô đốc Lộc tiến tới Phượng Nhãn, Lạng Giang, Yên Thế. (TĐBKQSVN, 1996:415,

2. **Mồng một Tết Kỷ Dậu** [26/1/1789], Nguyễn Huệ ra tới Hà Hồi, thuộc huyện Thường Phúc, phủ Thường Tín, Hà Đông. Quân Tây Sơn tấn công. Một số đơn vị từ núi kéo xuống. Đồn, bảo Thanh chỉ chút, đại bác trí trên lũy, lại đặt ngầm địa lôi chung quanh.

Mồng ba Tết, Ngô Văn Sở tấn công một số vị trí quân Thanh ở Hà Đông. Quân Tây Sơn tiến sát thành Hà Nội. Trong đêm dùng loa kêu gọi. Vài vạn giặc xin hàng. (ĐNCBLT, XXX:34A; (Sài Gòn: 1970), tr 138-39; 1993, II: [491-503](Nhạc), II:518-19 [503-30] (Huệ), [530-49] (Toản).

Hôm sau, mồng 4 Tết [29 hay 27/1/1789], quân Thanh phản công. Tử thủ được các vị trí ở Hà Đông. (ĐNCBLT, XXX:34A; (Sài Gòn: 1970), tr 138-39; 1993, II: [491-503](Nhạc), II:518-19 [503-30] (Huệ), [530-49] (Toản).

3. Trong đêm 4-5/1 [30-31 hay 28-29/1/1789], quân Tây Sơn tổng tấn công, từ Thăng Long đến lũy Ngọc Hồi.

Đích thân Quang Trung cưỡi voi tham chiến. Sau, bỏ voi, cưỡi ngựa. Nguồn tin các giáo sĩ ghi:

“Theo lời đồn, ông đeo hai đoản đao và chạy ngang dọc chém đầu nhiều sĩ quan và binh lính Thanh, làm nhiều người chết dưới tay ông. Ông luôn miệng hô xung phong và lúc nào cũng ở tuyến đầu.”

Theo sử Nguyễn, quân Tây Sơn tiến sát đồn Ngọc Hồi. Trên lũy đạn bắn xuống như mưa. [Nguyễn Huệ] cho lệnh binh lính núp sau ván gỗ để xung trận, còn mình cưỡi voi đốc chiến ở phía sau.... Hứa Thế Hanh, Tổng binh Trương Sĩ Long và Thượng Duy Thăng chết tại Hà Hồi và Ngọc Hồi. Thái thú Điền Châu Sầm Nghi Đống treo cổ tự tử ở Đống Đa. Khoảng 7,000 giặc bỏ xác tại trận. Sĩ Nghi vội vã rút quân về hướng bắc. Cầu sập, khoảng 3,000 binh Thanh chết đuối.

Ngày ấy, Huệ xua quân nhập thành, áo chiến bào biến thành màu đen vì thuốc súng. [*Thị nhật Huệ khu binh nhập thành, sở phục chiến bào biến vì tiêu hắc sắc, giai hỏa dược khí dã*]. (ĐNCBLT, XXX:34B; (Sài Gòn: 1970), tr 140-41;

Người nhà Thanh [ở gần biên giới] chấn động dữ dội, già trẻ giắt diu nhau chạy về hướng bắc. Cả trăm dặm tuyệt không có người và khói [bếp]. [*Thanh nhân đại chấn tự quan dĩ bắc lão ấu phù huệ bồn tẩu, số bách lý tuyệt vô nhân yên*]. (26) (ĐNCBLT, XXX:35A; (Sài Gòn: 1970), tr 142-43)

4. Ngày 2/2/1789 [mùng 9 Tết Kỷ Dậu Thanh], Tôn Sĩ Nghị chạy thoát về Trấn Nam Quan. Lê Duy Kỳ cùng Hoàng thái hậu cà vợ con vua chạy theo. Tới Trấn Nam Quan, Duy Kỳ muốn ở lại kháng chiến, nhưng Sĩ Nghị khuyên sang thành Quế Lâm, chờ quân tăng viện. Duy Kỳ bèn cùng 25 người khác vượt biên qua Quế Lâm [thủ phủ Quảng Tây]. (CMCB, XLVII :42, (Hà Nội: 1998), II :847.

Quang Trung không đuổi cùng, diệt tận, mà sai sứ cầu hòa. Theo Liệt Truyện, trong khi đánh nhau, Tây Sơn bắt được sắc thư của Càn Long [Qianlong] cho Sĩ Nghị về kế hoạch đánh chiếm Đại Việt. Sau đó, Thang Hùng Nghiệp, binh bị đạo Giang Tô [Tả], viết thư khuyên Quang Trung nên vào châu nhà Thanh, vì Hoàng Lịch không có chủ tâm “ lấy lại nước Việt.”[sic] Dù coi khinh nhà Thanh, Quang Trung muốn tránh việc binh đao, nên sai Hồ Hồ Hầu mang biểu qua xin sắc phong. Trong tờ biểu, qui trách tội lỗi cho Sĩ Nghị.

Thần bốn Tây Sơn bố y thừa thời cử sự. Bính Ngọ [1786] hưng sư diệt Trịnh hoàn quốc vu Lê.

Đinh Vị thần khiến nhất tiểu tướng dĩ binh kỳ vấn tả hữu chi trợ Kiệt giả nhi Duy Kỳ vọng phong tiêu độn tự dĩ y thích

Mậu Thân [1788] thần tiến chi đô thành phục ủy tiên Lê vương chi tử Duy Cận giám quốc, kinh khiến hành giới khẩu quan bị dĩ quốc tính đề tẩu, nhi Duy Kỳ chi mẫu tiên phó Đầu Áo ái úy thân khát viện

(ĐNCBLT, q. XXX:36A-37B, (1970), tr. 146-51;

Thang Nghiệp không dám chuyên đạt. Quang Trung cho Ngô Thì Nhiệm và Phan Huy Ích phụ trách việc bang giao, chuyển khối chiến lợi phẩm khổng lồ về miền Trung bằng đường bộ; gồm đại bác, tiền bạc, v.. v...—dù có thể chỉ là một phần nhỏ của tổng số chiến phí lên tới 500,000 lạng bạc mà Tôn Sĩ Nghị được cấp phát trước khi ra quân. Cử Quang Thùy coi Bắc thành, Võ Văn Dũng phụ tá; Quang Bàn giữ Thanh Hoa; Nguyễn Văn Duệ trấn thủ Nghĩ An, nơi vua đang xây dựng một thành đất gọi là Trung Đô hay Vĩnh Đô. rồi rút quân về Huế.

DNCBLT, q. XXX:37A-37B, (1970), tr 150-53 ; 1993, II:520-22 [Nguyễn Văn Huệ] ; *DNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:86 ; *CMCB*, XLVII :, (Hà Nội : 1998), II:846-47 ; Trương Bửu Lâm, 1968, n 42, 44, 49.

Linh [Giám] Mục La Mothe nhận định:

“Ông ta [Quang Trung] đã cho đem về Phú Xuân và về tân Kinh đô [Nghĩa An] bằng đường bộ chứ không phải bằng đường thủy . . . hai, ba nghìn cỗ đại bác và súng thần công, không biết bao nhiêu là súng dài và khí giới khác cùng với số tiền bạc và tất cả những vật liệu quý giá bắt được của quân Trung Hoa. Đó, kết quả của cuộc chinh phạt ấy là như vậy, nó đem đến đau đớn và nhục nhã cho quân Trung Hoa và lợi lộc cùng vẻ vang cho quân Tây Sơn...”

“Tiêm Vương dũng cảm và tàn bạo, chúa tể [Bắc Đường Trong] và [Đường Ngoài] không mấy lo sợ quân đội gồm người Ấn Độ, Xiêm, Trung Hoa và Bồ Đào Nha... Ngay đến Hoàng đế Trung Hoa cũng có vẻ vì nể Tân Attila này vì ngài vừa mới phong ông làm vua [Đường Ngoài] qua trung gian một vị đại sứ, quên cả việc 50,000 binh lính Trung Hoa đã chết vì tay Tiêm Vương năm ngoái chỉ trong một trận giao chiến thôi.” (Đặng Phương Nghi, Một vài sử liệu về Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ, tr. 210-11)

VIII. Mặt Trận Ngoại Giao:

1. Hoàng Lịch đón tin bại trận ở An Nam với thái độ trầm tĩnh khác thường. Chẳng những không trừng phạt Sĩ Nghị mà sau này còn cân nhắc lên Xu Mật Viện, và Viện Cơ Mật. Đồng thời cử Phúc Khang An [Fu Kang'an, 1753-1796], một tướng người Mãn, làm Tổng đốc Lưỡng Quảng; và dự định đưa quân qua phục thù.

2. Dù còn tương đối trẻ, Khang An thuộc dòng giới quý tộc Mãn Châu, họ Phú Xát, con Fu Heng, thuộc Đệ bát kỳ, anh trai hoàng hậu Xiao Xian Chun. Khang An mới hoàn tất cuộc chinh thảo Formosa [Đài Loan], khiến lãnh tụ Thiên Địa Hội ốm chết, và Minh Lễ Vương cũng lia đời. Ngày 19/2/1789 [25/1 Kỷ Dậu], Khang An chính thức nhiệm chức Lưỡng Quảng [cho tới ngày 14/9/1793]. Dù là con nhà tướng, Khang An hiểu khá rõ sự tế nhị phía sau sân khấu quyền lực, và chứng tỏ khả năng giải quyết vấn đề Việt Nam một cách khôn khéo, khiến cả hai phe đều có thể tự nhận chiến thắng. Sau khi chính thức nắm Lưỡng Quảng, Khang

An đồng ý ngưng việc binh, đưa ra hai điều kiện: Phóng thích tù binh; và Nguyễn Huệ tới Bắc Kinh; (Trương Bửu Lâm, 1968, n 50, 51).. Tháng 4 Kỷ Dậu [25/4-24/5/1789], Khang An tới Quế Lâm. Tuyên bố trời nóng nực phải tạm ngưng việc binh, và yêu cầu Duy Kỳ gióc tóc theo nhà Thanh để chuẩn bị về đánh Tây Sơn. Sau đó, Khang An mật tâu Duy Kỳ đã xin nhập nhà Thanh, tiếp sứ Tây Sơn. (CMCB, XLVII:43-44; (Hà Nội: 1998), II:849-50)

3. Nguyễn Huệ dưới tên Nguyễn Quang Bình, sai cháu là Nguyễn Quang Hiến mang vàng bạc qua đút lót Phúc Khang An, xin yết kiến Càn Long. Càn Long vui lắm, hẹn năm sau Quang Bình tới Yên Kinh mừng thượng thọ 80 tuổi. Nguyễn Huệ đồng ý. Càn Long bèn phong Nguyễn Quang Bình làm An Nam Quốc Vương. (Nguyễn Chung vô cùng thất vọng vì từng gửi quân lương tiếp viện cho Tôn Sĩ Nghị và hết sức mua chuộc cảm tình nhà Thanh)

Kinh nghiệm “thông hiếu” gần tám thế kỷ cũng khiến Quang Trung và các cô vắn miền bắc lùi một bước, sai sứ xin hòa, với lập luận “không dám tấn công hay chống cự quân thiên triều.” (Trương Bửu Lâm, 1968, note 49)

25/8/1789 [26/7 Kỷ Dậu] Tờ biểu của văn võ quan chúc mừng Quang Trung về việc giao hảo đã thành; Hàn Các Anh Hoa, Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm (Hà Nội: 1978), tập II, 1978:128-29, Hán; 130-32, Việt.

Chiếu ban ơn [nhân dịp hòa hảo]; Hàn Các Anh Hoa, Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm (Hà Nội: 1978), tập II, 1978:142-43, Hán; 143-44, Việt.

Dụ cưu triều văn vũ chiếu; Hàn Các Anh Hoa, Tuyển tập thơ văn Ngô Thì Nhậm (Hà Nội: 1978), tập II, 1978:110-11, Hán; 112-13, Việt. [khi ra Hà Nội lần thứ ba, có lẽ để đánh quân Thanh. Năm 1789, Quang Trung đòi sứ Thanh vào Huế, nhưng sứ Thanh không thuận. Lễ sách phong bị đình hoãn.

Quang Trung gửi hai sứ bộ mang ba đạo biểu văn sang Yên Kinh nộp lễ vật tạ ơn và tuế cống. Một bản trần tình về việc vua Quang Trung ngoạ bệnh trên đường đi từ Nghệ An ra Thăng Long nên phải quay về chữa trị khiến cho nghi lễ thụ phong dự trừ ở Thăng Long năm 1789 phải diên trì. Bản thứ hai tạ ơn được phong vương và bản thứ ba là tờ tâu kèm theo cống phẩm của năm đó [tuế cống].

Việc Phúc Khang An cho người chỉ đường cho văn thần của Quang Trung sửa lại lối hành văn và lập luận trong sớ, biểu, và ngay cả việc lựa chọn một Nguyễn Quang Bình giả đến Nhiệt Hà ôm đầu gối Càn Long, hay phái một đoàn văn công 10 người trầm bổng ngâm nga những lời cung văn thiên tử Mãn Châu là điều có thể xảy ra. Càn Long vẫn giữ được uy thế, trong khi Quang Trung chẳng có gì để mất—tiếp tục cai trị từ Huế, bí mật kiểm soát và theo dõi chiến dịch Tây tiến để thu phục Vạn Tượng, đe dọa tấn công Nguyễn Chung. theo đường thượng đạo, và có chiến lợi phẩm khoe khoang với Càn Long. Chẳng khác biệt bao lắm với các nhân vật Nguyễn Thị Bình, Tôn Thị Nữ trong phái đoàn “ Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia ”—thực ra, là Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam—ở Paris từ 1969 tới 1975 trong một màn “ đánh lừa ngoại giao,” do các cán bộ hạng trung và thấp của sở tình báo quốc tế “P 50” Hà Nội.

Ngày 14/1/1790: Phúc Khang An thư cho Quang Trung về việc đi sứ. (ĐTLTTL, (Tokyo: 1937-1938), 1348:14).

Ngày 29/3 Canh Tuất [1790], sứ đoàn rời Nghệ An, gồm 150 người, có toán văn công trình diễn 10 bài chúc thọ Hoàng Lịch do Phan Huy Ích sang tác. (47)

47. Phan Huy Ích là con Phan Cận, người Thu Hoạch, Thiên Lộc, Hà Tĩnh, đỗ khóa Thi Hội 1775 tại Hà Nội cùng Ngô Thế Trị, và 16 đồng tiền sĩ. CMCB, XLIV:27, (Hà Nội:1998), II:724-25. *Sau làm tới Thượng thư bộ Lễ triều Tây Sơn.*

Ngoài Nguyễn Quang Bình, sứ đoàn có Hoàng tử Nguyễn Quang Thùy, Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhậm, Phan Huy Ích, v.. v.. Ngày 28/5/1790 tới Lạng Sơn, vào Trần Nam Quan. Ngày 30/5 làm lễ dâng hương ở Chiêu Đức Đài.

Được Phúc Khang An hướng dẫn lên Bắc Kinh, hết sức chiều đãi. Phí tổn lên tới 4500 lạng bạc mỗi ngày. (ĐTLTTL, (Tokyo: 1937-1938), 1356:21b-28b). Tưởng làm Quang Thụ là Thái tử, Càn Long phong Thùy làm Thế tử, sau khi Quang Thùy về nước vì ngã bệnh, mới đổi phong cho Quang Toàn. (ĐTLTTL, (Tokyo: 1937-1938), 1356:13-14).

Ngày 20/8/1790, Nguyễn Quang Bình tới Nhiệt Hà [Jehol]. (Trương Bửu Lâm, 1968, p 177, n 69; Hoa Bằng).

Biết hay không biết sự thực, Ái Tân Giác La Hoàng Lịch ra sức trình diễn sự hiện diện lịch sử của phái bộ “Nguyễn Quang Bình” ở Nhiệt Hà, như vào châu ra mắt, làm lễ bảo tât [ôm đầu gối]. Hoàng Lịch còn đích thân viết bốn chữ đại tự “**củng cực qui thành**” [nghĩa là “châu vào ngôi sao Bắc đẩu, hết lòng qui phục] và một đôi câu đối.

Hoàng Lịch rất hào phóng trong việc bỏ tục cúng tượng người vàng. Từ thời “Hậu Trần” hay Bình Định Vương; rồi lại bắt đầu từ thời Mạc Đăng Dung (1540) và Trịnh Tùng (1593). (ĐTLTTL (Tokyo: 1937-1938), 1358:14)

Sau đó, ban một bài thơ có câu nhắc nhở với ý chê trách tục cúng tượng người vàng từ thời nhà Lê. ; (Trương Bửu Lâm, 1968, 324note 53 ; Bang Giao Hảo thoại của Ngô Thì Nhậm).

Ngày 11/9/1790, Nguyễn Quang Bình theo xa giá Hoàng Lịch về Bắc Kinh. (Trương Bửu Lâm, 1968, p 177, n 69; Hoa Bằng).

Trước khi về nước, còn cho gọi đến bên giường, an ủi, vỗ về, tặng một chữ Phúc cùng nhiều quà cáp. Trên đường về tặng quà cáp. (34) 34. ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:113-14; ĐNCBLT, q. XXX:39, (Sài Gòn : 1970) , tr. 158-61 ;: (Huế : 1993), II: 524-25 [Nguyễn Văn Huệ])

Nhưng Hoàng Lịch chỉ im lặng khi Nguyễn Bình tuyên bố cần đánh Xiêm La, vì nước này hiếu chiến. (Trương Bửu Lâm, 1968, p 177, n 79)

Trên đường về nước, ngựa trạm luôn mang tới những trạm dừng chân lời thăm hỏi hay quà cáp, thiết tha như cha với con. 4/10/ Canh Tuất: Về tới Hồ Nam, có Trần Dụng Phu tháp tùng.

Ngày 3/1/1791 [29/11 Canh Tuất]: khi Nguyễn Quang Bình về tới Trấn Nam Quan. Hoàng Lịch còn gửi ngựa trạm tặng một chữ “Thọ.” (ĐHTL, q 112, tờ 33a) Thái độ của Hoàng Lịch khiến gần một thế kỷ sau còn khiến Hoàng Nghiệm cảm thấy ghen tức.

Tháng 9 Canh Tuất [8/10-6/11/1790]: *Lại thực hiện thẻ “tín bài” để kiểm soát dân đinh.* ĐNCBLT, q. XXX:40, (Sài Gòn : 1970) , tr. 162-65 ; (Huế : 1993), II: 526-28 [Nguyễn Văn Huệ]

Nguyễn Huệ cũng còn ý định đòi lại 6 châu ở Hưng Hóa, 3 động ở Tuyên Quang đã bị nhà Thanh tằm thực vào cuối đời Lê. Sau khi tổng đốc Lương Quảng nhiều lần từ chối, Nguyễn Huệ móc nối với giặc biển Tề Ngôi, Thiên Địa Hội, chuẩn bị binh thuyền nhóm ngó Lương Quảng.

Nguyễn Huệ cũng lập Lê Thị Ngọc Hân làm Bắc cung hoàng hậu, con lớn là Quang Toản làm Thái tử. Xây thành đất ở Nghệ An, gọi là Trung đô.

Lại xin mở chợ thông thương ở cửa ải Bình Thủy, Cao Bằng, cửa ải Du Thôn ở trấn Lạng Sơn. Lập nhà hàng ở Nam Ninh. Càn Long đều chấp thuận. (ĐNCBLT, q. XXX:39B-40A, (Sài Gòn : 1970) , tr. 160-63; (Huế : 1993), II: 526 [Nguyễn Văn Huệ])

Lê Duy Kỳ và tùy tùng tới Yên Kinh vào tháng 1-2/1790, nhưng chỉ được âm thầm ban mũ áo tam phẩm. (CMCB. XLVII:45-46; (Hà Nội : 1998), II:851)

Tháng 5/1791, Hoàng Ích Hiếu đi Y Lê (miền Tây TH); Lê Hân đi Phụng Thiên (Liêu Ninh, Đông Bắc TH); Phạm Như Tùng đi Hắc Long Giang (Đông Bắc TH); Nguyễn Quốc Đống đi Cát Lâm (Đông Bắc TH); 6 người khác đi Nhiệt Hà (Đông Bắc TH); và Trương Gia Khẩu (tỉnh Sát Cáp Nhĩ hiện nay). Chỉ để Phạm Đình Thiệu và Đinh Nhạ Hành ở lại hầu vua.

Ngày 19/11/1793 Lê Duy Kỳ chết tại Yên Kinh. Tháng 3-4/1804, Gia Khánh cho lệnh đưa về nước. Mở quan tài ra, trái tim vẫn chưa tiêu. (CMCB XLVII:47; (Hà Nội : 1998), II:853-54) Tháng 12/1804, táng ở lăng Bàng Thạch. (CMCB, XLVII:48; (Hà Nội : 1998), II:854) **[CM ngưng ở đây].**

Phản Quang Trung vui hưởng những tháng năm thành công cả trên hai phương diện quân sự và chính trị. Chiến dịch hành quân qua Vạn Tượng [Vientiane] từ Nghệ An của đô tổng quản Trần Quang Diệu, và đô đốc Nguyễn Văn Uyển là một chiến thắng lớn. Tháng 7-8/1790, Trần Quang Diệu lấy được Trấn Ninh, Trịnh Cao, Qui Hợp. Tháng 11/1790, Trần Quang Diệu tiến đến Vạn Tượng, sát biên giới Xiêm La. Chém được Phan Dung, Phan Siêu, rồi kéo quân về Bảo Lạc. Bọn Lê Phúc Chí đều bị hại. Nguyễn Huệ sai Vũ Vĩnh Thành, Trần Ngọc Thị qua nhà Thanh báo tin. Tiếng là kính thuận, nhưng ra để khoe. Ngọc Thị qua nhà Thanh báo tin. Tiếng là kính thuận, nhưng ra để khoe. (ĐNCBLT, q. XXX: 40A, (Sài Gòn : 1970) , tr. 160-63; (Huế : 1993), II: 526 [Nguyễn Văn Huệ])

Tháng Chạp Kỷ Dậu [15/1-13/2/1790]: Lê Duy Kỳ và tùy tùng tới Yên Kinh. Được nhà Thanh cho mũ áo tam phẩm. (CMCB, XLVII:45-46; (Hà Nội: 1998), II:851) [Xem tháng 4 Tân Hợi (1791)]

Ngày 19/11/1793 [ngày Ất Tị, 16/10 Quý Sửu]: Lê Duy Kỳ chết tại Yên Kinh. (CMCB, XLVII:47; (Hà Nội: 1998), II:853)

Tháng 2 Giáp Tí (12/3-19/4/1804), Gia Khánh cho lệnh đưa về nước. (CMCB, XLVII:48; (Hà Nội: 1998), II:854) Mở quan tài ra, trái tim vẫn chưa tiêu. Tháng 11 (2-31/12/1804), táng ở lăng Bằng Thạch. (CMCB, XLVII:48 (Hà Nội: 1998), II:854)

Nguyễn Huệ lập Lê Thị Ngọc Hân làm Bắc cung hoàng hậu, con lớn là Quang Toản làm Thái tử. Xây thành đất ở Nghệ An, gọi là Trung đô.

Tháng 10-11/1790, thực hiện thể “tín bài” để kiểm soát dân đinh. (ĐNCBLT, q. XXX: 40, (Sài Gòn : 1970) , tr 162-65 ; (Huế : 1993), II: II:526-28 [Nguyễn Văn Huệ])

Lại xin mở chợ thông thương ở cửa ải Bình Thủy, Cao Bằng, cửa ải Du Thôn ở trấn Lạng Sơn. Lập nhà hàng ở Nam Ninh. Càn Long đều chấp thuận. (ĐNCBLT, q. XXX:39B-40A, (Sài Gòn : 1970) , tr. 160-63; (Huế : 1993), II: 526 [Nguyễn Văn Huệ])

Nguyễn Huệ còn nuôi ý định đòi lại 6 châu ở Hưng Hóa, 3 động ở Tuyên Quang đã bị nhà Thanh tằm thực vào cuối đời Lê. Sau khi tổng đốc Lương Quảng nhiều lần từ chối, Nguyễn Huệ móc nối với giặc biển Tề Ngôi, Thiên Địa Hội, chuẩn bị binh thuyền nhòm ngó Lương Quảng.

Tháng Năm Nhâm Tí [19/6-18/7/1792]: Thủy quân Tây Sơn cùng hải tặc Tề ngôi vào đánh phá vùng Khang Thuận-Bình Thuận. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:157-58)

16/6/1792: LM L. Labousse viết thư nói khoảng 30,000 quân Tây Sơn qua Lào, có lẽ chiến thắng và làm chủ như đã làm chủ Đàng Trong và Đàng Ngoài. (L. Cadière, “Documents relatifs à l’époque de Gia Long;” BEFEO, 1912, p. 26.

LM Pierre Jacques Lemonier de Labissachère, *État actuel du Tonkin, de la Cochinchine et des royaumes du Cambodge, Laos et Lactho, 2 vols (Paris: Edouard Champion, 1812, 1820)*: nói về cuộc hành quân của Trần Quang Diệu qua Lào. Quân Tây Sơn khoảng 6-10,000 người. Định tấn công bắt ngờ Gia Định. Đồng thời hỏi tội vua Vạn Tượng tại sao không công lễ Tây Sơn. Tuy nhiên, đạo quân Trần Quang Diệu bị hầu như tận diệt. *Tran Quang Dieu was defeated and “his army perished nearly entirely while it passed through Laos.” [p. 51]; Paths, 1998:93n8. Thai sources indicate that Nanthasen sent the trophies to Rama I.*

1792, Quang Trung còn cho soạn biểu xin cầu hôn công chúa nhà Thanh. Tuy nhiên, bị bạo bệnh đột ngột từ trần, nên dấu việc này đi. (ĐNCBLT, q. XXX:39B-40A, (Sài Gòn : 1970) , tr. 160-63; (Huế : 1993), II: 528 [Nguyễn Văn Huệ])

Tháng Sáu Nhâm Tí [19/7-17/8/1792], lần đầu tiên Chùng mang binh thuyền ra đánh Thị Nại, phá hủy hạm đội của Nguyễn Nhạc. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:158-59)

Nguyễn Huệ chuẩn bị binh thuyền đánh Chũng. Tuyên bố với thuộc hạ : "Tên Chũng trốn ẩn mình nơi nọ nơi kia, và cầu những Tây dương nhân tới giúp. Dầu tên Chũng, dầu các Tây dương nhân thì cũng chẳng làm gì được. Vì chẳng có gan đảm, chẳng hay nghề võ ; chớ khá đem lòng sợ mà chi." SKĐNV, 1974 :59-60.

Tháng 7 Nhâm Tý [18/8-15/9/1792] [thiếu]: Nguyễn Huệ rút binh thuyền về cửa biển [vũng tàu] Phan Rang.

Ngày 13/11/1792 [hay 11/11/1792, tức 29/9 Nhâm Tý Thanh] Nguyễn Huệ (1753-1792) từ trần ở Phú Xuân.

Đại Nam Liệt Truyện của nhà Nguyễn chép vua mất ngày 29 tháng 9 Nhâm Tý [Cửu nguyệt nhị thập cửu nhật Huệ tử, tiếm vị ngũ niên, niên tài tứ thập; ĐNCBLT, q. XXX: Ngụy Tây, 42B; (Sài Gòn: 1970), tr. 172-73; (1993), II:529].

[Dịch giả Sài Gòn dịch là “băng.” Sử quan Nguyễn viết chữ “tử” với hàm ý “trùng phạt” Quang Trung.

Đại Thanh thực lục cũng ghi “vua An Nam Nguyễn Quang Bình” mất ngày 29 tháng chín Nhâm Tý [giống như ĐNLT, *Ngụy Tây, nhưng theo lịch Thanh là 11/11/1792*] tại Nghĩa An.

Thọ 40 tuổi. Chôn ở phía nam sông Hương. SKĐNV, 1974:60: 45 tuổi, không ghi ngày mất. Ghi chuyện Nguyễn Quang Bình giả được “Gia Khánh!” phong vương vào năm 1791 tại Kê Chợ [thực ra, tháng 3 Nhâm Tý, 1790). SKĐNV, 1974:42-44).

Khi Ngô Thì nhiệm và Nguyễn Viết Trực sang nhà Thanh báo tang; nói **Quang Trung dận chôn cất ở Tây Hồ để nhìn ngóng về nhà Thanh**. Càn Long đặt cho tên thụy là **Trung Thuần** đích thân làm thơ phúng điếu: ĐNCBLT, q. XXX: Ngụy Tây, 43, (Sài Gòn: 1970), tr. 174-77)

Ngoại bang lệ dĩ khiến bồi thân

[Lệ [bang giao] nước ngoài thì sai bề tôi đi

Triển cận tòng vô chi kỉ thân

[Việc châu thăm từ trước đến nay không hề bận đến bản thân

Nạp khoản tới gia lai ngọc khuyết

[Nộp cống thì đáng khen nhất là việc thân đến triều khuyết

Hoài nghi kham tiểu đại kim nhân

[**Trầm hoài nghi và nực cười việc triều trước đòi người vàng;**

Thu trung thượng úc y quan túc

[Mùa Thu trước, trầm còn nhớ khanh áo mào nghiêm trang

Tất hạ tình như phụ tử thân

[Dưới đầu gối tình thân thiết như cha với con

Thất tự bất năng bãi ai thuật [

Bảy chữ không thể dứt niềm xót xa

Liên kỳ trung khốn xuất trung chân

[Thương sự trung thành của khanh phát xuất từ lòng trung thực. (ĐNCBLT, q. XXX:43, (Sài Gòn: 1970), tr. 174-75; Xem thêm về kim nhân, ĐTLTTL (Tokyo: 1937-1938), 1358:14; Trương Bửu Lâm, 1968:324n53.

Cho thêm vua một pho tượng Phật và ba ngàn lạng bạc để làm lễ chôn cất.

Sai án sát Quảng Tây là Thành Lâm tới mộ giả ở Tây Hồ (Linh Đường (Thanh Trì), Hà Nội) đọc văn tế. Cũng nhắc đến chuyện sang châu. (ĐNCBLT, q. XXX:43b, (Sài Gòn: 1970), tr. 176-77; (Huế: 1993), II:530.

Khắc trên mộ chí hai câu:

Chúc ly nam cực hiệu trung đặc tướng kỳ xu triều;

[Cầu phúc cho vương ở cuối phương nam, đã tận trung nên đặc biệt khen thưởng việc vương sang châu;

Thỏa phách Tây hồ một thế vô vong ư luyến khuyết”

[Vương yên xác ở Tây hồ, lúc lia đời chẳng quên lòng quyến luyến thiên triều.” (XXX:43b, (Sài Gòn: 1970), tr. 176-77)

2. Về nguyên cơ cái chết của vua Quang Trung, còn nhiều dấu hỏi. Theo sử quan Nguyễn, vua bị thần nhân đánh trọng thương trong giấc mơ vì đã dám phá hủy lăng tâm nhà Nguyễn.

Huệ tàn ngược vô đạo, kỳ sơ cứ Đô thành dã, liệt thánh chư tôn lãng giai phạm chi. Nhất nhật văn tọa hốt huyễn vưng kiến bạch đầu ông tự không trung lai, trít bạch y, trì thiết bạng mạ viết: “Nhĩ chi tổ phụ cư Vương thổ, thế vi Vương dân, nhĩ an cảm phạm chi lãng tâm?” Dĩ bạng kích kỳ tang, Huệ hôn đảo lương cửu nãi tỉnh dĩ ngữ Trung thư Trần Văn Kỷ. Tự thử bịnh chuyển kịch... (ĐNCBLT, q.XXX:42 [Ngụy Tây], (Sài Gòn: 1970), tr. 170-73, (1993), II:528; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:159-60)

Theo tin đồn của Ki-tô giáo, Nguyễn Huệ chết vì say mê tử sắc qua độ. (SKĐVN, 1974:60.

Vào đầu thế kỷ XXI này, những nguyên cơ như “thần nhân” giết chết khó đúng vững. Nhưng trong dân gian lại có tin đồn (a) **vua bị đầu độc mà thủ phạm hoặc là các giáo sĩ Ki-tô** (những người đang ủng hộ Nguyễn Chung khôi phục lại Đàng [Đường] Trong, mở đường cho các đoàn viễn chinh Pháp trong thế kỷ XIX), hoặc (b) **người Thanh** (vì vua mưu đòi lại phần đất đã bị nhà Thanh xâm lấn vào cuối triều Lê-Trịnh [1780], và cả vùng Lưỡng Quảng). (48)

48. **7/3/1791:** Phú-Xuân: Quang Trung dùng giáo sĩ Jean Jacques Guérard (1761-1823) làm thầy thuốc. Vợ lớn của vua bị bệnh nặng. Quang Trung sai một đại thần người Ki-tô đi tìm một giáo sĩ người Âu đến giúp trị bệnh. Guérard lúc bấy giờ đang ở tại xứ đạo của Giám mục Jean Labartette ở Dinh Cát, thuộc xã Ái Tử, huyện Đăng Xương, Quảng Trị. Nhưng ngày 29/3, vợ Quang Trung chết. (Thư ngày 25/11/1792, Girard gửi Boiret; ASME, Tonkin 692, tr. 397-99) Guérard tới Đàng Ngoài ngày 11/12/1789. Giám mục ngày 23/7/1816. Chết ngày 18/6/1823.

Loại tin đồn này cũng dễ hiểu. Người Việt là một dân tộc rất mê say thuyết “âm mưu” [*conspiracy*]. Đây là đặc tính của một dân tộc luôn luôn sống dưới các chế độ chuyên chính, bị bung tai, bịt mắt, nên hay hoài nghi, và tìm cách giải thích mọi sự, mọi việc theo trí tưởng tượng dựa trên những cảm nhận [*perceptions*] đầy chủ quan và hiểu biết bì phu của mình.

[Trước đó, một hôm Nguyễn Huệ đang ngồi chơi buổi chiều bỗng mơ thấy một ông già đầu bạc từ trên không xuống, mặc áo trắng, tay cầm gậy sắt chỉ vào Huệ mà bảo rằng: “Ông cha mày sinh ở đất vua, đời làm dân vua, mày sao dám vô lễ xâm phạm lăng tẩm?” Rồi đánh vào trán một cái, Huệ mê ngất ngã ra.” Tả hữu đều sợ, giờ lâu mới tỉnh. Dem việc ấy nói với trung thư Trần Văn Kỳ. Nhân đó ốm không dậy được.

Trôi trắng với bọn [Trần Quang Diệu]: “Ta mở mang cương giới, khai thác đất đai có trùm cõi Nam phục, nay bệnh ắt không dậy được. Thái tử tư chất khá cao nhưng tuổi còn bé, ngoài thì có mối thù với nước Gia Định, vua Thái Đức tuổi già ham dật lạc, tạm yên không lo hậu hoạn. Sau khi ta mất rồi thì trong khoảng một tháng lo chôn cất sơ sài cho xong việc mà thôi. Bọn ngươi nên phù Thái tử sớm về Vĩnh đô để không chế thiên hạ. Không như thế thì khi binh Gia Định ra tới, bọn ngươi không có chỗ chôn đấy.” (49)

49. ĐNCBLT, q.XXX:42b [Nguy Tây], (Sài Gòn: 1970), tr. 172-73, 1993, II:528-29; ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963:159-60) lghi Nguyễn Huệ chết ngày 29/9 Nhâm Tí [13 hay 11/11/1792]. Nguyên Vũ, "Việc nghiên cứu nhà Tây Sơn (1778-1801);" *Ngàn Năm Soi Mặt* (Houston : Văn Hóa, 2002), tr. 284-87 [271-316].

Chẳng rõ có bao nhiêu phần trăm sự thực. Theo tài liệu Ngô Gia Văn Phái, Hàn Các Anh Hoa, sau trận thủy chiến ở Thị Nại tháng 7-8/ 1792, Tháng Sáu Nhâm Tí [19/7-17/8/1792], (2:158-59) Quang Trung vẫn còn đánh giá thấp Nguyễn Chủng cùng sự giúp đỡ của "Tây dương nhân. "

Trong khi chuẩn bị binh thuyền đánh Chủng. Nguyễn Huệ tuyên bố với thuộc hạ :

"Tên Chủng trốn ẩn mình nơi nọ nơi kia, và cầu những Tây dương nhân tới giúp. Dẫu tên Chủng, dẫu các Tây dương nhân thì cũng chẳng làm gì được. Vì chẳng có gan đảm, chẳng hay nghề võ ; chớ khá đem lòng sợ mà chi. " SKĐNV, 1974 :59-60.

Dặn con là Nguyễn Quang Toàn rằng *"Ta sẽ chết đây. Thần kinh Phú Xuân không phải của mày có được. Nghệ An là đất của cha mẹ ta. Đất ấy là nơi hiểm yếu có thể trông cậy được. Ta đắp thành dày để làm Trung đô là làm kế Tấn Dương ngày khác cho mày. Sau khi ta chết mày nên về đó. Nếu có biến cố nào còn có thể giữ được."* Rồi Huệ chết]. (ĐNTLCB, I, 2: 1778-1801, 1963 :160

Theo *Đại Nam Thực Lục* của Quốc sử quán nhà Nguyễn, có tin vua Quang Trung mất ngày 29 tháng 7 Nhâm Tí, tức ngày 16 [15?]/9/1792 tại Phú Xuân. (ĐNTLCB, q. VI, 7B; I, 2: 1778-1801, 1963:159-60)

[Trước đó, một hôm Nguyễn Huệ đang ngồi chơi buổi chiều bỗng mơ thấy một ông già đầu bạc từ trên không xuống, mặc áo trắng, tay cầm gậy sắt chỉ vào Huệ mà bảo rằng: “Ông cha mày sinh ở đất vua, đời làm dân vua, mày sao dám vô lễ xâm phạm lăng tẩm?” Rồi đánh vào trán một cái, Huệ mê ngất ngã ra.” Tả hữu đều sợ, giờ lâu mới tỉnh. Dem việc ấy nói với trung thư Trần Văn Kỳ. Nhân đó ốm không dậy được.

Dặn con là Nguyễn Quang Toàn rằng “Ta sẽ chết đây. Thần kinh Phú Xuân không phải của mày có được. Nghệ An là đất của cha mẹ ta. Đất ấy là nơi hiểm yếu có thể trông cậy được. Ta đắp thành dày để làm Trung đô là làm kế Tấn Dương ngày khác cho mày. Sau khi ta chết mày nên về đó. Nếu có biến cố nào còn có thể giữ được.” Rồi Huệ chết]. Không ghi ngày.

Con là Quang Toàn lên nối ngôi. Niên hiệu là Cảnh Thịnh. Thái sư Bùi Đắc Tuyên nhiếp chính. (*ĐNLT CB, I, 2: 1778-1801, 1963:159-60*)

Năm 1946, Hoàng Xuân Hãn đã mượn báo *Dư Luận* để nêu lên vấn đề trên, khi Bộ trưởng Giáo dục của chính phủ VNDCCH chọn ngày **29 tháng 9 âm lịch [13/11/1792]** làm ngày giỗ vua Quang Trung. Theo Giáo sư Hãn, Quang Trung đã băng hà ngày **29 tháng 7 Nhâm Tý** (cuối tháng 7 [29/7] Nhâm Tý): (tương đương với ngày **14/9/1792 16 [15?]/9/1792**). (“Ngày giờ Quang Trung mất;” *Dư Luận* (Hà Nội), số 28 (1946), tr. 5; *Toàn tập, II:1074-77*)

Hoàng Xuân Hãn đã trưng dẫn những tư liệu sau để biện minh cho lập luận của ông:

Theo *Đại Nam Thực Lục* của Quốc sử quán nhà Nguyễn, vua Quang Trung mất ngày 29 tháng 7 Nhâm Tý, tức ngày 16 [15?]/9/1792 tại Phú Xuân. (*ĐNTLCB, q. VI, 7B; I, 2: 1778-1801, 1963:159-60*)

[*Bản dịch Việt ngữ chúng tôi có trong tay chỉ ghi tháng 7 Nhâm Tý [18/8-15/9/1792 lịch Việt, hay 16/8-13/9/1792 nếu là lịch Thanh] không ghi ngày. Lịch VN hiện nay ghi ngày 29/7 Nhâm Tý tương đương với ngày 15/9/1792; ngày 16/9/1792 tương đương ngày 1/8 Nhâm Tý*]

Một số tư liệu khác ghi tương tự: *Quốc triều toát yếu* của Cao Xuân Dục, *Dụ Am tập* của Phan Huy Ích, và di cảo của Lê Huy Dao, một vong thần nhà Lê. (Hãn, *Toàn Tập, II:1075*) [**Bản dịch Việt ngữ Quốc triều toát yếu chúng tôi có trong tay cũng chỉ ghi tháng 7 Nhâm Tý, không ghi ngày; 1923, 1971:25**]

[*Dã sử nhật ký và Hoàng Lê Nhất Thống Chí* ghi là vua mất vào tháng 8 Nhâm Tý [16/9-15/10/1792]. (Hãn, *Toàn Thư, II:1077*). Ngụy Nguyên và Từ Diên Húc, hai tác giả Thanh, ghi Quang Trung chết tháng **3 Nhâm Tý (4/1792)**]. [**Xem 29/9 Nhâm Tý**]

Tương tự như thế, cái chết của Nguyễn Nhạc đầy nghi vấn.

Theo Liệt truyện nhà Nguyễn, Nhạc chết vào tháng Tư Quý Sửu [10/5-8/6/1793] vì uất ức thái độ ngang ngược của nhóm Thái úy Phạm Công Hưng, Hộ giá Nguyễn Văn Huân, Đại Tư-lệ Lê Trung, Đại Tư Mã Ngô Văn Sở và Đặng Văn Châu khi mang quân giải cứu Qui Nhơn theo lời yêu cầu của Nhạc. Nhạc học máu mà chết. (*ĐNCBLT, q. XXX: Ngụy Tây, 16A, 45A, tr 66-7, 182-83*)

Theo *Đại Nam Thực Lục*, Nhạc chết vào **tháng 9 Quý Sửu (5/10-3/11/1893)**. Nguyên do cũng vì sự lộng quyền của nhóm Hung, Huân. (*ĐNTLCB*, I, 2: 1778-1801, 1963:179)

Các nhà truyền giáo cũng không đồng nhất về ngày Nguyễn Nhạc mất. Ngày 6/6/1793, từ Bồ Chính, Linh mục Guérard thư cho Boiret báo tin Nhạc chết ngay sau khi Quang Toàn mang quân vào giải cứu Qui Nhơn. (*ASME*, Tonkin 692, tr. 426-29) Nhưng Linh mục La Mothe lại cho rằng Nhạc chết ngày **13/12/1793**. (Thư La Mothe gửi Boiret; *Ibid.*, Tonkin 692, tr. 539-41). Vài tài liệu của các giáo sĩ Pháp, như Jean Jacques Guérard (1761-1823) thì ghi (tháng 5/1793) “ác chúa thứ nhất” [tức Quang Trung] chết vào tháng 9/1792; Pierre Marie Le Labousse (tháng 7/1793) ghi Quang Trung chết vào đầu tháng 9/1792.

Houston, 1/2/2015

Vũ Ngự Chiêu & Hoàng Đỗ Vũ